

BẢN TIN

TÁI
CƠ CẤU
TRONG

CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG

SỐ 1/2025: CHUYÊN NGÀNH THỦY TINH VÀ SẢN PHẨM TỪ THỦY TINH



**THỰC TRẠNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP THỦY TINH
VIỆT NAM**

Ngành sản xuất thủy tinh toàn cầu được dự báo
đạt 480,6 tỷ USD vào năm 2034

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



**Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại**

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ: Tòa nhà Bộ Công Thương

- 655 Phạm Văn Đồng,

Nghĩa Đô - Hà Nội

Tel: (024) 22192875

Fax: (024) 39349177

Mục lục

3 TỔNG QUAN

4 - 14 NGÀNH THỦY TINH VIỆT NAM

- Thực trạng ngành công nghiệp thủy tinh Việt Nam
- Tái chế rác thải thủy tinh - Giải pháp xanh cho ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh Việt Nam

15 - 66 NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

- Thị trường thủy tinh toàn cầu
- Sản xuất trong nước tăng trưởng chậm lại, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Mỹ tăng
- Chi phí sản xuất cao – EU tăng nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh
- Vương quốc Anh tăng nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh - cơ hội cho Việt Nam
- Ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản có xu hướng suy giảm
- Trung Quốc duy trì vị trí hàng đầu trong chuỗi cung ứng thủy tinh toàn cầu, cả về sản xuất lẫn xuất khẩu
- Hàn Quốc nhập siêu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh, mặc dù là quốc gia có ngành công nghiệp phát triển
- Ngành sản xuất thủy tinh Malaysia dự báo sẽ tăng trưởng ổn định nhưng phân hóa theo phân khúc

67 CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ

Ngành công nghiệp thủy tinh của Việt Nam đang phát triển ổn định nhờ nhu cầu trong nước gia tăng, cơ hội xuất khẩu rộng mở và những tiến bộ trong công nghệ sản xuất. Các doanh nghiệp sản xuất trong ngành đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu. Tuy nhiên, ngành vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như mức tiêu hao năng lượng cao, chi phí đầu vào gia tăng và tình trạng thiếu hụt lao động kỹ thuật lành nghề. Dù vậy, với sự hỗ trợ tích cực từ phía Chính phủ, cùng định hướng phát triển bền vững và đầu tư vào công nghệ tiên tiến, ngành sản xuất thủy tinh Việt Nam đang có vị thế vững chắc để củng cố và mở rộng sự hiện diện trên cả thị trường trong nước lẫn quốc tế. Theo Trung tâm Tư vấn và Nghiên cứu thị trường 6Wresearch, ngành sản xuất thủy tinh tại Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng hai con số trong giai đoạn từ năm 2025 - 2029. Tốc độ tăng trưởng bắt đầu ở mức 10,71% vào năm 2025, đạt đỉnh ở mức 12,28% vào năm 2027, và giảm nhẹ còn 10,41% vào năm 2029.

Cùng với tiêu thụ nội địa, xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam cũng tăng trưởng ấn tượng trong thời gian gần đây cũng là yếu tố thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành. Theo số liệu của Cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam trong giai đoạn năm 2020 – 2024 tăng trưởng bình quân 7,8%/năm. Đáng chú ý, sau khi sụt giảm liên tiếp trong hai năm 2022-2023 do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, xuất khẩu ngành hàng này đã phục hồi mạnh mẽ trong năm 2024, đạt mức kỷ lục 1,19 tỷ USD, tăng 42,4% so với năm 2023. Dữ liệu mới nhất cho thấy, trong 5 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao, đạt 524,34 triệu USD, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu có sự dịch chuyển sang nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thị trường xuất khẩu ngày càng đa dạng.

Kết quả này đã giúp Việt Nam củng cố vị trí thứ 19 trong danh sách các quốc gia xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn nhất thế giới, với thị phần trong tổng kim ngạch xuất khẩu toàn cầu tăng từ 1,2% lên 1,4% trong giai đoạn 2020–2024. Thị trường thủy tinh và sản phẩm thủy tinh được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong thời gian tới sẽ là yếu tố hỗ trợ ngành công nghiệp này tại Việt Nam tiếp tục phát triển. Theo Công ty nghiên cứu thị trường Research and Markets, thị trường thủy tinh và sản phẩm thủy tinh đã tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây và sẽ tăng từ 230,7 tỷ USD vào năm 2024 lên 243,43 tỷ USD vào năm 2025, tăng 5,5%. Quy mô thị trường, thủy tinh và sản phẩm thủy tinh toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng ổn định trong vài năm tới, đạt 287,2 tỷ USD vào năm 2029, tăng trưởng bình quân 4,2%/năm. Sự tăng trưởng trong giai đoạn dự báo được hỗ trợ bởi các sáng kiến về tòa nhà xanh, công nghệ kính thông minh, xe điện và xe tự hành, tập trung nhiều hơn vào vấn đề an toàn, những tiến bộ trong công nghệ. Các xu hướng chính trong thời gian tới bao gồm nhu cầu ngày càng tăng đối với kính tái chế, chuyển đổi kỹ thuật số trong sản xuất kính, mở rộng việc sử dụng kính trong thiết bị điện tử, các cân nhắc về an toàn và bảo mật, xu hướng đô thị hóa toàn cầu...

Tuy nhiên, sự cạnh tranh từ các vật liệu thay thế và các yếu tố kinh tế vĩ mô như lạm phát và gián đoạn chuỗi cung ứng có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng. Với hàng loạt các hiệp định thương mại tự do đã được ký kết và đưa vào thực thi, ngành thủy tinh của Việt Nam có nhiều tiềm năng trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp còn đang tích cực cải thiện khả năng cạnh tranh toàn cầu thông qua nâng cao chất lượng sản phẩm và áp dụng công nghệ hiện đại. Điều này được thể hiện qua tăng trưởng xuất khẩu ba chữ số gần đây sang các thị trường có yêu cầu và đòi hỏi cao về chất lượng như Mỹ, Canada...

THỰC TRẠNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP THỦY TINH VIỆT NAM



Ngành công nghiệp thủy tinh của Việt Nam đang phát triển ổn định nhờ nhu cầu trong nước gia tăng, cơ hội xuất khẩu rộng mở và những tiến bộ trong công nghệ sản xuất.

Việt Nam có lợi thế về nguồn nguyên liệu dồi dào, chi phí lao động cạnh tranh và vị trí địa lý thuận lợi, giúp các doanh nghiệp đáp ứng hiệu quả nhu cầu từ cả thị trường trong nước và quốc tế. Quá trình đô thị hóa và sự phát triển tầng lớp trung lưu thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thủy tinh gia dụng và trang trí. Song song đó, các sản phẩm kính công nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng và ô tô, thực phẩm và đồ uống cũng ghi nhận mức tăng trưởng ổn định nhờ vào sự phát triển cơ sở hạ tầng và quá trình công nghiệp hóa.

Chính phủ cũng đang tích cực thúc đẩy việc sử dụng công nghệ chiếu sáng tiết kiệm năng lượng thông qua các dự án như Dự án Chiếu sáng Công cộng Hiệu quả Năng lượng (VEEPL) và Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Sử dụng Năng lượng Tiết kiệm và Hiệu quả (VNEEP).

Bên cạnh đó, ngành du lịch phát triển mạnh mẽ đã kéo theo nhu cầu lớn về hệ thống chiếu sáng hiện đại, đặc biệt là tại các khách sạn và khu nghỉ dưỡng.

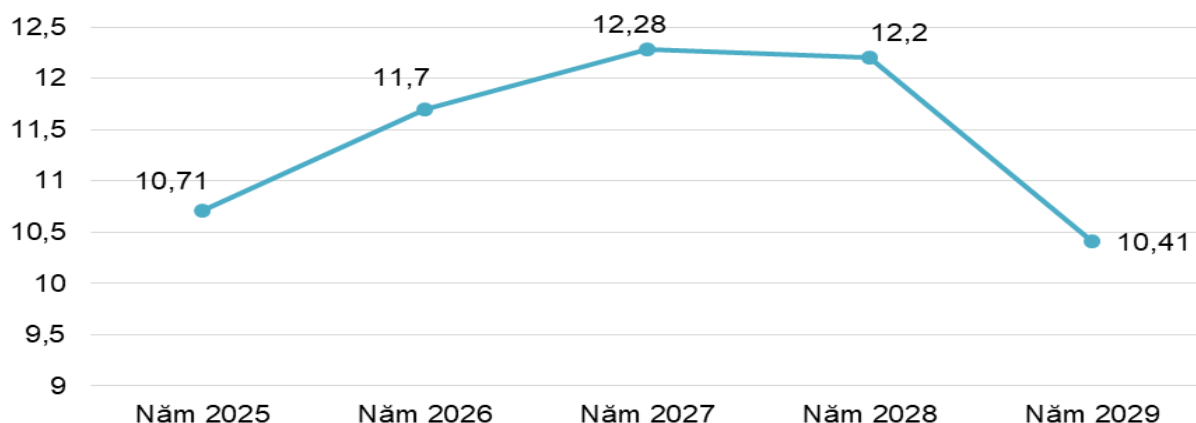
Theo báo cáo của IMARC Group, thị trường đèn LED tại Việt Nam được dự báo đạt giá trị 982,8 triệu USD vào năm 2028, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) đạt 7% trong giai đoạn 2023–2028.

Các doanh nghiệp sản xuất trong ngành đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu. Tuy nhiên, ngành vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như mức tiêu hao năng lượng cao, chi phí đầu vào gia tăng và tình trạng thiếu hụt lao động kỹ thuật lành nghề. Dù vậy, với sự hỗ trợ tích cực từ phía Chính phủ, cùng định hướng phát triển bền vững và đầu tư vào công nghệ tiên tiến, ngành sản xuất thủy tinh Việt Nam đang có vị thế vững chắc để củng cố và mở rộng sự hiện diện trên cả thị trường trong nước lẫn quốc tế.

Theo Trung tâm Tư vấn và Nghiên cứu thị trường 6Wresearch, ngành sản xuất thủy tinh tại Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng hai con số trong giai đoạn từ năm

2025 - 2029. Tốc độ tăng trưởng bắt đầu ở mức 10,71% vào năm 2025, đạt đỉnh ở mức 12,28% vào năm 2027, và giảm nhẹ còn 10,41% vào năm 2029.

Dự báo tăng trưởng sản xuất thủy tinh của Việt Nam trong giai đoạn năm 2025 - 2029 (%)



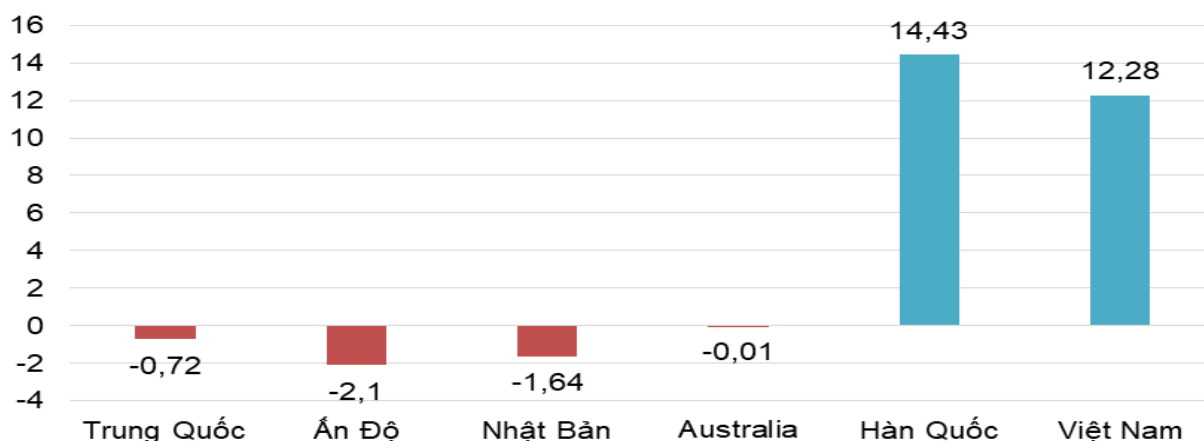
(Nguồn: 6wresearch)

Dự báo đến năm 2027, Việt Nam và Hàn Quốc sẽ là hai quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong số các nước sản xuất hàng đầu châu Á, bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Australia. Các quốc gia này đang định hình một thị trường năng động, được thúc đẩy bởi đổi mới và công nghệ tiên tiến.

Hiện nay, thị trường thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh có sự tham gia của

cả doanh nghiệp trong nước lẫn các tập đoàn nước ngoài. Các công ty nội địa - tiêu biểu là Tổng công ty Viglacera giữ vai trò chủ lực trong sản xuất và cung ứng các dòng kính kiến trúc, kính xây dựng và bao bì thủy tinh. Đồng thời, các tập đoàn nước ngoài như Saint-Gobain cũng đang tích cực tham gia thị trường, mang đến các giải pháp kính chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu xây dựng và ứng dụng công nghiệp trong nước.

Tăng trưởng ngành thủy tinh của các nước sản xuất hàng đầu châu Á đến năm 2027 (%)



(Nguồn: 6wresearch)

Về xuất khẩu:

Bên cạnh tiêu thụ trong nước, xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam cũng tăng trưởng ấn tượng trong thời gian gần đây.

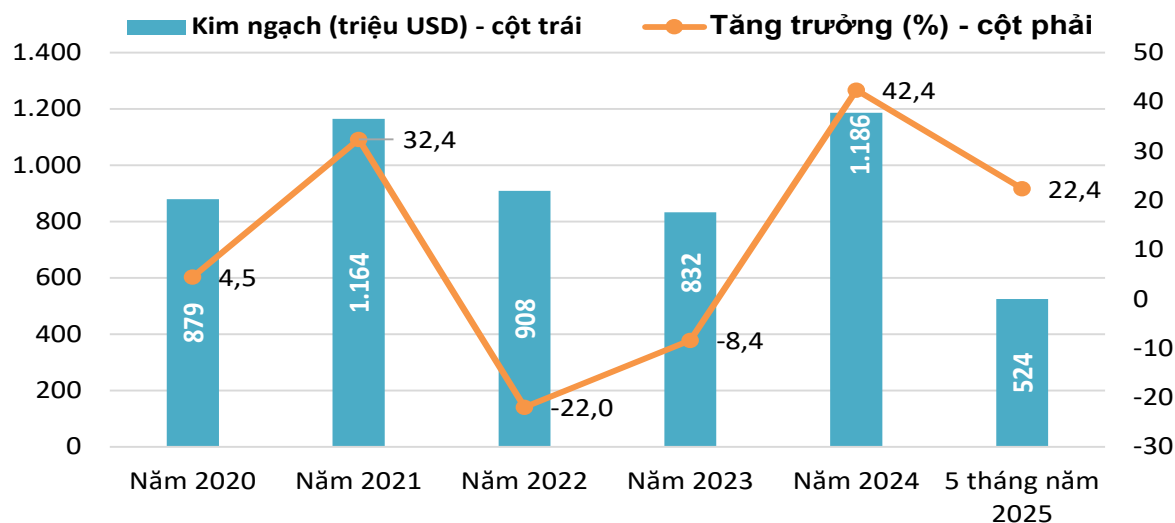
Theo số liệu của Cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam trong giai đoạn năm 2020 – 2024 tăng trưởng bình quân 7,8%/năm. Đáng chú ý, sau khi sụt giảm liên tiếp trong hai năm 2022-2023 do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, xuất khẩu ngành hàng này đã phục hồi mạnh mẽ trong năm 2024, đạt mức kỷ lục 1,19 tỷ USD, tăng 42,4% so với năm 2023. Kết quả này đã giúp Việt Nam củng cố vị trí thứ 19 trong danh sách các quốc gia xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn nhất thế giới, với thị phần trong tổng kim ngạch xuất khẩu toàn cầu tăng từ 1,2% lên 1,4% trong giai đoạn 2020–2024.

Dữ liệu mới nhất cho thấy, trong 5 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu tiếp

tục duy trì đà tăng trưởng cao, đạt 524,34 triệu USD, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu mặt hàng, số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) cho thấy nhóm các sản phẩm khác bằng thủy tinh bao gồm khuôn thủy tinh, ruột phích,... (mã HS 7020) là mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong giai đoạn 2020–2024. Tuy nhiên, tỷ trọng của nhóm này đã giảm đáng kể, từ 72,1% năm 2020 xuống còn 49,4% vào năm 2024, cho thấy xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Theo đó, xuất khẩu kính an toàn (mã HS 7007), bao gồm kính tôi nhiệt và kính dán nhiều lớp, đã ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, từ 5,4% năm 2020 lên 19,4% trong năm 2024. Một số mã hàng khác như kính nổi (HS 7005), kính cường lực dạng tấm (HS 7006) và đồ thủy tinh dùng trong gia đình hoặc trang trí (HS 7013) cũng có sự tăng trưởng về tỷ trọng, lần lượt đạt 7,2%, 5,8% và 2,6%.

Kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam trong giai đoạn năm 2020 – 2024 và 5 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Giai đoạn 2020-2024, Đông Nam Á tiếp tục là thị trường xuất khẩu mặt hàng thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh chủ lực của Việt Nam, với kim ngạch tăng trưởng bình quân 2,2%/năm. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất

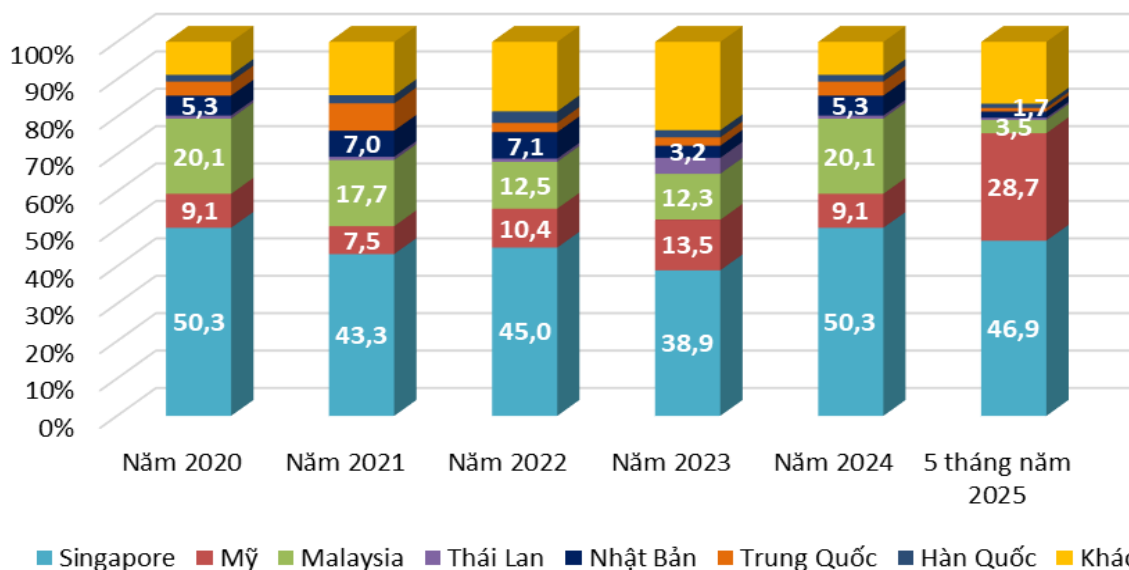
khẩu sang khu vực này đã có xu hướng thu hẹp, từ mức 72,6% năm 2020 xuống còn 58,8% vào năm 2024 - phản ánh sự chuyển dịch thị trường xuất khẩu theo hướng đa dạng và toàn cầu hóa hơn.

► NGÀNH THỦY TINH VIỆT NAM

Trong số các quốc gia Đông Nam Á, Singapore là thị trường tiêu thụ lớn nhất, chiếm 48,1% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy tinh của Việt Nam trong năm 2024, giảm nhẹ so với mức 50,3% của năm 2020. Malaysia ghi nhận mức sụt giảm mạnh hơn, từ 20,1% xuống chỉ còn 5,1%

trong cùng kỳ. Trong khi, thị trường Mỹ đã nổi lên như một điểm đến tiềm năng với tỷ trọng xuất khẩu tăng mạnh từ 9,1% năm 2020 lên 17,8% năm 2024. Ngoài ra, sản phẩm thủy tinh của Việt Nam còn được xuất khẩu sang Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam trong giai đoạn năm 2020 – 2024 và 5 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Còn trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh sang Đông Nam Á đạt 274,6 triệu USD, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu về kim ngạch. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất khẩu sang khu vực này giảm 6,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2024 – cho thấy sự mở rộng mạnh mẽ sang các thị trường ngoài khu vực. Trong đó, xuất khẩu sang Singapore thị trường lớn nhất trong khu vực, tăng 24,4%, giúp bù đắp phần nào sự sụt giảm sâu 28,7% tại Malaysia và 89,7% của Thái Lan giảm.

Đáng chú ý, xuất khẩu thủy tinh sang các thị trường phát triển có tiêu chuẩn kỹ thuật cao đã tăng trưởng đột phá trong 5 tháng đầu năm 2025. Xuất khẩu sang Mỹ tăng tới 127,1%, đạt 150,7 triệu USD, trong khi thị trường Canada ghi nhận mức tăng trưởng 115,8%. Diễn biến này cho

thấy năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm thủy tinh của Việt Nam ngày càng đáp ứng tốt hơn các yêu cầu khắt khe của thị trường toàn cầu. Bên cạnh đó, việc các doanh nghiệp dồn lực đẩy mạnh giao hàng sang Mỹ trong thời gian qua phản ứng chiến lược hợp lý và kịp thời trước khi thuế đối ứng chính thức có hiệu lực vào ngày 9/7/2025.



Thị trường xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh trong giai đoạn
năm 2020 – 2024 và 5 tháng đầu năm 2025
(ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng bình quân 2020-2024 (%)	5 tháng đầu năm 2025	So với 5 tháng 2024 (%)
Tổng	879.266	1.163.896	908.229	832.877	1.185.785	7,8	524.338	22,4
Đông Nam Á	638.597	741.803	547.983	485.383	696.786	2,2	274.566	3,8
Singapore	442.083	503.497	408.567	323.841	569.868	6,6	245.654	24,4
Malaysia	176.866	205.685	113.468	102.237	61.043	-23,4	18.454	-28,7
Thái Lan	7.275	9.915	7.838	35.572	45.177	57,9	3.289	-89,7
Philippin	10.160	7.195	4.601	8.081	10.379	0,5	5.362	28,6
Campuchia	2.212	15.512	13.509	15.653	10.319	47,0	1.807	-65,2
Mỹ	79.904	87.063	94.731	112.487	211.647	27,6	150.675	127,1
Nhật Bản	46.922	81.337	64.414	26.897	39.829	-4,0	8.679	-46,5
Trung Quốc	32.912	84.977	22.524	18.583	20.952	-10,7	4.936	-4,1
Hàn Quốc	15.645	25.615	28.154	15.957	13.838	-3,0	6.166	15,3
Canada	4.509	4.762	3.991	2.789	8.626	17,6	3.167	115,8
Đài Loan	5.055	22.767	13.856	5.852	5.016	-0,2	2.073	22,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về nhập khẩu:

Trái ngược với xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ của xuất khẩu, hoạt động nhập khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam đang đang có xu hướng chậm lại. Theo số liệu từ Cục Hải quan, trong giai đoạn 2020–2024, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này chỉ tăng nhẹ 1,1%. Sau khi liên tục tăng từ 1,44 tỷ USD năm 2020 lên mức kỷ lục 1,65 tỷ USD vào năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này đã giảm 9,1% xuống còn 1,5 tỷ USD trong năm 2024. Đáng chú ý, trong 5 tháng đầu năm 2025, con số này tiếp tục giảm mạnh 24,2%, chỉ đạt 544 triệu USD.

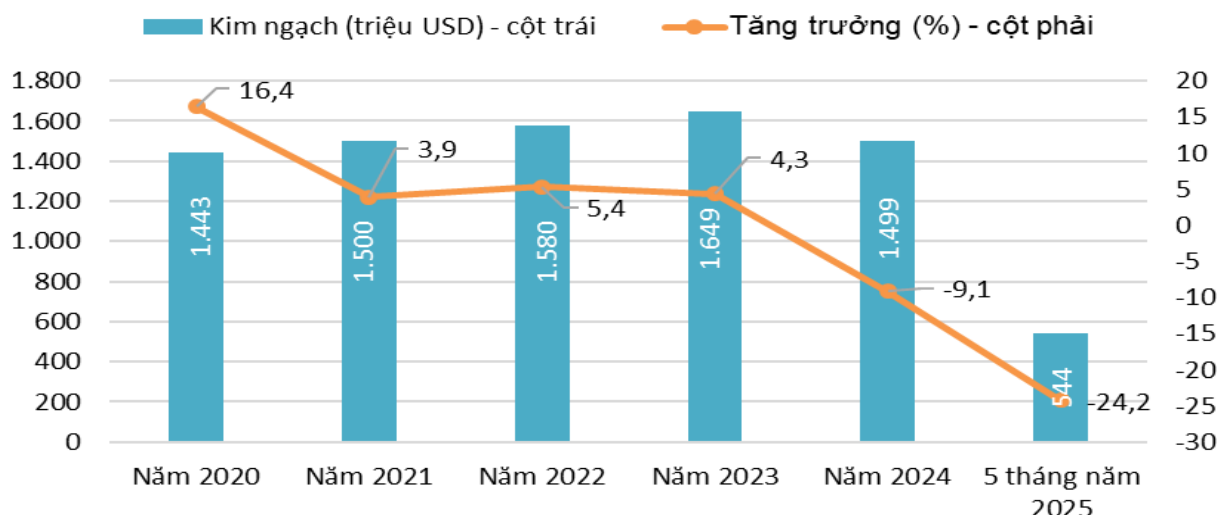
Do đó, mức nhập siêu của ngành thủy tinh đã giảm đáng kể, từ mức đỉnh 815,9 triệu USD năm 2023 xuống còn 312,8 triệu USD trong năm 2024 và chỉ còn 19,4 triệu USD trong 5 tháng đầu năm 2025.

Trong những năm gần đây, cơ cấu mặt hàng thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh

nhập khẩu vào Việt Nam đã ghi nhận nhiều chuyển biến đáng chú ý. Trong đó, kính tôi hoặc kính dán nhiều lớp (mã HS 7007) vẫn là nhóm sản phẩm được nhập khẩu nhiều nhất. Tuy nhiên, tỷ trọng của nhóm hàng này đã giảm mạnh, từ 49,3% năm 2020 xuống còn 29,7% vào năm 2024.

Ngược lại, nhiều nhóm sản phẩm khác lại ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể trong tỷ trọng nhập khẩu. Đáng chú ý là các mặt hàng như bộ đồ ăn, đồ dùng nhà bếp, thiết bị vệ sinh, đồ dùng văn phòng và đồ trang trí nội thất bằng thủy tinh (mã HS 7013); chai lọ, bình, ống thủy tinh, ống tiêm và các loại đồ chứa khác bằng thủy tinh (HS 7010); cùng với sợi thủy tinh và các sản phẩm từ sợi thủy tinh (HS 7019). Những xu hướng này phản ánh rõ nét sự đa dạng hóa trong nhu cầu và ứng dụng của các sản phẩm thủy tinh trên thị trường Việt Nam.

Kim ngạch nhập khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh Việt Nam trong giai đoạn năm 2020 – 2024 và 5 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Về thị trường cung cấp, Trung Quốc hiện đang là thị trường cung cấp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn nhất cho Việt Nam. Tuy nhiên, nhập khẩu thủy tinh của Việt Nam từ thị trường này đang có xu hướng giảm dần, với mức giảm 11,4% trong năm 2024 so với 2023 và tiếp tục giảm 25,9% trong 5 tháng đầu năm 2025.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của Việt Nam từ một số thị trường hàng đầu khác như Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc cũng giảm lần lượt 59,2%, 0,3% và 36,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thị trường nhập khẩu thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam trong giai đoạn năm 2020 – 2024 và 5 tháng đầu năm 2025

(ĐVT: nghìn USD)

Nguồn cung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng bình quân 2020-2024 (%)	5 tháng đầu năm 2025	So với 5 tháng năm 2024 (%)
Tổng	1.442.806	1.499.757	1.580.015	1.648.809	1.498.582	1,0	543.700	-24,2
Trung Quốc	927.645	1.013.117	1.020.518	1.106.646	980.555	1,4	362.526	-25,9
Nhật Bản	202.592	172.387	173.543	177.868	137.467	-9,2	29.103	-59,2
Malaysia	89.164	55.534	105.518	95.219	119.425	7,6	45.724	-0,3
Hàn Quốc	58.720	73.330	53.788	98.148	94.705	12,7	30.011	-36,5
Thái Lan	44.020	40.584	60.900	47.598	52.487	4,5	25.440	48,9
Indonesia	24.029	22.794	36.672	29.031	31.388	6,9	8.133	-33,1
Áo	2.640	8.175	16.986	18.550	24.940	75,3	12.377	16,7
Mỹ	40.861	52.167	46.879	11.869	10.617	-28,6	4.328	2,7
Đài Loan	13.133	11.648	25.084	17.840	10.212	-6,1	5.284	58,6
Hà Lan	479	1.102	1.823	585	553	3,7	190	-5,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Ngành công nghiệp sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Việt Nam hiện đang có nhiều tiềm năng phát triển, thể hiện qua các yếu tố nổi bật sau:

+ Tiềm năng lớn từ thị trường thế giới:

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), thương mại thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (mã HS 70) trên thị trường thế giới trong giai đoạn 2020 – 2024 đạt trung bình 88 tỷ USD mỗi năm, với tốc độ tăng trưởng bình quân 5%/năm. Trong khi đó, xuất khẩu của Việt Nam mới chỉ chiếm 1,4% tổng trị giá nhập khẩu trên toàn thế giới. Đây là cơ hội lớn để ngành thủy tinh Việt Nam mở rộng xuất khẩu.



+ Nguồn nguyên liệu phong phú: Việt Nam có vùng nguyên liệu cát trắng với trữ lượng lớn trải dài từ Bắc tới Nam, đây là điều kiện thuận lợi để các nhà máy sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lựa chọn vùng nguyên liệu và là thế mạnh trong sản xuất.

Bên cạnh các thành tựu đạt được, ngành công nghiệp thủy tinh Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế và khó khăn như sau:

+ Cơ cấu ngành chưa phát triển toàn diện: Thực trạng phát triển của ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Việt Nam đang tập trung ở các lĩnh vực sản phẩm chiếu sáng, thủy tinh dân dụng, thủy tinh bao bì và một tỷ lệ rất nhỏ là thủy tinh dùng cách điện, điện tử và quang học. Nhiều lĩnh vực thủy tinh khác như: cách nhiệt, chịu nhiệt, chịu hóa chất, chịu mài mòn, điện tử chưa phát triển.

+ Nguy cơ bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại: Xuất khẩu kính nổi sang Mỹ hiện đang đối mặt với nhiều rủi ro liên quan đến các biện pháp phòng vệ thương

+ Tiến bộ về công nghệ: Nhiều dự án công nghệ cao đã được triển khai thành công, giúp doanh nghiệp làm chủ các công nghệ tiên tiến trên thế giới. Đáng chú ý là công nghệ sản xuất sợi thủy tinh dùng trong truyền dẫn thông tin quang, công nghệ y sinh hỗ trợ chẩn đoán bệnh, và ứng dụng công nghệ thông tin trong hội chẩn y tế từ xa.

+ Đã thâm nhập được các thị trường khó

tính: Ngành thủy tinh của Việt Nam không chỉ có tiềm năng trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu mà còn đang tích cực cải thiện khả năng cạnh tranh toàn cầu thông qua nâng cao chất lượng sản phẩm và áp dụng công nghệ hiện đại. Điều này được thể hiện qua tăng trưởng xuất khẩu ba chữ số gần đây sang các thị trường có yêu cầu và đòi hỏi cao về chất lượng như Mỹ, Canada...

+ Tự chủ nguồn nguyên liệu, giảm nhập

khẩu: Việc nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh thời gian gần đây giảm rõ rệt cho thấy doanh nghiệp trong nước phần nào tự chủ được nguồn nguyên liệu. Các sản phẩm trong nước đã đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng và chất lượng không thua kém hàng nhập khẩu.

mại. Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) đã cảnh báo các doanh nghiệp lưu ý rủi ro bị Mỹ tiếp tục tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm của Việt Nam. Cùng đó, doanh nghiệp sử dụng kính nổi nhập khẩu từ Trung Quốc và Malaysia làm nguyên liệu sản xuất cần lưu ý rủi ro bị Mỹ tiến hành điều tra lần tránh trong trường hợp có hoạt động xuất khẩu sang thị trường này.

+ Thị trường tiêu thụ còn hạn chế: Thống kê cho thấy thị trường xuất khẩu chưa đa dạng, chiếm hơn 60% là xuất khẩu sang các quốc gia trong khu vực ASEAN.

TÁI CHẾ RÁC THẢI THỦY TINH - GIẢI PHÁP XANH CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP THỦY TINH VÀ SẢN PHẨM THỦY TINH VIỆT NAM

Chế biến thủy tinh là một ngành công nghiệp quan trọng, nhưng quá trình sản xuất có thể có tác động đáng kể đến môi trường. Một trong những mối quan tâm chính về môi trường liên quan đến quá trình chế biến thủy tinh là năng lượng cần thiết để nấu chảy và đúc thủy tinh. Sản xuất thủy tinh đòi hỏi nhiệt độ cao, có thể dẫn đến phát thải khí nhà kính đáng kể. Ngoài ra, việc khai thác và vận chuyển các nguyên liệu thô được sử dụng để làm thủy tinh, chẳng hạn như cát, tro soda và đá vôi cũng góp phần làm suy thoái môi trường.

Để giải quyết những lo ngại này, ngành công nghiệp thủy tinh đang hướng tới tính bền vững bằng cách triển khai một

số chiến lược. Một trong những cách chính mà các công ty đang hướng tới tính bền vững là sử dụng thủy tinh tái chế làm nguyên liệu thô. Bằng cách sử dụng thủy tinh tái chế, các công ty có thể giảm lượng năng lượng cần thiết để sản xuất thủy tinh mới, cũng như giảm số lượng nguyên liệu thô cần khai thác.

Một cách khác mà ngành công nghiệp thủy tinh đang hướng tới tính bền vững là đầu tư vào các công nghệ mới được thiết kế để giảm mức tiêu thụ năng lượng. Ví dụ, một số công ty đang sử dụng các phương pháp mới để nấu chảy thủy tinh đòi hỏi ít năng lượng hơn và một số công ty khác đang phát triển các công thức thủy tinh mới tiết kiệm năng lượng hơn.

Mỗi tấn thủy tinh tái chế có những tác dụng sau:

Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên: thủy tinh được sản xuất từ cát, đá vôi và soda – các tài nguyên không tái tạo và đang dần cạn kiệt. Mỗi tấn thủy tinh tái chế giúp tiết kiệm một lượng lớn nguyên liệu thô cần thiết để tạo ra thủy tinh mới - bao gồm 590 kg cát, 186 kg bột Natri Carbonate và 173 kg đá vôi.

Giảm lượng rác thải chôn lấp, ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí: tái chế thủy tinh không chỉ giúp tận dụng nguồn tài nguyên quý giá mà còn giảm đáng kể lượng rác thải phải chôn lấp, từ đó góp phần hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí. Khi thủy tinh bị chôn lấp, chúng không phân hủy sinh học và có thể tồn tại hàng nghìn năm trong tự nhiên. Việc này chiếm diện tích bãi rác, làm tăng tải trọng xử lý và có thể dẫn đến rò rỉ chất thải ô nhiễm sang nguồn nước ngầm.

Giảm phát sinh khí thải: quá trình nung chảy thủy tinh tái chế yêu cầu nhiệt độ thấp hơn nhiều so với việc sản xuất từ nguyên liệu thô như cát, đá vôi hay soda. Điều này đồng nghĩa với việc tiêu thụ ít nhiên liệu hóa thạch hơn, từ đó giảm lượng khí nhà kính phát sinh.

Tiết kiệm năng lượng: năng lượng tiết kiệm được khi tái chế 1 chai thủy tinh có thể dùng thắp sáng 1 bóng đèn trong 4 giờ.

Bên cạnh đó, quy trình tái chế ít sử dụng năng lượng hơn so với sản xuất mới, giúp giảm khoảng 348 tấn khí thải CO₂ mỗi ngày.

Những con số biết nói này là minh chứng rõ ràng nhất cho sự kỳ diệu của thủy tinh tái chế, góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Trong khi đó, ngành sản xuất bao bì thủy tinh, một trong những phân ngành quan trọng của ngành công nghiệp thủy tinh đang được định hình để phù hợp với các xu hướng về tính bền vững và tùy chỉnh. Khi người tiêu dùng ngày càng ưu tiên các sản phẩm thân thiện với môi trường, ngành công nghiệp thủy tinh cần đáp ứng bằng cách cải thiện khả năng tái chế và đổi mới thiết kế để giảm tiêu thụ tài nguyên.

Tại Việt Nam, mặc dù là ngành có khả năng tái chế cao, nhưng tỷ lệ tái chế đối với ngành thủy tinh ở Việt Nam vẫn rất thấp chỉ khoảng 15% (nhôm tỷ lệ tái chế 70%; nhựa dao động từ 32% - 45%), trong khi đó chúng là loại rác thải không thể phân hủy. Hiện nay, Việt Nam tung ra thị trường khoảng 220.000 tấn thủy tinh mỗi năm, cho thấy tiềm năng lớn để phát triển cơ sở hạ tầng tái chế. Trong khi đó, cùng với xu thế tất yếu của thế giới, Việt Nam đang từng bước phát triển kinh tế tuần hoàn, hướng tới sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, tái chế chất thải, trong đó có ngành công nghiệp thủy tinh.



Theo quy định, sản xuất đồ thủy tinh tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về môi trường để giải quyết vấn đề ô nhiễm và sử dụng tài nguyên. Các công ty được yêu cầu quản lý khí thải, mức tiêu thụ năng lượng và chất thải, đặc biệt là từ các quy trình tiêu tốn nhiều năng lượng như nấu chảy thủy tinh. Đánh giá

tác động môi trường (EIA) là bắt buộc đối với các cơ sở quy mô lớn để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững. Một trong những "giải pháp xanh" cho nền kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững chính là tái chế chất thải hiệu quả. Định hình được nhân tố này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành hàng loạt các văn bản nhằm tăng cường quản lý chất thải, tái sử dụng, tái chế. Trong đó, với mục tiêu hoàn thiện chế định quản lý chất thải rắn theo hướng coi chất thải và chất thải nhựa là tài nguyên, Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã đưa ra quy định EPR với hai trách nhiệm là trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải và trách nhiệm tái chế bao bì, sản phẩm của nhà sản xuất, nhập khẩu. Trong đó, trách nhiệm tái chế có hiệu lực từ ngày 1/1/2024 và các nhà sản xuất, nhập khẩu pin, ắc quy, dầu nhớt, săm lốp và bao bì (thương phẩm) sẽ phải có trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu sau khi người tiêu dùng thải bỏ. Như vậy, nếu như trước kia các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu chỉ tái chế lượng rác từ sản phẩm của họ theo tinh thần tự nguyện, thì giờ đây, họ phải thực hiện nghĩa vụ này theo quy cách và tỷ lệ bắt buộc được quy định trong luật và các văn bản dưới luật. Theo quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Chính sách EPR bao gồm trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì (Điều 54); và trách nhiệm xử lý chất thải (Điều 55).

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường bao gồm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT đã quy định rõ các nội dung liên quan đến chính sách EPR bao gồm: đối tượng, lộ trình, hình thức, trình tự thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý chất thải và các nội dung về tỷ lệ tái chế, quy cách tái chế bắt buộc,...

Trong đó, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, ban hành ngày 6 tháng 1 năm 2025, đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đối với sản phẩm từ thủy tinh gồm:

- Sửa đổi Phụ lục II như sau:

Phụ lục II

DANH MỤC LOẠI HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ CÓ NGUY CƠ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Công suất		
	Lớn	Trung bình	Nhỏ
Mức I			
Sản xuất thủy tinh (trừ loại hình chỉ sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO đồng thời không có công đoạn tinh chế silic) ²	Từ 200.000 tấn sản phẩm/năm trở lên	Từ 5.000 đến dưới 200.000 tấn sản phẩm/năm	Dưới 5.000 tấn sản phẩm/năm

Thay thế Phụ lục số XXII như sau:

Phụ lục XXII

DANH MỤC SẢN PHẨM, BAO BÌ PHẢI ĐƯỢC TÁI CHẾ VÀ TỶ LỆ TÁI CHẾ BẮT BUỘC, QUY CÁCH TÁI CHẾ BẮT BUỘC

Phân nhóm sản phẩm, bao bì	Danh mục sản phẩm, bao bì	Tỷ lệ tái chế bắt buộc cho 3 năm đầu tiên	Quy cách tái chế bắt buộc
A.4. Bao bì thủy tinh	A.4.1. Bao bì thủy tinh	15%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: 1. Xay, nghiền thành bột, hạt thủy tinh làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác.
			2. Sản xuất các sản phẩm khác
Đ.5. Bóng đèn	Đ.5.1. Bóng đèn compact, bóng đèn huỳnh quang.	08%	Giải pháp tái chế được lựa chọn:
	- Bóng đèn compact		Tháo dỡ, phân loại, thu hồi phế liệu kim loại và xay nghiền bột, hạt thủy tinh làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác.
	- Bóng đèn huỳnh quang		
Đ.6. Tấm quang năng	Đ.6.1. Tấm quang năng	03%	Giải pháp tái chế được lựa chọn:
			Tháo dỡ, phân loại, thu hồi phế liệu kim loại và xay nghiền bột, hạt thủy tinh làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất khác.

Thay thế Phụ lục XXIII như sau:

Phụ lục XXIII

DANH MỤC SẢN PHẨM, BAO BÌ VÀ MỨC ĐÓNG GÓP HỖ TRỢ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Loại sản phẩm, bao bì	Định dạng	Dung tích/ kích thước	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải
Bao bì của thuốc bảo vệ thực vật thành phẩm	Chai, bình thủy tinh	Nhỏ hơn 500 ml	150 đồng/cái
		Từ 500 ml trở lên	250 đồng/cái

Tuy nhiên, cho đến nay, cơ sở hạ tầng để phân loại, thu gom và tái chế chai thủy tinh tại Việt Nam vẫn còn chưa phát triển. Việc xác định những thách thức cụ thể mà các bên liên quan trong toàn bộ chuỗi giá trị tại Việt Nam phải đối mặt, từ những người thu gom phế liệu cá nhân đến các doanh nghiệp phế liệu và nhà sản xuất thủy tinh, cũng như người tiêu dùng đòi hỏi rất nhiều nguồn lực và hoạt động. Cách tiếp cận toàn diện này là chìa khóa để phát triển các giải pháp phù hợp mang lại sự thay đổi trong ngành tái chế thủy tinh.

Tương tự như các ngành khác, hiệu quả tái chế thủy tinh phụ thuộc lớn vào sự tham gia và ý thức của người tiêu dùng. Người tiêu dùng đóng vai trò then chốt trong phân loại và xử lý đúng rác thải thủy tinh, ở hộ gia đình hay khu vực thương mại, quán bar, nhà hàng. Đặc biệt, trong bối cảnh xu hướng tiêu dùng bền vững ngày càng gia tăng, người tiêu dùng sẽ thúc đẩy nhu cầu tái chế, góp phần giảm thiểu rác thải thủy tinh và bảo vệ môi trường.

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, Việt Nam cần xây dựng và ban hành thêm nhiều hơn nữa những khung pháp lý, những chính sách khuyến khích và tiêu dùng bền vững, hướng tới xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất và tiêu dùng. Đặc biệt là cần chú trọng tới việc kết nối với mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua việc hình thành liên kết chuỗi từ khâu sản xuất đến phân phối tiêu dùng các sản phẩm.

Về phía doanh nghiệp, cần tích cực hơn nữa trong tập trung nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ xanh, áp dụng các giải pháp phát triển bền vững, đáp ứng các chứng chỉ tiêu chuẩn về bền vững trong nước và quốc tế. Ngoài ra, cộng đồng xã hội, doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước cũng cần chung tay góp sức thực hiện có hiệu quả chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua thay đổi lối sống bền vững, tăng cường mua sắm xanh và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

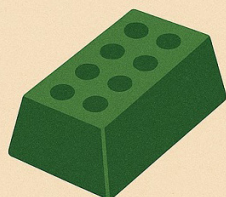
ỨNG DỤNG CỦA THỦY TINH TÁI CHẾ



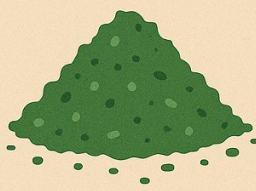
BAO BÌ THỦY TINH



THỦY TINH XÂY DỰNG

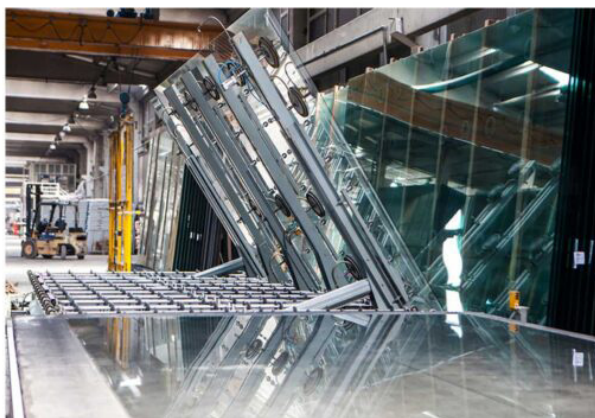


GẠCH CERAMIC



VẬT LIỆU LÀM ĐƯỜNG

THỊ TRƯỜNG THỦY TINH TOÀN CẦU



Ngành sản xuất thủy tinh toàn cầu được dự báo đạt 480,6 tỷ USD vào năm 2034

Ngành công nghiệp thủy tinh toàn cầu là một ngành công nghiệp lớn và đa dạng, đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực như xây dựng, ô tô, điện tử, y tế, năng lượng tái tạo và đóng gói thực phẩm – đồ uống. Ngành này có tiềm năng phát triển và đang hướng tới sự bền vững, với các xu hướng như sử dụng thủy tinh tái chế và công nghệ mới để giảm tiêu thụ năng lượng. Theo báo cáo từ Global Market Insights, quy mô thị trường sản xuất thủy tinh toàn cầu đạt khoảng 290,1 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) dự kiến đạt 7,5% trong giai đoạn 2024–2034, đạt 480,6 tỷ USD vào năm 2034.

Thị trường theo sản phẩm được phân khúc thành thủy tinh phẳng, bao bì thủy tinh, sợi thủy tinh và thủy tinh đặc biệt.

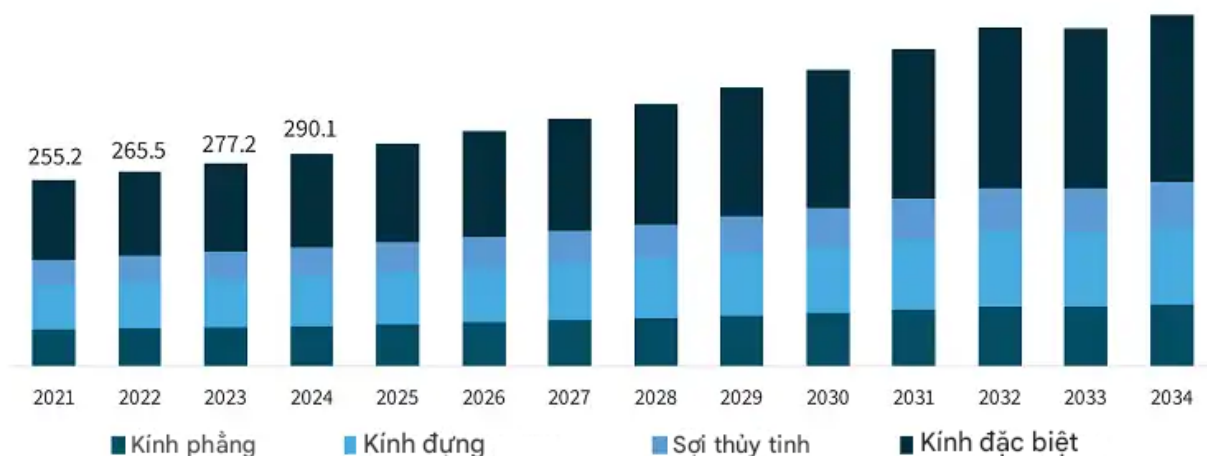
Trong đó, phân khúc thủy tinh đặc biệt ước tính chiếm 43,7% thị trường.

Thủy tinh (kính) đặc biệt mang lại độ bền cao hơn các dạng khác vì nó được sản xuất bằng các phương pháp sản xuất đã phát triển và xây dựng chính xác nguyên liệu thô để đáp ứng các nhu cầu cụ thể. Kính này chủ yếu được sử dụng trong các thiết bị năng lượng mặt trời, chất bán dẫn và thiết bị y tế do khả năng chịu nhiệt cao, chỉ số khúc xạ chính xác và lớp phủ chuyên dụng. Những đổi mới đã dẫn đến sự phát triển của các sản phẩm kính kỹ thuật, chất lượng cao, bền và tiết kiệm năng lượng.

Thủy tinh phẳng được coi là vật liệu cơ bản cho ngành công nghiệp ô tô và điện tử vì nó mang lại khả năng hiển thị và bảo vệ.

Quy mô thị trường sản xuất kính toàn cầu theo sản phẩm giai đoạn 2021 – 2034

(tỷ USD)



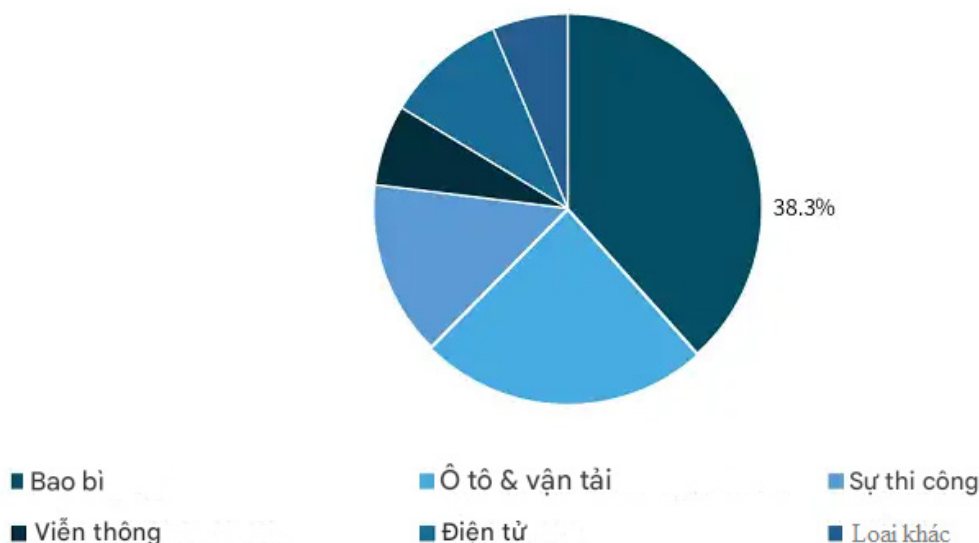
Nguồn: www.gminsights.com

Sản phẩm phân theo lĩnh vực: Thị trường sản xuất thủy tinh theo lĩnh vực được phân khúc thành sản phẩm đóng gói, giao thông vận tải, xây dựng, viễn thông, điện tử và loại khác. Trong đó, sản phẩm bao bì ước tính chiếm 37% thị trường.

Thủy tinh là một trong những vật liệu đóng gói được công nhận rộng rãi và đáng tin cậy cùng với chất lượng và độ an toàn vì nó hoạt động như một rào cản bảo vệ giá trị dinh dưỡng khỏi vi khuẩn có hại.

Phần lớn các công ty sản xuất nước giải khát sử dụng chai thủy tinh. Chai hoặc hộp đựng thủy tinh được ưu tiên hơn khi đồ uống yêu cầu quá trình chiết rót nóng. Điều này cho phép sản phẩm được bảo quản và có thời hạn sử dụng lâu hơn. Do tính chất không xốp, lọ thủy tinh có thể làm sạch và khử trùng. Thủy tinh không hấp thụ ô nhiễm hoặc mùi, không giống như các vật liệu đóng gói khác đảm bảo lọ và chai luôn sạch sẽ và không có cặn.

Thị phần doanh thu sản xuất thủy tinh toàn cầu theo ngành vào năm 2024



Nguồn: www.gminsights.com

Khu vực thị trường sản xuất chính

- Mỹ vẫn giữ được thị phần thống trị trên thị trường sản xuất thủy tinh, với quy mô khoảng 22,9 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 34,9 tỷ USD vào năm 2034.

- Tại Châu Âu: thị trường sản xuất thủy tinh được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2025 đến năm 2034. Theo Liên đoàn các nhà sản xuất hộp đựng bằng thủy tinh cho thực phẩm, đồ uống và lọ đựng cho thị trường nước hoa, mỹ phẩm và dược phẩm châu Âu (FEVE), các thành viên FEVE đã sản xuất tổng cộng 24,5 triệu tấn và 95,3 tỷ hộp đựng bằng thủy tinh vào năm 2022. Trong đó, hộp đựng thực phẩm và đồ uống chiếm 97% về khối lượng và 89% số lượng sản phẩm.

Xu hướng thị trường sản xuất thủy tinh

Theo Viện Bao bì Thủy tinh của Mỹ (GPI), các doanh nghiệp ngày càng ưu tiên sử dụng thủy tinh vì đặc tính không độc hại, dễ tái chế và không phát thải vi nhựa. Các tập đoàn như Coca-Cola, Heineken và Nestlé đã công bố chiến lược thay thế dần bao bì nhựa sang bao bì thủy tinh, đặc biệt tại các thị trường phát triển. Báo cáo mới nhất của GPI, cho thấy 92% khách hàng muốn các nhà sản xuất cung cấp sản phẩm của họ trong bao bì thủy tinh vì tính chất thân thiện với môi trường của chúng. Do lợi ích bền vững và tính minh bạch, phần lớn người tiêu dùng đang chuyển sang sử dụng sản phẩm từ thủy tinh thay vì nhựa và nhôm. Khoảng 75% người tiêu dùng mong muốn các nhà sản xuất cung cấp bao bì thủy tinh đối với ngành thực phẩm và đồ uống.

Thương mại thủy tinh và sản phẩm thủy tinh toàn cầu tăng trưởng bình quân 4,6% trong giai đoạn 2020 – 2024

Theo thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), sau khi giảm xuống 147,0 tỷ USD vào năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thương mại thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh (HS 70) thế giới đã nhanh chóng phục hồi và tăng mạnh lên 184,46 tỷ USD trong năm 2022. Tuy nhiên, trong 2 năm sau đó, kinh tế

- Khu vực Châu Á Thái Bình Dương: Là một trong những khu vực thị trường sản xuất thủy tinh lớn nhất và phát triển nhanh nhất trên thế giới.

Trong đó, Trung Quốc là một trong những quốc gia sản xuất và tiêu thụ thủy tinh lớn nhất ở Châu Á Thái Bình Dương, chiếm ưu thế cao trên trong ngành sản xuất thủy tinh trên thế giới. Đô thị hóa và sự gia tăng của tự động hóa là một trong những động lực chính cho sự phát triển của thị trường thủy tinh ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Các nhà sản xuất liên tục tìm kiếm những đổi mới trong khu vực khi người tiêu dùng có nhu cầu về các tòa nhà tiết kiệm năng lượng, vật liệu bền vững và tái chế.

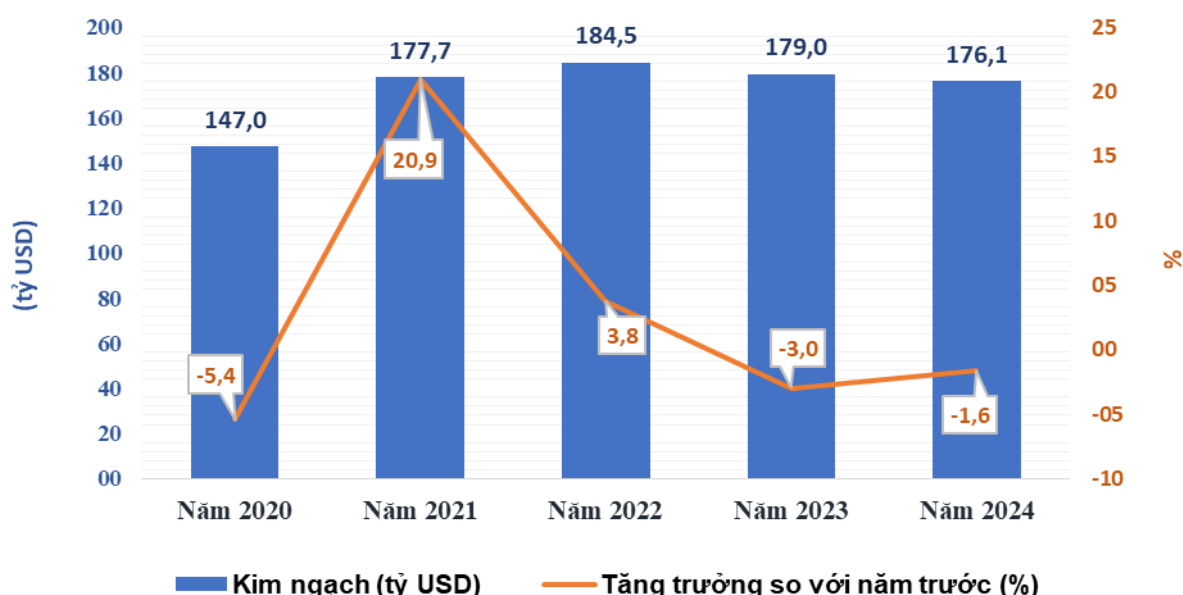
Theo Quỹ Thiên nhiên Toàn cầu (WWF), thủy tinh làm từ vật liệu tái chế giúp giảm ô nhiễm không khí và nước từ 20% và 50%. Liên đoàn các nhà sản xuất hộp thủy tinh châu Âu (FEVE) đã đặt mục tiêu táo bạo là biến thủy tinh thành một giải pháp bao bì trung hòa khí hậu vào năm 2050. Ngành công nghiệp thủy tinh đã giảm 30% trọng lượng và giảm 70% cường độ năng lượng trong năm mươi năm qua.

Không giống như các vật liệu khác như nhựa, giấy... thủy tinh có thể phân hủy sinh học 100% và duy trì tính ưu việt của nó khi bị phá vỡ để xử lý thêm, điều này làm cho nó trở thành lựa chọn lý tưởng để tái chế vì nó mang lại chất lượng ngang bằng với lần đầu tiên được sản xuất.

toàn cầu đối mặt với nhiều khó khăn do lạm phát và lãi suất tăng cao, thương mại nhóm hàng thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh đã giảm nhẹ. Tính chung trong giai đoạn 2020 – 2024, thương mại nhóm hàng này trên toàn cầu có tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) đạt 4,6%.

▶ NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Thương mại nhóm hàng thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (HS 70) trên toàn cầu trong giai đoạn 2020 – 2024

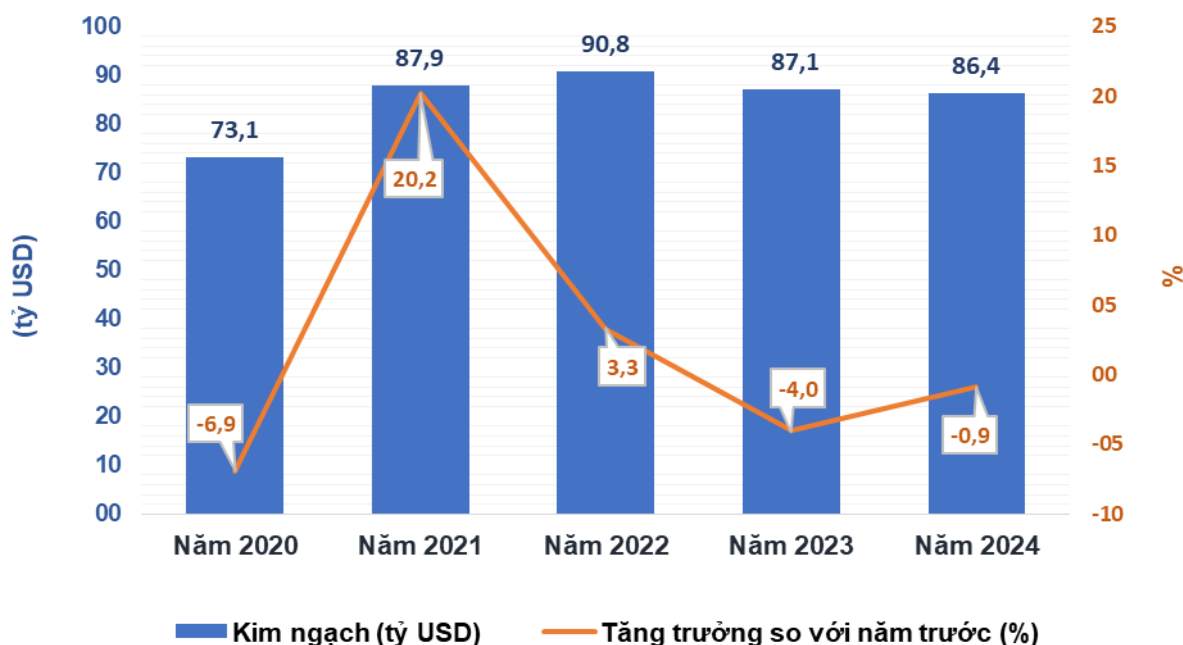


Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Về nhập khẩu

Theo tính toán từ số liệu của ITC, nhập khẩu nhóm hàng thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (HS 70) trên toàn cầu đạt tỷ lệ tăng trưởng 4,2%/năm trong giai đoạn 2020 – 2024, đưa kim ngạch từ mức 73,1 tỷ USD trong năm 2020 lên 86,4 tỷ USD trong năm 2024.

Nhập khẩu nhóm hàng thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (HS 70) trên toàn cầu trong giai đoạn 2020 – 2024



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

► NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

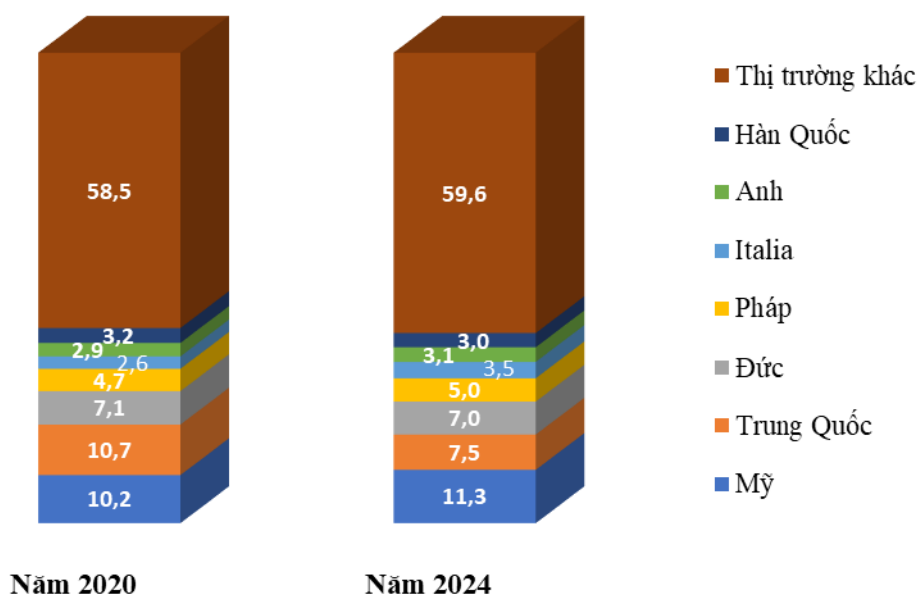
Giai đoạn 2020 – 2024, trong số 10 thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh, ngoại trừ Trung Quốc giảm, các thị trường còn lại đều ghi nhận tăng trưởng. Trong đó, với tốc độ tăng trưởng CAGR đạt 7,0%/năm, Mỹ đã vượt qua Trung Quốc để trở thành thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm hàng này trên thế giới, chiếm tỷ trọng 11,3% (tăng so với mức 10,2% trong năm 2020). Nhập khẩu nhóm hàng thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh của các thị trường khác như Đức, Pháp, Italia, Anh, Hàn Quốc, Canada, Tây Ban Nha, Bỉ, Ấn Độ cũng tăng trưởng tích cực.

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu nhóm hàng này của Trung Quốc giảm 4,7%/năm, đưa tỷ trọng của Trung Quốc giảm từ mức 10,7% trong năm 2020, xuống chỉ còn 7,5% trong năm 2024. Ngoài ra, nhập khẩu từ một số thị trường khác giảm như: Nhật Bản giảm 2,6%/năm, Đài Loan giảm 3,1%, Hồng Kông giảm 13,0%...



Cơ cấu thị trường nhập khẩu thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh trên toàn cầu

(% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

**Thị trường nhập khẩu thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh trên toàn cầu
giai đoạn 2020 - 2024**

(ĐVT: triệu USD)

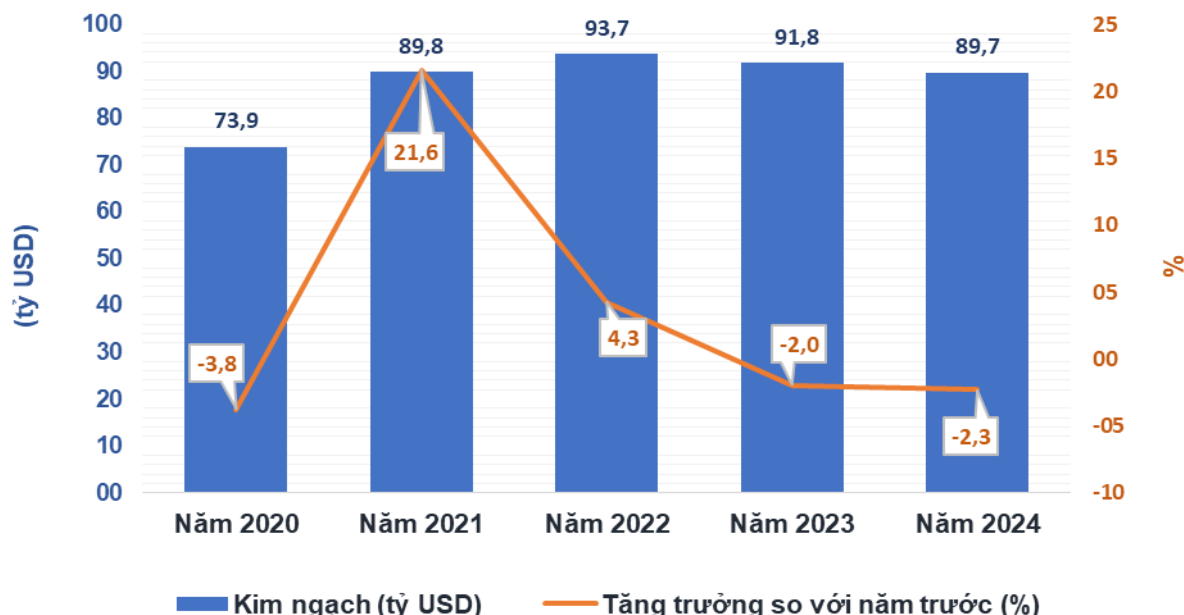
Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng kép hàng năm giai đoạn 2020 - 2024 (%)
Tổng	73.117	87.898	90.788	87.132	86.353	4,2
Mỹ	7.473	9.478	10.689	9.217	9.790	7,0
Trung Quốc	7.856	8.560	7.245	6.296	6.474	-4,7
Đức	5.196	6.081	6.040	6.279	6.052	3,9
Pháp	3.470	4.270	4.390	4.761	4.288	5,4
Italia	1.930	2.618	2.961	3.233	3.003	11,7
Anh	2.090	2.660	2.738	2.720	2.690	6,5
Hàn Quốc	2.322	2.906	2.867	2.524	2.604	2,9
Canada	2.349	2.720	2.819	2.701	2.571	2,3
Tây Ban Nha	1.607	2.105	2.373	2.554	2.372	10,2
Bỉ	1.989	2.374	2.357	2.473	2.351	4,3
Ấn Độ	936	1.362	1.701	1.801	2.031	21,4
Nhật Bản	2.227	2.468	2.337	2.068	2.004	-2,6
Mexico	1.377	1.748	1.998	1.986	1.945	9,0
Ba Lan	1.407	1.764	1.850	1.833	1.868	7,3
Hà Lan	1.638	2.115	1.984	1.970	1.821	2,7
Việt Nam	1.496	1.561	1.697	1.709	1.634	2,2
Đài Loan	1.675	1.803	1.764	1.376	1.479	-3,1
Hồng Kông	2.487	2.355	1.644	1.422	1.423	-13,0
Thổ Nhĩ Kỳ	843	1.134	1.396	1.538	1.345	12,4
Singapore	1.138	1.303	1.326	1.061	1.295	3,3
Cộng Hoà Séc	913	1.089	1.093	1.138	1.202	7,1
Thái Lan	955	1.130	1.114	1.238	1.185	5,5
UAE	615	700	778	861	1.178	17,6
Thụy Sĩ	987	1.125	1.151	1.117	1.025	1,0
Ả Rập Xê Út	420	543	661	669	990	23,9
Áo	956	1.159	1.109	1.067	989	0,8
Australia	706	839	896	781	871	5,4
Rumani	560	696	826	848	832	10,4
Braxin	521	675	738	807	824	12,2
Thụy Điển	831	955	919	810	783	-1,5
Hunggary	654	803	850	757	768	4,1
Bồ Đào Nha	513	632	718	747	746	9,8
Malaysia	736	802	789	789	705	-1,1

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Về xuất khẩu:

Theo ITC, xuất khẩu nhóm hàng thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh (HS 70) của thế giới trong giai đoạn 2020 – 2024 đạt tăng trưởng CAGR 5,0%/năm, tăng từ 73,9 tỷ USD trong năm 2020, lên 89,7 tỷ USD trong năm 2024.

Xuất khẩu nhóm hàng thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (HS 70) trên toàn cầu trong giai đoạn 2020 – 2024



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Giai đoạn 2020 – 2024, trong 10 thị trường xuất khẩu nhiều nhất thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh trên toàn cầu, chỉ có Nhật Bản giảm nhẹ 1,0%/năm, các thị trường còn lại đều tăng trưởng.

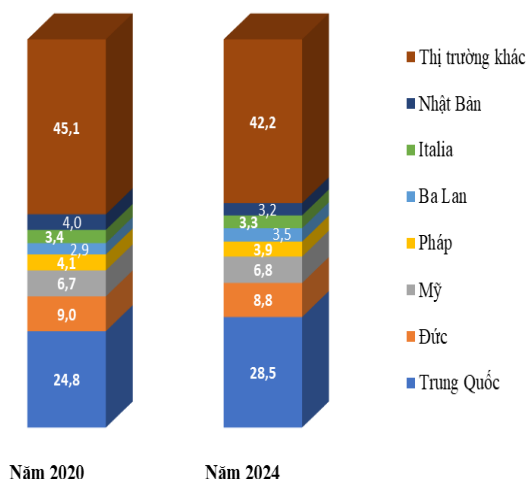
Trong đó, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất, chiếm 28,5% trong năm 2024 (tăng so với mức 24,8% trong năm 2020).

Tiếp đến là các thị trường Đức (8,8% trong năm 2024), Mỹ (6,8%), Pháp (3,9%), Ba Lan (3,5%)...

Năm 2024, Việt Nam đứng thứ 19 trong số các thị trường xuất khẩu nhóm hàng thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh trên toàn cầu, chiếm tỷ trọng 1,4%– tăng so với mức 1,2% trong năm 2020.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh trên toàn cầu

(% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

**Thị trường xuất khẩu thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh trên toàn cầu
giai đoạn 2020 - 2024**

(ĐVT: triệu USD)

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng kép hàng năm giai đoạn 2020 - 2024 (%)
Tổng	73.888	89.844	93.674	91.840	89.725	5,0
Trung Quốc	18.341	23.849	26.656	25.581	25.548	8,6
Đức	6.623	7.780	8.120	8.245	7.866	4,4
Mỹ	4.952	5.652	6.093	6.154	6.095	5,3
Pháp	3.036	3.506	3.616	3.667	3.470	3,4
Ba Lan	2.155	2.674	2.979	3.204	3.101	9,5
Italia	2.515	3.053	3.223	3.319	2.947	4,0
Nhật Bản	2.976	3.206	2.929	2.634	2.858	-1,0
Bỉ	1.966	2.510	2.565	2.733	2.633	7,6
Mexico	1.734	2.096	2.452	2.378	2.333	7,7
Séc	1.814	2.174	2.374	2.416	2.272	5,8
Hàn Quốc	1.979	2.196	2.065	1.896	2.048	0,9
Hồng Kông	3.287	3.259	2.366	1.966	1.847	-13,4
Tây Ban Nha	1.465	1.810	1.834	1.871	1.748	4,5
Malaysia	1.292	1.631	1.847	1.570	1.581	5,2
Thổ Nhĩ Kỳ	1.052	1.358	1.626	1.651	1.574	10,6
Đài Loan	1.912	2.061	1.702	1.503	1.528	-5,4
Hà Lan	1.232	1.586	1.609	1.636	1.503	5,1
Anh	1.149	1.297	1.260	1.477	1.456	6,1
Việt Nam	881	1.166	915	840	1.297	10,1
Ấn Độ	762	1.039	1.075	1.081	1.137	10,5
Áo	880	1.081	1.052	1.066	985	2,9
Thái Lan	692	819	895	841	845	5,1
Bồ Đào Nha	581	673	736	854	827	9,2
Hunggary	787	881	845	863	806	0,6
Canada	557	638	702	695	720	6,7
Bungari	551	611	801	818	680	5,4
Singapore	399	553	556	572	679	14,2
Slovakia	556	614	636	662	678	5,1
Ai Cập	509	603	679	609	477	-1,6
Thụy Điển	426	510	484	462	457	1,8

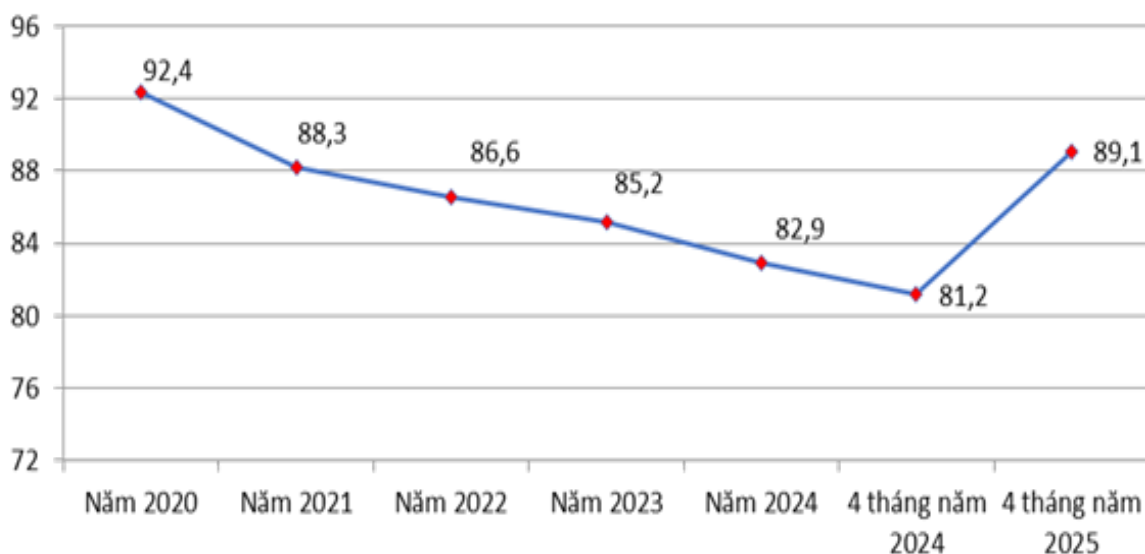
Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

SẢN XUẤT TRONG NƯỚC TĂNG TRƯỞNG CHẬM LẠI, NHẬP KHẨU THỦY TINH VÀ SẢN PHẨM THỦY TINH CỦA MỸ TĂNG

Theo dữ liệu từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FederalReserve.gov), chỉ số sản xuất công nghiệp ngành thủy tinh và sản phẩm thủy tinh (NAICS 3272) tại Mỹ giai đoạn 2020–2024 giảm trung bình 2,7%/năm. Mức sụt giảm mạnh nhất vào năm 2024, khi chỉ số sản xuất công nghiệp giảm xuống còn 82,92 điểm, so với mức cao nhất 92,36 điểm trong năm 2020. Tuy nhiên, trong 4 tháng đầu năm 2025, ngành đã ghi nhận sự phục hồi rõ rệt. Chỉ số sản xuất công nghiệp đạt 89,11 điểm, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2024. Dù vậy, chỉ số này vẫn thấp hơn 5,7% so với mức năm 2020, cho thấy ngành vẫn chưa hoàn toàn trở lại mức hoạt động trước đây.

Mặc dù có những năm phục hồi nhẹ, xu hướng tăng trưởng không ổn định và sự sụt giảm trở lại trong năm 2024 phản ánh những khó khăn của ngành trước biến động kinh tế, áp lực chi phí, chuyển dịch sản xuất và yếu tố cạnh tranh toàn cầu. Khi năng lực sản xuất chậm lại, Mỹ có thể tăng cường nhập khẩu để bù đắp thiếu hụt, đặc biệt là đối với các dòng sản phẩm có nhu cầu ổn định như: Thủy tinh xây dựng (kính kiến trúc, kính cường lực); Bao bì thủy tinh (chai lọ); Sản phẩm thủy tinh gia dụng và trang trí. Đây là cơ hội cho các thị trường xuất khẩu, trong đó có Việt Nam.

**Chỉ số sản xuất ngành thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Mỹ
giai đoạn 2020 – 2024 và 4 tháng năm 2025**



Nguồn: federalreserve.gov

(*) Ghi chú: Dữ liệu không điều chỉnh theo mùa - Năm cơ sở là năm 2017 = 100

Một số chỉ số đối với ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Mỹ (NAICS 32721) Năm cơ sở là năm 2017=100

Chỉ số	Đơn vị tính (Điểm)						Tăng trưởng bình quân (%)
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
Sản lượng thực tế theo ngành sản xuất	100,45	92,69	87,97	101,30	98,63	95,92	0,9
Việc làm cho ngành sản xuất	98,65	89,99	97,86	96,96	97,75	94,60	1,3

Nguồn: *federalreserve.gov*

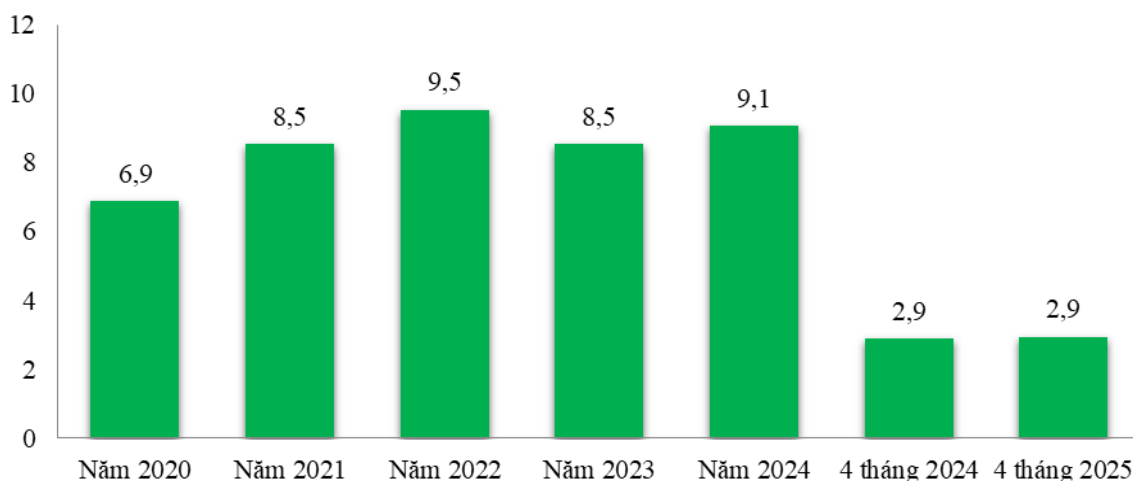
(*) Ghi chú: Dữ liệu không điều chỉnh theo mùa

Dung lượng thị trường nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Mỹ trong giai đoạn 2020 - 2024 và 4 tháng đầu năm 2025, thị phần của Việt Nam

Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, giai đoạn 2020 - 2024, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Mỹ (mã HS 70) tăng trưởng bình quân 7,1%/năm, từ 6,89 tỷ USD năm 2020 tăng lên 9,06 tỷ USD năm 2024. Cập nhật số liệu công bố mới nhất, trong 4 tháng đầu năm

2025, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Mỹ đạt 2,94 tỷ USD, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2024. Số liệu thống kê cho thấy nhu cầu nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Mỹ vẫn duy trì ổn định và có xu hướng tăng.

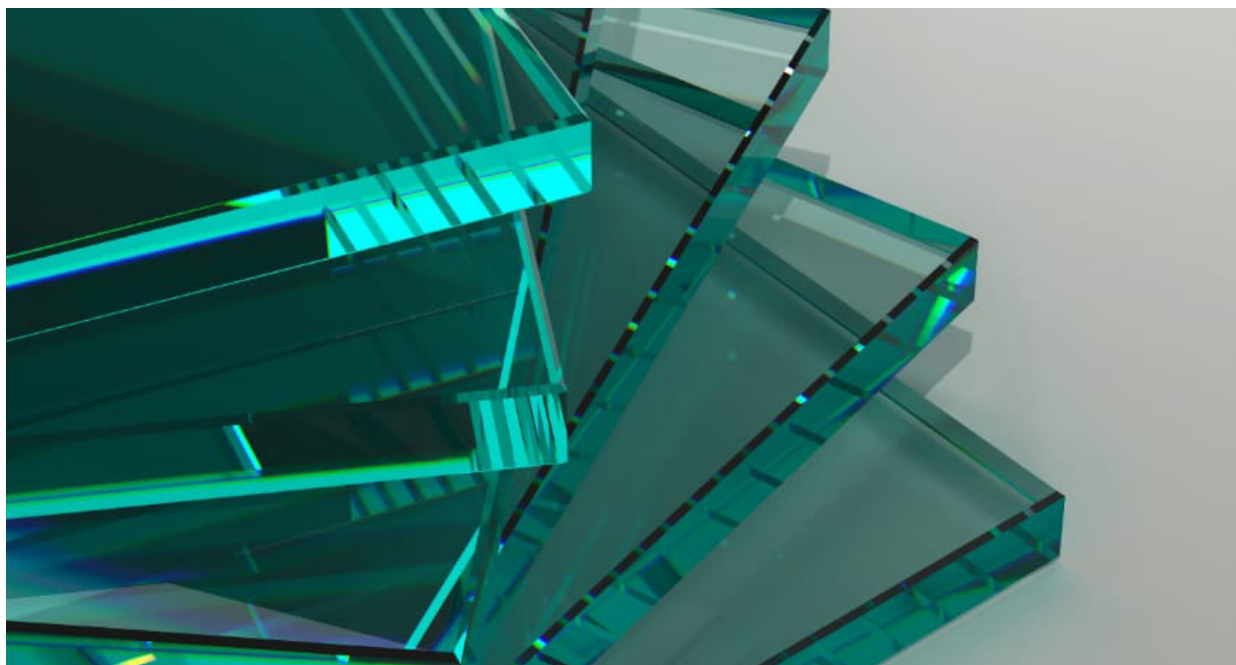
Nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Mỹ giai đoạn năm 2020 – 2024 và 4 tháng đầu năm 2024 – 2025 (ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Ủy Ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Nhu cầu về thủy tinh và sản phẩm thủy tinh tại Mỹ chủ yếu đến từ các ngành công nghiệp như xây dựng, năng lượng mặt trời, bao bì và ô tô. Đặc biệt, trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, các dự án liên quan đến kính năng lượng mặt trời đang trở thành một yếu tố quan trọng, mặc dù năng lực sản xuất trong nước vẫn chưa

đáp ứng đủ nhu cầu. Chính sự thiếu hụt này là lý do lớn nhất dẫn đến việc nhập khẩu thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh vào Mỹ vẫn duy trì ở mức cao. Điển hình như dự án như CPS Glass USA mới chỉ đáp ứng khoảng 20% nhu cầu nội địa về kính năng lượng mặt trời, phần còn lại vẫn phải nhập khẩu.



So với các quốc gia như Trung Quốc hay các nước châu Âu, chi phí sản xuất thủy tinh tại Mỹ cao hơn đáng kể. Điều này phần nào làm giảm tính cạnh tranh của các nhà sản xuất nội địa và thúc đẩy nhập khẩu. Mối quan hệ thương mại căng thẳng và các mức thuế quan cao đang gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên liệu thô, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cung ứng và giá sản phẩm thủy tinh sản xuất trong nước. Các mức thuế cao đối với nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt từ các quốc gia như Trung Quốc, có thể làm tăng chi phí sản xuất.

Mỹ vẫn phải nhập khẩu phần lớn thủy tinh và sản phẩm thủy tinh, đặc biệt từ các đối tác lớn như Trung Quốc và Mexico. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm trung bình khoảng 30,7% tổng trị giá nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh vào Mỹ trong giai đoạn năm 2020 - 2024. Điều này cho thấy Trung Quốc vẫn là một đối tác lớn cung cấp thủy tinh cho thị trường Mỹ, mặc dù có sự cạnh tranh từ các quốc gia khác. Tỷ trọng nhập khẩu từ Trung Quốc đã giảm từ 32,9% trong năm 2020 xuống còn 29% vào năm 2024.

Tiếp theo là thị trường Mexico, trong giai đoạn năm 2020-2024 tỷ trọng nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh từ Mexico

trung bình chiếm khoảng 20,6% tổng trị giá nhập khẩu của Mỹ. Mexico là một đối tác lớn trong việc cung cấp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh vào Mỹ nhờ vào sự gần gũi về địa lý, chi phí sản xuất hợp lý và các thỏa thuận thương mại thuận lợi như USMCA (Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ thay thế NAFTA). Trong 4 tháng đầu năm 2025, tỷ trọng nhập khẩu từ Mexico giảm nhẹ xuống còn 21,4%, từ mức 22% trong cùng kỳ năm 2024. Mặc dù tỷ trọng giảm, nhưng Mexico vẫn duy trì vị thế là một trong những nhà cung cấp thủy tinh lớn cho Mỹ.

Đáng chú ý, mặc dù Việt Nam đứng thứ 11 trong các quốc gia cung cấp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh cho Mỹ, nhưng tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam tăng đều qua các năm trong giai đoạn năm 2020-2024. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam tăng từ 0,8% trong năm 2020 lên 2% vào năm 2024. Xu hướng mở rộng thị phần tiếp tục duy trì trong 4 tháng đầu năm 2025, chiếm 3,5%, từ mức 1,2% trong cùng kỳ năm 2024. Việc mở rộng thị phần của Việt Nam tại thị trường Mỹ cho thấy sự gia tăng nhu cầu về các sản phẩm thủy tinh Việt Nam trong bối cảnh thị trường này đang điều chỉnh và tìm kiếm các nguồn cung ứng thay thế.

Một số nguồn cung thủy tinh và sản phẩm thủy tinh cho Mỹ trong giai đoạn
năm 2020 – 2024 và 4 tháng đầu năm 2025

(ĐVT: Triệu USD)

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm BQ giai đoạn 2020 - 2024 (%)	4 tháng 2025	So với cùng kỳ năm 2024 (%)
Tổng	6.890	8.530	9.530	8.530	9.056	7,1	2.945	2,1
Trung Quốc	2.266	2.856	2.992	2.296	2.625	3,7	791	-3,0
Mexico	1.378	1.691	1.940	1.880	1.889	8,2	630	-0,7
Đức	492	605	693	659	632	6,5	196	-3,6
Canada	424	506	558	554	581	8,2	191	-0,7
Đài Loan	283	308	324	264	317	2,9	95	-8,3
Ấn Độ	148	262	355	288	315	20,7	109	19,7
Pháp	194	249	292	329	270	8,7	88	4,5
Nhật Bản	253	293	332	267	260	0,7	86	6,9
Italia	171	204	251	264	248	9,8	76	-5,1
Hàn Quốc	133	144	187	182	217	12,9	69	-7,3
Việt Nam	55	76	75	85	185	35,5	104	193,1
Malaysia	59	64	91	79	154	27,2	78	72,9
Thổ Nhĩ Kỳ	56	96	124	110	110	18,4	38	11,4
Singapore	39	51	52	66	93	23,9	34	68,2
Anh	67	74	97	86	88	7,1	31	5,2
Côlombia	69	80	78	96	78	3,1	20	-28,9
Bỉ	41	50	66	80	77	17,0	28	6,6
Pêru	16	25	67	97	70	45,7	3	-89,9
Tây Ban Nha	50	65	68	74	68	8,3	24	15,0
Cộng Hoà Séc	46	68	81	69	60	7,2	18	-12,3
Ai Cập	58	50	67	52	53	-2,1	14	-6,4
Thái Lan	36	46	56	48	52	9,5	18	7,1
Ba Lan	66	82	91	76	51	-6,1	20	24,0
Áo	63	58	39	43	45	-7,9	14	-17,3
UAE	25	31	43	38	44	15,2	20	30,3
Hà Lan	31	33	43	41	38	5,7	11	-24,9
Slovakia	10	14	20	18	37	37,3	5	-58,5
Australia	16	26	17	11	30	16,1	10	225,8
Chilê	25	32	47	36	27	1,7	8	-24,0
Braxin	19	22	29	34	26	8,1	10	3,9
Látvia	15	19	26	22	26	15,2	8	1,0
Baren	18	18	26	23	22	5,4	7	14,2
Côxta Rica	9	12	18	20	21	24,2	6	-3,2
Slovenia	16	22	26	27	20	6,1	9	19,9
Serbia	11	8	6	13	20	15,9	5	-26,4

▶ NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm BQ giai đoạn 2020 - 2024 (%)	4 tháng 2025	So với cùng kỳ năm 2024 (%)
Thụy Sĩ	39	47	18	20	20	-15,0	7	0,4
Thụy Điển	15	21	25	21	20	7,4	6	-14,9
Indonesia	15	19	22	15	15	0,4	9	90,2
Phần Lan	15	24	32	25	15	-0,9	2	-63,4
Hunggary	12	9	7	8	13	2,2	4	-34,9
Marôc	3	3	7	10	11	43,1	3	-28,5
Ả Rập Xê út	14	28	25	6	10	-7,6	5	71,3
Bồ Đào Nha	20	23	12	9	10	-16,1	5	28,2
Ai Len	7	10	11	8	9	5,5	3	-14,4
Ixraen	19	11	8	10	9	-18,3	3	5,1
Lictônxtain	20	19	12	8	7	-23,5	1	-38,3
Philipine	8	11	11	8	7	-5,4	3	27,6

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Thị phần thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Mỹ trong giai đoạn 2020 – 2024 và 4 tháng đầu năm 2024 – 2025

(ĐVT: % theo trị giá)

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	4 tháng năm 2024	4 tháng năm 2025
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Trung Quốc	32,9	33,5	31,4	26,9	29,0	28,3	26,9
Mexico	20,0	19,8	20,4	22,0	20,9	22,0	21,4
Đức	7,1	7,1	7,3	7,7	7,0	7,0	6,7
Canada	6,2	5,9	5,9	6,5	6,4	6,7	6,5
Đài Loan	4,1	3,6	3,4	3,1	3,5	3,6	3,2
Ấn Độ	2,2	3,1	3,7	3,4	3,5	3,1	3,7
Pháp	2,8	2,9	3,1	3,9	3,0	2,9	3,0
Nhật Bản	3,7	3,4	3,5	3,1	2,9	2,8	2,9
Italia	2,5	2,4	2,6	3,1	2,7	2,8	2,6
Hàn Quốc	1,9	1,7	2,0	2,1	2,4	2,6	2,3
Việt Nam	0,8	0,9	0,8	1,0	2,0	1,2	3,5
Malaysia	0,9	0,8	1,0	0,9	1,7	1,6	2,7
Thổ Nhĩ Kỳ	0,8	1,1	1,3	1,3	1,2	1,2	1,3
Singapore	0,6	0,6	0,5	0,8	1,0	0,7	1,1
Anh	1,0	0,9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
Côlombia	1,0	0,9	0,8	1,1	0,9	1,0	0,7
Bỉ	0,6	0,6	0,7	0,9	0,9	0,9	0,9
Pêru	0,2	0,3	0,7	1,1	0,8	1,1	0,1
Tây Ban Nha	0,7	0,8	0,7	0,9	0,8	0,7	0,8

▶ NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	4 tháng năm 2024	4 tháng năm 2025
Cộng Hoà Séc	0,7	0,8	0,9	0,8	0,7	0,7	0,6
Ai Cập	0,8	0,6	0,7	0,6	0,6	0,5	0,5
Thái Lan	0,5	0,5	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6
Ba Lan	1,0	1,0	1,0	0,9	0,6	0,6	0,7
Áo	0,9	0,7	0,4	0,5	0,5	0,6	0,5
UAE	0,4	0,4	0,4	0,5	0,5	0,5	0,7
Hà Lan	0,4	0,4	0,5	0,5	0,4	0,5	0,4
Slovakia	0,2	0,2	0,2	0,2	0,4	0,4	0,2
Australia	0,2	0,3	0,2	0,1	0,3	0,1	0,3
Chi lê	0,4	0,4	0,5	0,4	0,3	0,4	0,3
Braxin	0,3	0,3	0,3	0,4	0,3	0,3	0,3
Lôtvia	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3
Baren	0,3	0,2	0,3	0,3	0,2	0,2	0,2
Cốtxta Rica	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2
Slovenia	0,2	0,3	0,3	0,3	0,2	0,3	0,3
Serbia	0,2	0,1	0,1	0,2	0,2	0,3	0,2
Thụy Sĩ	0,6	0,6	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2
Thụy Điển	0,2	0,2	0,3	0,3	0,2	0,3	0,2
Indonesia	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,3
Phần Lan	0,2	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,1
Hunggary	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1
Ma Rốc	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
Ả Rập Xê Út	0,2	0,3	0,3	0,1	0,1	0,1	0,2
Bồ Đào Nha	0,3	0,3	0,1	0,1	0,1	0,1	0,2
Ai Len	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
Ixraen	0,3	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
Lictônxtain	0,3	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0
Philippine	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

(*) Ghi chú: Thủy tinh và sản phẩm thủy tinh mã HS 70

Theo ResearchAndMarkets.com, thị trường thủy tinh và sản phẩm thủy tinh tại Mỹ đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây. Trong năm 2024, quy mô thị trường đạt khoảng 230,7 tỷ USD, và dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên 243,43 tỷ USD vào năm 2025. Động lực chính thúc đẩy sự tăng trưởng này bao gồm: Sự bùng nổ trong ngành kiến trúc và xây dựng, với nhu cầu cao về các vật liệu hiện đại, bền vững như kính và thủy tinh; Tăng trưởng mạnh trong lĩnh vực công nghiệp ô tô, đặc biệt

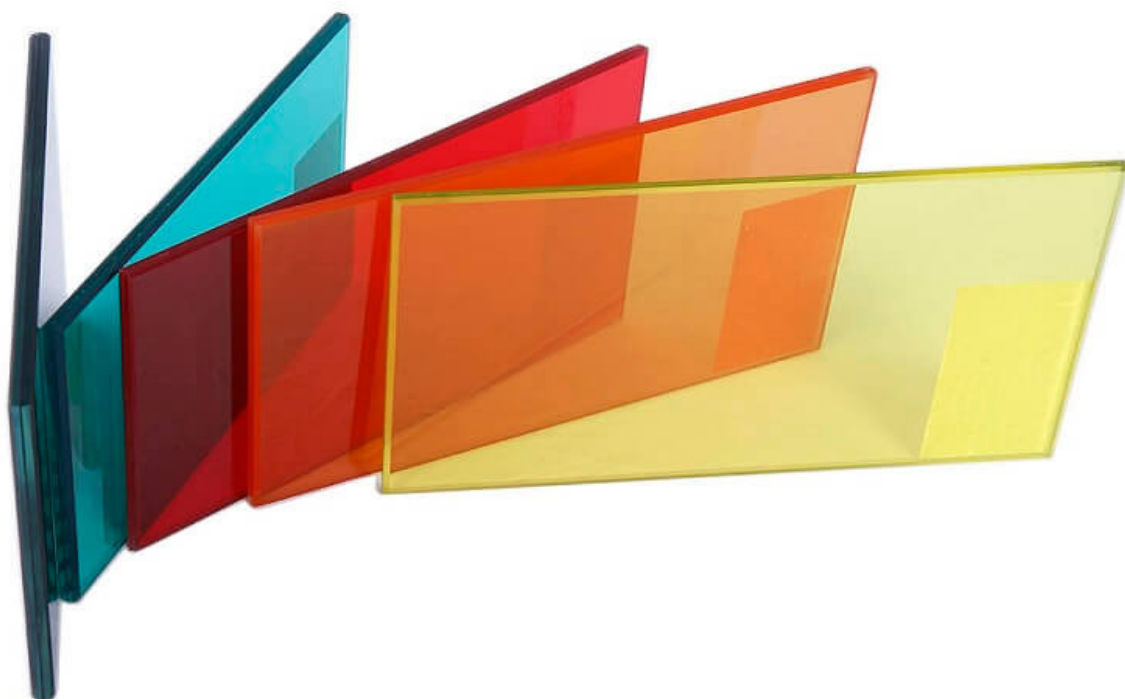
là các dòng xe điện và xe thông minh, đòi hỏi các loại kính kỹ thuật cao; Mở rộng thị trường điện tử tiêu dùng, sử dụng nhiều linh kiện và lớp phủ bằng thủy tinh trong thiết kế sản phẩm; Quá trình công nghiệp hóa và sản xuất gia tăng, đòi hỏi nguyên vật liệu thủy tinh trong nhiều ứng dụng công nghiệp; Xu hướng đổi mới công nghệ và thay thế sản phẩm, thúc đẩy nhu cầu cập nhật vật liệu mới và cải tiến sản phẩm hiện có.

Dự báo, thị trường thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Mỹ sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong những năm tới. Cụ thể, quy mô thị trường dự kiến sẽ đạt 287,2 tỷ USD vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 4,2% trong giai đoạn 2025 – 2029.

Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng trong giai đoạn dự báo, cụ thể: Các sáng kiến về tòa nhà xanh (green buildings) thúc đẩy nhu cầu sử dụng các loại kính cách nhiệt, kính tiết kiệm năng lượng và vật liệu thân thiện môi trường; Sự phát triển của công nghệ kính thông minh (smart glass), được ứng dụng trong cả lĩnh vực xây dựng, ô tô và thiết bị điện tử; Sự mở rộng nhanh chóng của xe điện (EVs) và xe tự hành, với yêu cầu cao về kính an toàn, kính cảm biến và kính chống chói; Tập trung ngày càng nhiều vào các yếu tố an toàn, dẫn đến việc sử dụng kính cường lực, kính nhiều lớp và các giải pháp kính chống đạn; Tiến bộ trong công nghệ hiển thị, đặc biệt là kính trong màn hình OLED, AR/VR, thiết bị đeo và các thiết bị điện tử cao cấp khác.

Các xu hướng chính dự kiến định hình thị trường cụ thể: Gia tăng nhu cầu đối với kính tái chế nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường và phát triển bền vững; Chuyển đổi kỹ thuật số trong sản xuất kính, bao gồm tự động hóa, AI, và công nghệ in 3D cho sản phẩm kính đặc thù; Mở rộng ứng dụng kính trong thiết bị điện tử, từ smartphone đến kính thông minh, máy tính bảng và màn hình gập; Các cân nhắc về an toàn và bảo mật, nhất là trong xây dựng, phương tiện giao thông và thiết bị công nghiệp; Xu hướng đô thị hóa toàn cầu, làm tăng nhu cầu kính kiến trúc, kính mặt dựng và vật liệu xây dựng hiện đại.

Nhìn chung, thủy tinh và sản phẩm thủy tinh là vật liệu thiết yếu và có vai trò quan trọng trong nhiều ngành công nghiệp tại Mỹ, từ xây dựng, bao bì, năng lượng tái tạo đến y tế, ô tô và công nghệ. Nhu cầu về thủy tinh trong các lĩnh vực này không ngừng gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh các ngành công nghiệp đang chuyển hướng theo xu hướng bền vững và công nghệ sạch. Thị trường thủy tinh của Mỹ đang mở ra nhiều cơ hội cho các nhà sản xuất và nhà cung cấp trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam.



Chi phí sản xuất cao - EU tăng nhập khẩu

THỦY TINH VÀ SẢN PHẨM THỦY TINH



Ngành sản xuất thủy tinh của EU đã trải qua nhiều biến động trong giai đoạn 2020-2024, chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như giá năng lượng, nhu cầu thị trường và các mục tiêu phát triển bền vững. Thực tế, giá năng lượng cao là một thách thức lớn, đặc biệt đối với ngành sản xuất thủy tinh vốn tiêu tốn nhiều năng lượng. Điều này đã thúc đẩy các nỗ lực nhằm cải thiện hiệu quả năng lượng và chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo.

Mặc dù ngành công nghiệp thủy tinh EU, vốn nổi tiếng về chất lượng sản phẩm và đổi mới công nghệ, vẫn phải đối mặt với sự cạnh tranh và cần các chính sách hỗ trợ để duy trì năng lực cạnh tranh toàn cầu. Do đó, EU đang thúc đẩy ngành công nghiệp thủy tinh phát triển theo hướng xanh, phù hợp với các mục tiêu của Thỏa

thuận Xanh châu Âu (European Green Deal) và định hướng về kinh tế tuần hoàn.

Các hướng chính mà EU đang phát triển ngành công nghiệp thủy tinh theo hướng xanh:

Một là, khử carbon (Decarbonisation) và hiệu quả năng lượng:

+ Giảm phát thải CO₂ (đây là ưu tiên hàng đầu): Ngành công nghiệp thủy tinh đặt mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, phù hợp với Luật Khí hậu EU. Điều này đòi hỏi các khoản đầu tư lớn vào công nghệ mới.

+ Chuyển đổi năng lượng: Ngành sản xuất thủy tinh EU đang nghiên cứu và triển khai các giải pháp năng lượng thay thế cho khí tự nhiên, vốn chiếm phần lớn lượng khí thải trực tiếp. Các giải pháp bao gồm:

++ Lò nung điện: Chuyển đổi sang lò nung sử dụng điện, đặc biệt là điện từ năng lượng tái tạo, là một hướng đi quan trọng. Một số dự án đã đạt được mức giảm phát thải CO₂ đáng kể (ví dụ: lò nung sử dụng 70% điện có thể giảm 43% CO₂).

++ Nhiên liệu thay thế: Nghiên cứu và sử dụng hydrogen xanh, nhiên liệu sinh học (biomass) và khí hóa chất thải để sản xuất syngas cho lò nung.

Hai là, kinh tế tuần hoàn và tái chế:

+ Tái chế thủy tinh (Glass Recycling): EU là một trong những khu vực dẫn đầu thế giới về tái chế thủy tinh.

- Tỷ lệ tái chế cao: Tỷ lệ thu gom và tái chế thủy tinh bao bì ở EU rất cao, đạt khoảng 80,1% vào năm 2023. Mục tiêu là đạt 90% vào năm 2030 cho thủy tinh bao bì.

- Tái chế vòng kín (Closed-loop recycling): Ngành ưu tiên sử dụng thủy tinh tái chế (cullet) để sản xuất thủy tinh mới mà không làm mất chất lượng. Điều này giúp giảm đáng kể năng lượng cần thiết và lượng nguyên liệu thô ban đầu, đồng thời giảm phát thải CO₂.

- Tái chế thủy tinh phẳng: Ngành thủy tinh phẳng cũng đang đẩy mạnh các sáng kiến tái chế từ các nguồn như kính xây dựng và kính ô tô đã qua sử dụng.

+ Thiết kế cho tính tuần hoàn: Khuyến khích thiết kế sản phẩm thủy tinh dễ dàng thu gom, phân loại và tái chế.

+ Giảm thiểu chất thải: Mục tiêu cuối cùng là không có chất thải thủy tinh nội bộ nào thải ra bãi chôn lấp.

Ba là, đổi mới và phát triển sản phẩm xanh:

Kính hiệu suất cao: Phát triển và sử dụng rộng rãi kính cách nhiệt, kính thông minh, và các loại kính khác giúp tăng hiệu quả năng lượng cho các tòa nhà (giảm nhu

cầu sưởi ấm và làm mát) và phương tiện giao thông (giảm trọng lượng, tiết kiệm nhiên liệu).

Vật liệu thủy tinh mới: Nghiên cứu vật liệu thủy tinh có tính bền vững cao hơn, ứng dụng trong các lĩnh vực năng lượng xanh (pin mặt trời, tuabin gió).

Bốn là, chính sách và hỗ trợ của EU:

+ Thỏa thuận Xanh châu Âu (European Green Deal): Là khung chính sách tổng thể thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh trên toàn bộ các ngành công nghiệp.

+ Kế hoạch Hành động Kinh tế Tuần hoàn (Circular Economy Action Plan): Đặt ra các mục tiêu và biện pháp cụ thể để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, trong đó thủy tinh là một vật liệu chủ chốt.

+ Quy định về Bao bì và Chất thải bao bì (PPWR): Đặt ra các yêu cầu về tái chế và tái sử dụng cho các vật liệu bao bì, bao gồm thủy tinh.

+ Quỹ và Chương trình hỗ trợ: EU cung cấp các quỹ và chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và triển khai các công nghệ xanh trong ngành thủy tinh (ví dụ: Carbon Contract for Difference, các quỹ đổi mới).

+ Đối thoại xã hội: Đảm bảo quá trình chuyển đổi xanh diễn ra công bằng, có sự tham gia của người lao động.

Mặc dù có nhiều tiến bộ, song ngành công nghiệp thủy tinh EU vẫn đối mặt với các thách thức như chi phí đầu tư cao cho các công nghệ mới, cạnh tranh từ các nước ngoài EU với quy định môi trường ít nghiêm ngặt hơn, và nhu cầu về nguồn năng lượng sạch ổn định và giá cả phải chăng.

Nhìn chung, ngành công nghiệp thủy tinh EU đang trong giai đoạn phát triển các giải pháp xanh, với mục tiêu không chỉ giảm thiểu tác động môi trường mà còn tăng cường khả năng cạnh tranh và đổi mới trong dài hạn.

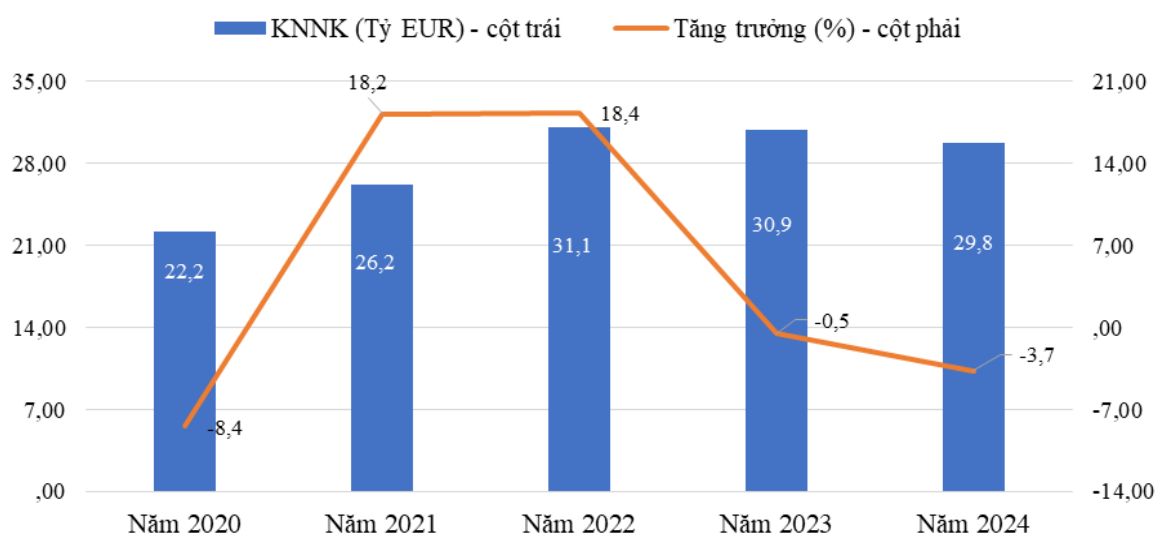
Dung lượng thị trường nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của EU giai đoạn 2020 – 2024 và thị phần của Việt Nam

Giai đoạn 2020 – 2024, nhu cầu kính của EU chịu tác động mạnh mẽ bởi nhiều yếu tố, bao gồm đại dịch COVID-19, biến động giá năng lượng, tình hình kinh tế vĩ mô và các xu hướng phát triển bền vững.

Trong bối cảnh sản xuất nội địa đối mặt với chi phí cao, ảnh hưởng đến cân bằng cung cầu, EU có xu hướng tăng nhập

khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh. Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), giai đoạn 2020 – 2024, tốc độ nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của EU có sự biến động, nhưng nhìn chung cả giai đoạn ghi nhận mức tăng trưởng bình quân 7,6%/năm, từ xấp xỉ 22,2 tỷ EUR vào năm 2020 lên 29,75 tỷ EUR vào năm 2024.

Giá trị và tăng trưởng nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh (mã HS70) của EU giai đoạn 2020 – 2024



Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

Cập nhật số liệu công bố mới nhất từ Cơ quan Thống kê châu Âu, trong quý I/2025, tổng kim ngạch nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của EU từ thế giới giảm 1,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 7,37 tỷ

EUR. Trong đó, EU nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh từ thị trường nội khối đạt 5,21 tỷ EUR, giảm 5,4%; ngược lại, EU tăng nhập khẩu từ thị trường ngoại khối, mức tăng 10%, đạt xấp xỉ 2,17 tỷ EUR.

Về cơ cấu chủng loại

Giai đoạn 2020 – 2024, EU nhập khẩu chủ yếu các sản phẩm thủy tinh có mã HS 7010; 7007; 7019; 7013; 7009, thị phần chiếm 77,08% tổng kim ngạch nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh (mã HS70) của EU trong năm 2024. Do đó, tăng trưởng nhập khẩu các chủng loại trên đã tác động lên tổng kim ngạch nhập khẩu chung của EU trong giai đoạn này.

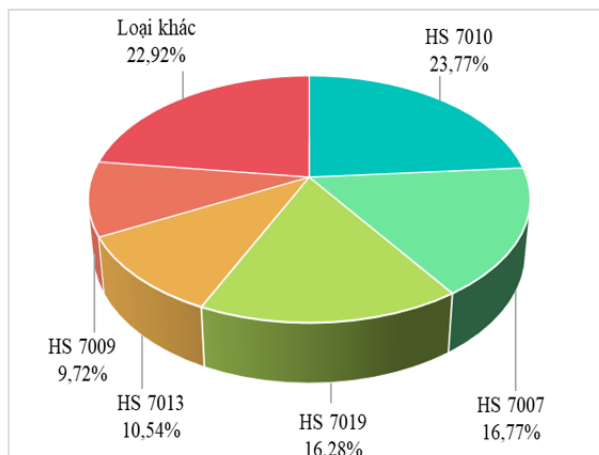
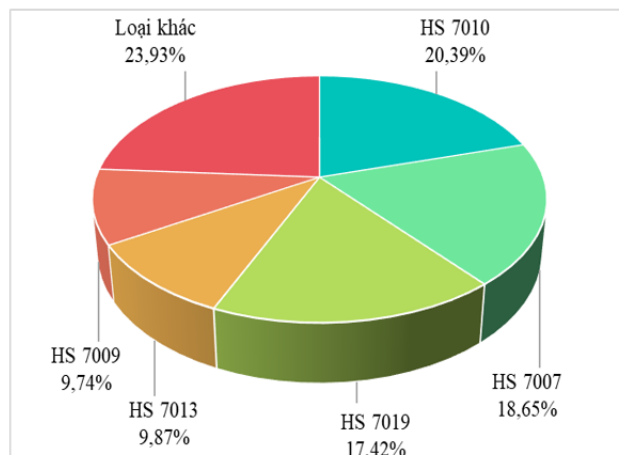
Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2020 – 2024, tốc độ nhập khẩu bình thủy tinh, chai, bình, lọ, lọ, ống, ống nghiệm và các loại đồ đựng khác bằng thủy tinh (HS 7010) của EU tăng trưởng bình quân 11,8%/năm, từ xấp xỉ 4,53 tỷ EUR năm 2020 lên xấp xỉ 7,1 tỷ EUR năm 2024. Tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu tăng tương ứng từ 20,39% lên 23,77%.

Cơ cấu chủng loại thủy tinh và sản phẩm thủy tinh EU nhập khẩu

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

Năm 2020

Năm 2024

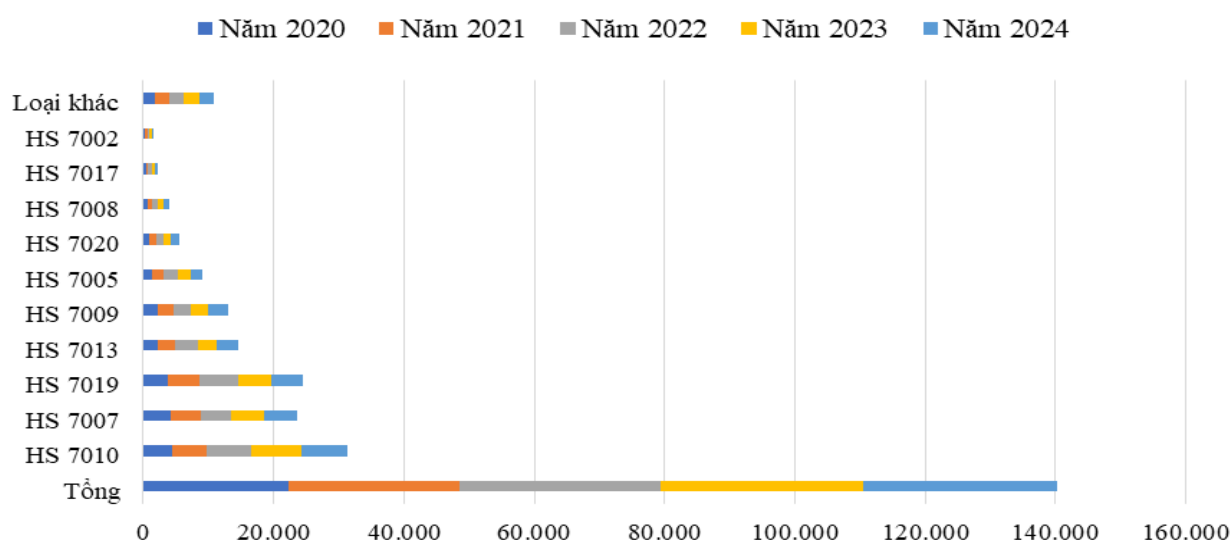


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu

EU cũng nhập khẩu các chủng loại kính an toàn, kính “cường lực”, kính an toàn nhiều lớp, trừ kính cách nhiệt nhiều vách (HS7007) và sợi thủy tinh, bao gồm: bông thủy tinh và các sản phẩm bằng len thủy

tinh, trừ len khoáng sản và các sản phẩm bằng len (mã HS 7019), thị phần chiếm lần lượt 16,77% và 16,28% tổng kim ngạch nhập khẩu thủy thủ tinh và sản phẩm thủy tinh (HS70) của EU trong năm 2024.

Top 10 chủng loại sản phẩm thủy tinh của EU nhập khẩu đạt kim ngạch cao trong giai đoạn 2020 – 2024 (ĐVT: Triệu EUR)



Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

Về cơ cấu nguồn cung

Hiện EU nhập khẩu chủ yếu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh từ thị trường nội khối. Trong giai đoạn 2020 – 2024, tốc độ nhập

khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của EU từ thị trường nội khối tăng trưởng bình quân 7,16%/năm, từ xấp xỉ 16,23 tỷ EUR

năm 2020 lên 21,4 tỷ EUR năm 2024, thị phần chiếm 71,93% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thế giới.

Đối với thị trường ngoại khối, giai đoạn 2020 – 2024, tốc độ nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của EU thị trường này tăng trưởng bình quân 8,75%/năm, từ 5,97 tỷ EUR năm 2020 lên 8,35 tỷ EUR năm 2024.

Các nguồn cung ngoại khối chủ yếu mặt hàng thủy tinh và sản phẩm thủy tinh cho EU gồm: Trung Quốc, Mỹ, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, Ấn Độ ... Trong giai đoạn 2020 – 2024, tốc độ nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của EU từ các thị trường ngoại khối trên ghi nhận mức tăng trưởng khả quan. Tuy nhiên, trong quý I/2025, ngoại trừ Trung Quốc và Ấn Độ, kim ngạch nhập

khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của EU từ các thị trường ngoại khối lớn trên đều giảm.

Trong khi đó, Việt Nam là nguồn cung thủy tinh và sản phẩm thủy tinh ngoại khối lớn thứ 26 cho EU. Giai đoạn 2020 – 2024, tốc độ nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của EU từ Việt Nam tăng trưởng bình quân 13,11%/năm, từ 13,2 triệu EUR năm 2020 lên 21,6 triệu EUR năm 2023. Thị phần thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 0,22% năm 2020 lên 0,26% thị phần vào năm 2024. Trong quý I/2025, EU tăng mạnh nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh từ Việt Nam, mức tăng trưởng 39,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 6,7 triệu EUR.

Nguồn cung ngoại khối thủy tinh và sản phẩm thủy tinh cho EU trong giai đoạn 2020 – 2024 và quý I/2025

(ĐVT: Triệu EUR)

STT	Thị trường	Năm 2020	Năm 2024	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2024 (%)	Thị phần/Tổng KNNK từ thị trường ngoại khối (%)		Quý I/2025	So với quý I/2024 (%)
					Năm 2020	Năm 2024		
	Tổng	22.198,7	29.750,7	7,60			7.376,6	-1,3
	EU nội khối	16.228,5	21.399,1	7,16			5.208,8	-5,4
	EU ngoại khối	5.970,2	8.351,6	8,75	100,00	100,00	2.167,8	10,0
1	Trung Quốc	2.021,1	3.430,7	14,14	33,85	41,08	954,3	28,0
2	Mỹ	884,0	1.114,9	5,97	14,81	13,35	281,9	-3,1
3	Thổ Nhĩ Kỳ	463,4	747,8	12,71	7,76	8,95	180,9	-0,03
4	Anh	670,9	743,7	2,61	11,24	8,91	188,5	-4,4
5	Ấn Độ	145,1	217,7	10,67	2,43	2,61	52,4	8,5
6	Thụy Sĩ	209,0	215,7	0,80	3,50	2,58	49,8	-12,3
7	Nhật Bản	165,2	197,7	4,60	2,77	2,37	44,9	-9,1
8	Ái Cập	102,8	170,4	13,46	1,72	2,04	48,7	24,5
9	Đài Loan	108,4	141,4	6,86	1,82	1,69	37,3	16,8
10	Ukraina	150,4	139,9	-1,80	2,52	1,67	33,6	3,1
26	Việt Nam	13,2	21,6	13,11	0,22	0,26	6,7	39,7

Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

(*) Ghi chú: HS 70 Thủy tinh và sản phẩm thủy tinh

Nhìn chung, ngành sản xuất thủy tinh Việt Nam hoàn toàn có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu sang EU, đặc biệt là nhờ những yếu tố thuận lợi sau:

Thứ nhất, Cơ hội từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).

Thứ hai, Nhu cầu lớn và đa dạng của thị trường EU

EU là một thị trường tiêu thụ lớn và có nhu cầu đa dạng về thủy tinh. Ngoài các sản phẩm thủy tinh thông thường, EU còn có nhu cầu cao về các sản phẩm thủy tinh chuyên biệt, chất lượng cao, phục vụ các ngành công nghiệp như:

+ Bao bì thực phẩm và đồ uống: Đây là một thị trường lớn và ổn định, đặc biệt là chai thủy tinh cho rượu vang, bia, nước giải khát. Nhu cầu về bao bì thủy tinh thân thiện môi trường cũng ngày càng tăng.

+ Thủy tinh xây dựng: Kính kiến trúc, kính cách nhiệt, kính an toàn, kính chống cháy... cho các công trình xây dựng.

+ Thủy tinh chuyên dụng: Thủy tinh cho ngành y tế, dược phẩm, phòng thí nghiệm, thiết bị điện tử, ô tô, năng lượng mặt trời.

Thứ ba, Xu hướng tiêu dùng bền vững tại EU

Người tiêu dùng EU ngày càng quan tâm đến các sản phẩm thân thiện với môi trường và có khả năng tái chế. Thủy tinh là vật liệu có khả năng tái chế 100% và vô thời hạn, điều này tạo ra lợi thế lớn cho các sản phẩm thủy tinh so với các vật liệu khác như nhựa. Việc Việt Nam đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn và tái chế thủy tinh sẽ củng cố lợi thế này.

Thứ tư, Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu

Trong bối cảnh địa chính trị và kinh tế thế giới biến động, nhiều doanh nghiệp EU đang tìm kiếm các đối tác cung ứng mới bên ngoài Trung Quốc. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp thủy tinh Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng của EU.

Chủng loại thủy tinh có lợi thế cạnh tranh tại EU:

Để cạnh tranh thành công tại thị trường EU, ngành thủy tinh Việt Nam cần tập trung vào các chủng loại có lợi thế cạnh tranh và đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường này:

- *Chai lọ, bao bì thủy tinh chất lượng cao:*

+ Thị trường rộng lớn: Nhu cầu về chai lọ thủy tinh cho ngành thực phẩm, đồ uống (đặc biệt là rượu vang, bia, nước trái cây) tại EU rất lớn và ổn định.

+ Tiêu chuẩn chất lượng: Các sản phẩm này cần đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm, độ bền, độ trong suốt, khả năng chịu nhiệt và thiết kế. Việt Nam có thể tập trung vào sản xuất các loại chai lọ thủy tinh có thiết kế đa dạng, độc đáo và chất lượng cao để đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng EU.

+ Thủy tinh tái chế: Khả năng sử dụng phế liệu thủy tinh (cullet) trong sản xuất để tạo ra các sản phẩm mới cũng là một lợi thế, đáp ứng xu hướng tái chế và bền vững của EU.

- *Thủy tinh gia dụng và trang trí:*

+ Đa dạng mẫu mã: Các sản phẩm như ly, cốc, bát đĩa, lọ hoa, đồ trang trí bằng thủy tinh có thiết kế tinh xảo, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam có thể thu hút người tiêu dùng EU tìm kiếm sự khác biệt.

+ Giá cả cạnh tranh: Nếu đảm bảo chất lượng, các sản phẩm này có thể cạnh tranh về giá so với các sản phẩm tương tự từ các nước khác.

- *Thủy tinh kỹ thuật (tiềm năng):*

Mặc dù hiện tại ngành thủy tinh Việt Nam chưa phát triển mạnh về thủy tinh kỹ thuật (cách nhiệt, chịu nhiệt, chịu hóa chất, điện tử), nhưng đây là phân khúc có giá trị gia tăng cao và nhu cầu lớn trong các ngành công nghiệp của EU.

Để thâm nhập vào phân khúc này, Việt Nam cần đầu tư mạnh vào R&D, công nghệ sản xuất tiên tiến và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là mục tiêu dài hạn nhưng rất đáng để theo đuổi.

Dù có nhiều cơ hội, nhưng để xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh sang EU, các doanh nghiệp Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức và cần đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt:

+ Tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng: EU có những tiêu chuẩn rất cao về chất lượng, an toàn, môi trường (như REACH), và các chứng nhận cần thiết. Các doanh nghiệp cần đầu tư để đạt được các chứng nhận quốc tế phù hợp.

+ Tiêu chuẩn về xuất xứ và truy xuất nguồn gốc: Để được hưởng ưu đãi thuế quan từ EVFTA, sản phẩm phải chứng minh được nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

+ Thiết kế và đổi mới: Thị trường EU coi trọng sự đổi mới và thiết kế. Các doanh nghiệp cần đầu tư vào R&D để tạo ra các sản phẩm có tính năng vượt trội, thiết kế hiện đại và độc đáo.

+ Khả năng sản xuất quy mô lớn và ổn định: Đảm bảo năng lực sản xuất để đáp ứng các đơn hàng lớn và duy trì chất lượng ổn định.

Nhìn chung, ngành sản xuất thủy tinh Việt Nam có tiềm năng để đẩy mạnh xuất khẩu sang EU, đặc biệt là các sản phẩm bao bì thủy tinh và thủy tinh gia dụng chất lượng cao.

Tuy nhiên, để tận dụng tối đa cơ hội này, các doanh nghiệp cần chủ động đầu tư vào công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại.



VƯƠNG QUỐC ANH TĂNG NHẬP KHẨU THỦY TINH VÀ SẢN PHẨM THỦY TINH - CƠ HỘI CHO VIỆT NAM

Ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Vương quốc Anh là một lĩnh vực phát triển mạnh mẽ của quốc gia này. Thị trường sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Anh dự kiến đạt doanh thu 3.212,3 triệu USD vào năm 2030, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 3,6% trong giai đoạn 2025 - 2030. Trong đó, các phân khúc chính bao gồm kính bao bì, kính phẳng, kính ô tô và kính chuyên dụng, mỗi phân khúc đều có những động lực tăng trưởng và yêu cầu riêng biệt, cụ thể:

+ **Thị trường kính phẳng:** Thị trường kính phẳng của Anh ước tính đạt 4,56 tỷ USD vào năm 2023 và dự kiến tăng trưởng lên 8,75 tỷ USD vào năm 2035, với tốc độ tăng trưởng trung bình 5,67%/năm trong giai đoạn 2025-2035. Tuy nhiên, thị trường kính phẳng kiến trúc lại được dự báo sẽ giảm xuống còn 1.222,7 triệu USD vào năm 2030, với mức giảm trung bình 5,5%/năm trong giai đoạn 2025-2030.

+ **Thị trường kính bao bì:** Thị trường kính bao bì của Anh được định giá 3,11 tỷ USD vào năm 2023 và dự kiến sẽ tăng vượt 4,29 tỷ USD vào năm 2033, tăng trưởng bình quân 3,27%/năm.

+ **Thị trường kính ô tô:** Thị trường kính ô tô của Anh dự kiến đạt 790,2 triệu USD vào năm 2027, với tốc độ tăng trưởng bình quân 4,7%/năm trong giai đoạn 2020 - 2027. Kính cường lực là phân khúc sản phẩm lớn nhất và tăng trưởng nhanh nhất

trong các ứng dụng ô tô.

+ **Thị trường kính Chuyên dụng:** Thị trường kính chuyên dụng dự kiến tăng trưởng 4,76%/năm trong giai đoạn 2025 - 2034. Kính kiến trúc chiếm ưu thế trong phân khúc ứng dụng, với kính tráng phủ dự kiến sẽ có tốc độ tăng trưởng cao nhất do được sử dụng trong các tòa nhà tiết kiệm năng lượng và thiết bị điện tử.

Trong giai đoạn 2019 - 2024, số lượng doanh nghiệp trong ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh tại Vương quốc Anh có xu hướng giảm bình quân 3,1%/năm. Năm 2024, Vương quốc Anh có 597 doanh nghiệp sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh, giảm 3,1% so với năm 2023.

Nhìn chung, mặc dù có lịch sử lâu đời về sản xuất thủy tinh, đặc biệt là trong các lĩnh vực chuyên biệt, nhưng Vương quốc Anh cũng phải đối mặt với những thách thức liên quan đến chi phí năng lượng, nhu cầu tăng cường tái chế và sự cạnh tranh từ hàng nhập khẩu. Theo đó, Vương quốc Anh hiện có giá điện công nghiệp cao nhất so với phần còn lại của châu Âu, do phụ thuộc vào khí đốt tự nhiên để sản xuất điện và giá khí đốt tự nhiên không ổn định. Ngành này cũng đối mặt với những thách thức đáng kể từ thuế bao bì mới (pEPR) do mức thuế tính trên trọng lượng của sản phẩm. Trong khi đó, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Anh trong những năm qua có xu hướng tăng.

Tình hình nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Vương quốc Anh giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025

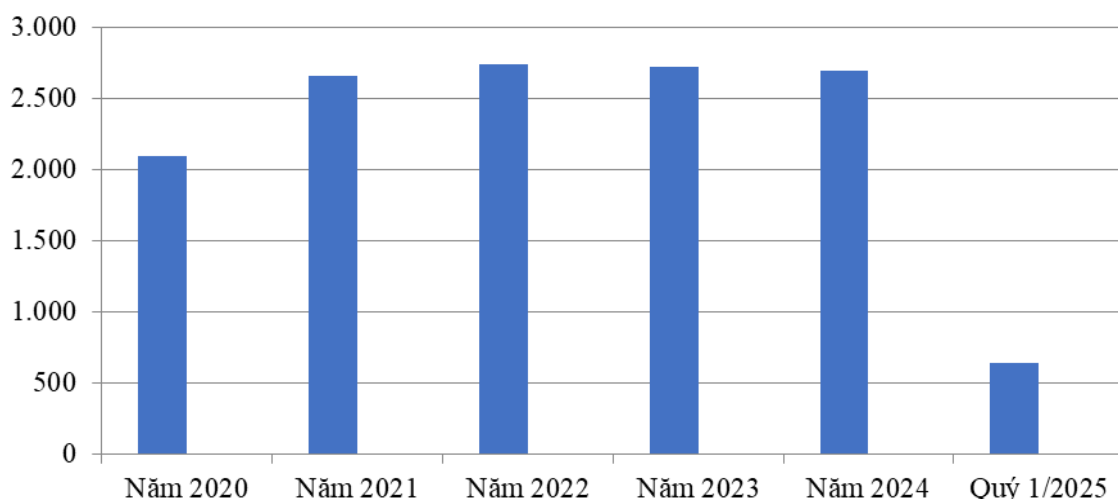
► NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong giai đoạn 2020 - 2024, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Anh tăng trưởng bình quân 6,5%/năm, đạt từ 2-2,75 tỷ USD/năm.

Quý 1/2025, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Anh tiếp tục tăng 0,3% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 645,92 triệu USD.

Trị giá nhập khẩu hàng thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của các thị trường tại Anh giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025

(Đvt: triệu USD)



Nguồn: ITC

EU là thị trường cung cấp thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh lớn nhất cho Anh trong giai đoạn 2020 - 2024, chiếm khoảng 47-54,2% thị phần. Trung Quốc là thị trường cung cấp lớn tiếp theo, chiếm 23-30,4%, Mỹ chiếm 6-8,5%, Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 3-4,5%. Số liệu thống kê cho thấy, thị phần thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của EU và Thổ Nhĩ Kỳ tại Anh đang có xu hướng giảm, trong khi thị phần của Trung Quốc và Mỹ tăng.

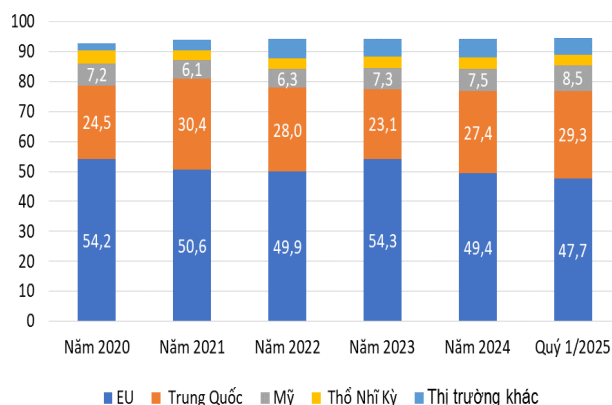
Việt Nam hiện là nguồn cung thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn thứ 16 cho Anh, với thị phần khoảng 0,07-0,2%, ở mức rất thấp trong tổng nhu cầu nhập khẩu của thị trường.

Trong giai đoạn 2020-2024, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Anh từ các thị trường tăng 6,5%/năm là nhờ nhập khẩu tăng đáng kể từ các thị trường EU tăng 4,1%/năm, Trung Quốc tăng 9,4%/năm, Hàn Quốc tăng 16,7%/năm, Thụy Sĩ

tăng 9,4%/năm, đáng chú ý nhập khẩu từ thị trường Na Uy tăng 114,3%/năm, Serbia tăng 184,8%/năm,...

Thị phần hàng thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của các thị trường tại Anh giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025

(Đvt: % tính theo trị giá nhập khẩu)



Nguồn: ITC

► NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Trong quý 1/2025, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Anh tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2024, trong đó nhập khẩu Trung Quốc tăng 14,3%, Mỹ tăng 10,9%, Nhật Bản tăng 17,1%, thị trường Đài Loan tăng 41%, Hàn Quốc tăng 29,5%, Mexico tăng 63,7%,...Trái lại, nhập khẩu nhóm hàng từ EU giảm 8,3%, Thổ Nhĩ Kỳ giảm 0,3%, Thụy Sĩ giảm 12,1%, Thái Lan giảm 44,3%, Việt Nam giảm 10%,...

Thị trường nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Anh giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2024 (%)	Quý 1/2025 (nghìn USD)	So với quý 1/2024 (%)
Tổng	2.089.953	2.660.010	2.737.646	2.719.588	2.690.028	6,5	645.922	0,3
EU	1.132.354	1.346.273	1.366.805	1.475.568	1.329.133	4,1	307.813	-8,3
Trung Quốc	512.835	808.642	767.498	627.569	735.780	9,4	189.211	14,3
Mỹ	149.767	163.319	172.682	198.352	202.745	7,9	54.922	10,9
Thổ Nhĩ Kỳ	93.605	87.698	98.127	103.749	99.378	1,5	23.187	-0,3
Nhật Bản	24.977	23.215	21.201	23.843	27.027	2,0	6.724	17,1
Ấn Độ	19.223	27.254	28.829	24.327	25.715	7,5	5.710	3,0
Đài Loan	19.031	24.628	25.066	19.313	16.439	-3,6	4.624	41,0
Hàn Quốc	8.040	5.989	10.275	9.284	14.936	16,7	3.843	29,5
Mexico	35.095	13.290	6.485	13.808	13.921	-20,6	3.530	63,7
Ai Cập	10.904	11.718	10.947	10.989	9.988	-2,2	2.197	0,8
Thụy Sĩ	6.578	11.515	14.172	9.794	9.423	9,4	2.027	-12,1
Na Uy	443	1.304	928	1.766	9.336	114,3	2.536	212,7
Thái Lan	6.644	14.010	12.320	9.287	6.936	1,1	1.182	-44,3
Canada	6.439	5.521	7.064	8.598	6.560	0,5	1.392	-19,6
Serbia	84	2.809	4.903	6.107	5.527	184,8	1.027	12,0
Việt Nam	2.329	1.867	3.142	3.858	5.478	23,8	1.013	-10,0
UAE	10.324	17.601	10.342	13.491	3.618	-23,1	498	-60,6
Thị trường khác	51.281	93.357	176.860	159.885	168.088	34,6	34.486	-9,1

Nguồn: ITC

Trong giai đoạn 2020-2024, Anh nhập khẩu chủ yếu các chủng loại chai, hộp thủy tinh; kính an toàn, sợi thủy tinh, đồ thủy tinh gia dụng và gương thủy tinh, chiếm tới 70-80,3% tổng trị giá nhập khẩu. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu chai, hộp thủy tinh của Anh đã tăng lên từ mức 17,3% năm 2020 lên 21,09% trong năm 2024, đạt mức 19,2% trong quý 1/2025. Ngược lại, tỷ trọng nhập khẩu các chủng loại thủy tinh và sản phẩm thủy tinh khác lại giảm.

► NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Tại Anh nhu cầu về chai, lọ, bao bì bình thủy tinh... vẫn có xu hướng tăng trưởng ổn định trong thời gian tới. Theo ResearchAndMarkets.com, thị trường chai lọ và bao bì thủy tinh của Anh ước tính đạt khoảng 2,35 triệu tấn vào năm 2025 và dự kiến sẽ đạt 2,71 triệu tấn vào năm 2030, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 2,94% trong giai đoạn 2025-2030. Trong đó, nhu cầu về chai, lọ, bao bì bình thủy tinh... của Anh tăng trưởng được thúc đẩy từ nhiều yếu tố như:

+ Ngành đồ uống, đặc biệt là đồ uống có cồn (rượu mạnh, bia, rượu vang), tiếp tục là ngành tiêu thụ thủy tinh lớn nhất. Thủy tinh được ưa chuộng nhờ khả năng bảo quản hương vị và mùi thơm, tính vô trùng hóa học và không thấm nước.

+ Người tiêu dùng Anh ngày càng nhận thức rõ hơn về tác động môi trường của bao bì và ưu tiên các lựa chọn bền vững. Thủy tinh được coi là vật liệu thân thiện với môi trường do khả năng tái chế cao và dấu chân carbon thấp hơn so với một số

vật liệu khác khi được tái chế.

+ Sự gia tăng của các sáng kiến về bao bì tái sử dụng và nạp lại cũng hỗ trợ việc áp dụng bao bì thủy tinh.

+ Trong các ngành như rượu mạnh, mỹ phẩm và thực phẩm cao cấp, bao bì thủy tinh tại Anh được sử dụng để tạo ra ấn tượng ban đầu mạnh mẽ, truyền tải chất lượng và sự sang trọng của sản phẩm.

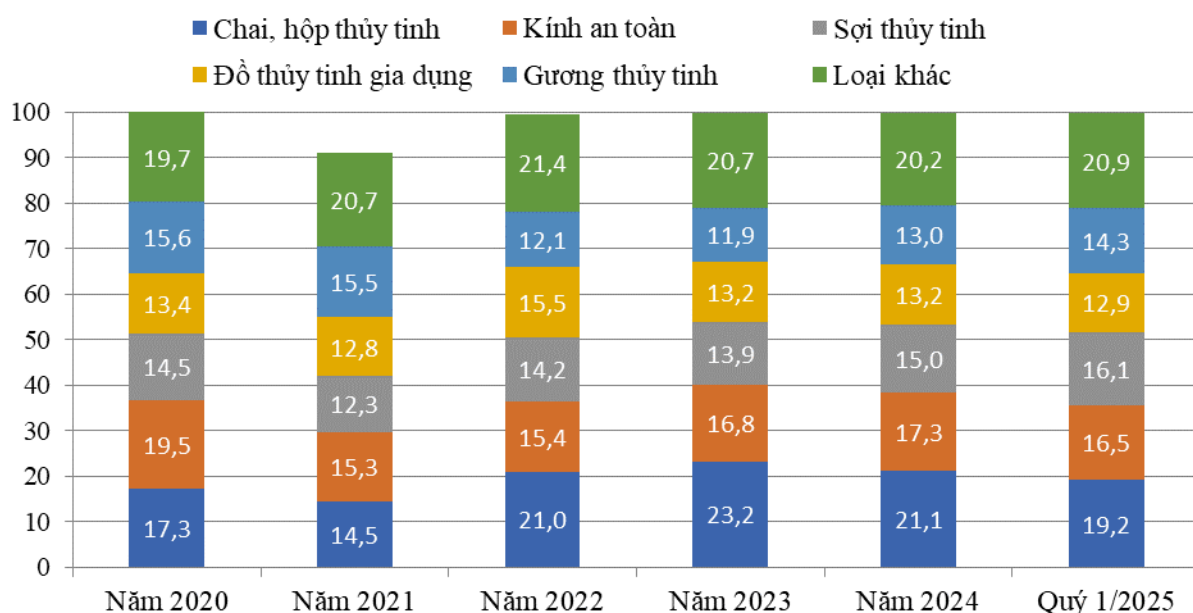
+ Thủy tinh tại Anh được sử dụng rộng rãi trong đóng gói thực phẩm (cà phê hòa tan, thực phẩm cho trẻ em chế biến sẵn, sản phẩm sữa, đồ hộp) do tính trơ về mặt hóa học, không xốp và không thấm nước, giúp bảo quản sản phẩm an toàn và kéo dài thời hạn sử dụng.

+ Ngành dược phẩm Anh cũng sử dụng thủy tinh cho các sản phẩm như lọ, ống tiêm, do tính không phản ứng của nó, đảm bảo an toàn sản phẩm và duy trì thời hạn sử dụng...

Cơ cấu chủng loại thủy tinh và sản phẩm thủy tinh nhập khẩu vào Anh

giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025

(Tỷ trọng % tính theo trị giá nhập khẩu)



Nguồn: ITC

Nhìn chung, xu hướng nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Anh hiện nay tập trung vào các sản phẩm cao cấp, chất lượng cao và có thiết kế độc đáo... Vì vậy, để tăng tính cạnh tranh cho thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam tại thị trường Anh, các doanh nghiệp thủy tinh Việt Nam cần chú trọng vào các yếu tố sau:

- Chất lượng sản phẩm:

+ Đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế: Thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam cần đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt của thị trường Anh, bao gồm các tiêu chuẩn về an toàn, độ bền, và độ tinh xảo.



+ Sử dụng nguyên liệu chất lượng cao: Với việc lựa chọn nguyên liệu chất lượng cao sẽ giúp sản phẩm có độ bền tốt, vẻ ngoài đẹp mắt và tăng tính cạnh tranh.

+ Kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt: Xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng từ khâu nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng để đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn.

- Đổi mới công nghệ:

Sử dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất sẽ giúp tăng năng suất, giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, tối ưu hóa quy trình sản xuất, quản lý chất lượng và chuỗi cung ứng sẽ giúp tăng tính cạnh tranh của doanh nghiệp.

Sử dụng công nghệ để thiết kế sản phẩm, thử nghiệm sản phẩm và đưa sản phẩm ra thị trường.

- Thiết kế sáng tạo:

Trước hết cần tận dụng các yếu tố văn hóa truyền thống của Việt Nam vào thiết kế sản phẩm sẽ giúp sản phẩm trở nên độc đáo và thu hút người tiêu dùng Anh.

Phát triển các sản phẩm độc đáo, mới lạ để tạo ra các dòng sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng Anh. Bên cạnh đó, nghiên cứu và ứng dụng các chất liệu mới, các kỹ thuật chế tác tiên tiến sẽ giúp sản phẩm có vẻ ngoài độc đáo và sang trọng.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thủy tinh Việt Nam:

Như đầu tư vào việc xây dựng thương hiệu mạnh, tạo dựng danh tiếng và hình ảnh tốt cho sản phẩm thủy tinh của mình. Với việc sử dụng các kênh truyền thông hiệu quả để quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng Anh. Các doanh nghiệp cần tích cực tham gia nghiên cứu thị trường, tìm hiểu nhu cầu của người tiêu dùng nơi đây để phát triển sản phẩm phù hợp. Đồng thời, xây dựng mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Do đó, để tăng tính cạnh tranh của thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam tại thị trường Anh, các doanh nghiệp thủy tinh Việt Nam cần chú trọng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, thiết kế sản phẩm sáng tạo, đổi mới công nghệ và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Với những nỗ lực này, Việt Nam hoàn toàn có thể khẳng định vị thế của mình trên thị trường Anh và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, những lợi thế từ Hiệp định UKVFTA tiếp tục là cơ sở để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng thủy tinh và sản phẩm thủy tinh sang thị trường Anh trong thời gian tới.

Ngành sản xuất

THỦY TINH VÀ SẢN PHẨM THỦY TINH của Nhật Bản có xu hướng suy giảm

Nhật Bản là một trong những quốc gia có ngành sản xuất thủy tinh tiên tiến và có giá trị gia tăng cao hàng đầu thế giới. Mặc dù không đứng đầu về khối lượng sản xuất như Trung Quốc hay Ấn Độ, nhưng Nhật Bản lại nổi bật ở các phân khúc thủy tinh kỹ thuật cao, phục vụ các ngành công nghệ, ô tô, điện tử và y tế. Với năng lực sản xuất hiện đại và định hướng đổi mới công nghệ liên tục, Nhật Bản không chỉ đáp ứng nhu cầu nội địa mà còn giữ vị thế là nhà cung cấp các sản phẩm thủy tinh chất lượng cao cho thị trường quốc tế.

Ngành công nghiệp thủy tinh của Nhật Bản hiện đang trải qua một quá trình chuyển đổi sâu rộng nhằm thích ứng với các yêu cầu về phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao và tăng trưởng xanh. Không chỉ duy trì vị thế trong các lĩnh vực truyền thống như kính xây dựng hay đồ gia dụng, các doanh nghiệp Nhật Bản đang tiên phong trong lĩnh vực kính kỹ thuật, tái chế và vật liệu tiên tiến, đồng thời tích cực hướng ứng mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050 theo chiến lược “Zero Emission” của nước này.

Nhật Bản có xu hướng ưu tiên phát triển các sản phẩm thủy tinh kỹ thuật như kính nhiều lớp, kính an toàn, sợi thủy tinh công nghiệp và nền thủy tinh không kiềm, phục vụ cho các ngành công nghệ cao.

Tuy nhiên, ngành thủy tinh Nhật Bản vẫn phải đối mặt với chi phí sản xuất cao do năng lượng tiêu thụ lớn và cạnh tranh gay gắt từ các nhà sản xuất như Trung Quốc và Hàn Quốc, đặc biệt trong phân khúc kính xây dựng và kính ô tô phổ thông. Theo nguồn Meti.go.jp, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy

tinh của Nhật Bản giai đoạn 2020 – 2024 có xu hướng giảm, đạt mức cao nhất vào năm 2013 là 104,3 điểm, giảm xuống còn 97,7 điểm trong năm 2024. Quý I/2025, chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp này giảm xuống còn 91,5 điểm. Trong đó, các phân khúc phổ thông như kính phẳng, bình chứa thủy tinh đang có xu hướng giảm nhẹ. Các phân khúc kỹ thuật cao như kính nhiều lớp, sợi thủy tinh len giữ tăng trưởng ổn định, nhờ định hướng chuyển đổi xanh và phát triển công nghệ. Một số phân khúc như chất nền thủy tinh không kiềm đang gặp khó khăn do phụ thuộc vào thị trường điện tử cao cấp.

Trong quý I/2025, sản xuất thủy tinh của Nhật Bản đang có dấu hiệu chững lại, đặc biệt ở sản phẩm kính phẳng và bình thủy tinh. Tuy nhiên, các phân khúc cao cấp và kỹ thuật cao như: kính an toàn, vải sợi thủy tinh liên tục, sản phẩm len sợi thủy tinh vẫn giữ tăng trưởng ổn định, cho thấy xu hướng dịch chuyển sang sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Triển vọng của ngành trong thời gian tới vẫn được đánh giá tích cực nhờ sự phục hồi của các ngành tiêu dùng như: xây dựng, điện tử, ô tô điện, chính sách hỗ trợ công nghiệp xanh của chính phủ Nhật Bản.

Việt Nam có thể tận dụng cơ hội tham gia chuỗi cung ứng ngành thủy tinh Nhật Bản thông qua xuất khẩu nguyên liệu như cát thạch anh tinh khiết, soda ash và phụ gia sản xuất thủy tinh. Đồng thời, với xu hướng các tập đoàn Nhật Bản chuyển dịch một phần dây chuyền sản xuất sang Đông Nam Á, doanh nghiệp Việt Nam có thể hợp tác trong gia công thủy tinh gia dụng, kính nội thất cao cấp hoặc cung cấp dịch vụ phụ trợ.

Chỉ số sản xuất công nghiệp ngành thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản trong giai đoạn 2020 - 2024 và quý I/2025

Sản phẩm	Chỉ số sản xuất (điểm, năm cơ sở 2020)						
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2024 (%)	Quý I/2025
Thủy tinh và sản phẩm thủy tinh	100	103	100,4	104,3	97,7	-0,6	91,5
Kính phẳng	100	108,3	92,3	101,6	97,1	-0,7	89,7
Kính an toàn	100	97,7	97,1	114,2	104,7	1,2	103,6
Nhiều lớp kính	100	99,3	99,2	105,7	99,3	-0,2	80,3
Bình thủy tinh	100	104	105,9	101,9	95,7	-1,1	89,2
Vải sợi thủy tinh liên tục	100	116,6	122,2	102,2	94,9	-1,3	106,4
Sản phẩm len sợi thủy tinh	100	101,6	106	107,4	103,7	0,9	102,7
Chất nền thủy tinh không kiềm	100	102,5	77,3	65,7			

Nguồn: www.meti.go.jp

Tình hình xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản giai đoạn 2020 - 2024 và quý I/2025

Giai đoạn 2020 – 2024, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản có xu hướng giảm nhẹ do suy thoái kinh tế toàn cầu, chuỗi cung ứng và nhu cầu thị trường thay đổi. Tuy nhiên, xuất khẩu sang một số thị trường trọng điểm vẫn duy trì đà tăng trưởng, thậm chí bứt phá mạnh trong quý đầu năm 2025.

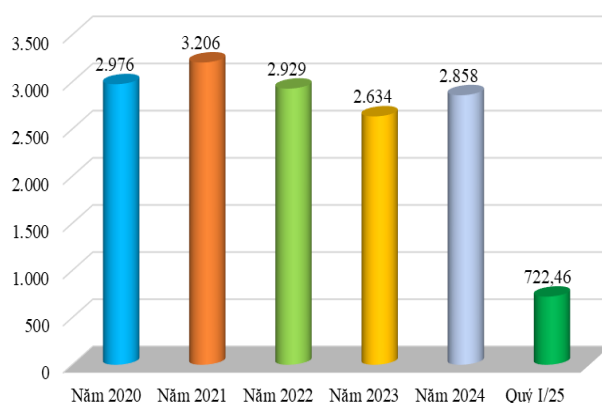
Theo tính toán từ số liệu của Trung tâm thương mại Quốc tế (ITC), giai đoạn 2020 - 2024, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh (mã HS 70) của Nhật Bản ra thế giới giảm bình quân 1%/năm, từ 2,97 tỷ USD năm 2020, xuống còn 2,85 tỷ USD năm 2024. Trong giai đoạn này, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản đạt mức cao nhất 3,2 tỷ USD vào năm 2021, tăng 7,7% so với năm trước. Năm 2022 và 2023, kim ngạch xuất khẩu thủy thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản giảm lần lượt là 8,7% và 10,1% và tăng trở lại trong năm 2024, với mức tăng 8,5% so với năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu thủy thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản tiếp

tục tăng trưởng tốt trong các tháng đầu năm 2025. Theo số liệu công bố mới nhất từ ITC, trong quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản ra thế giới đạt 722,46 triệu USD, tăng 16,1% so với quý I/2024.

Kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và sp thủy tinh của Nhật Bản giai đoạn 2020 – 2024 và quý I/2025

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

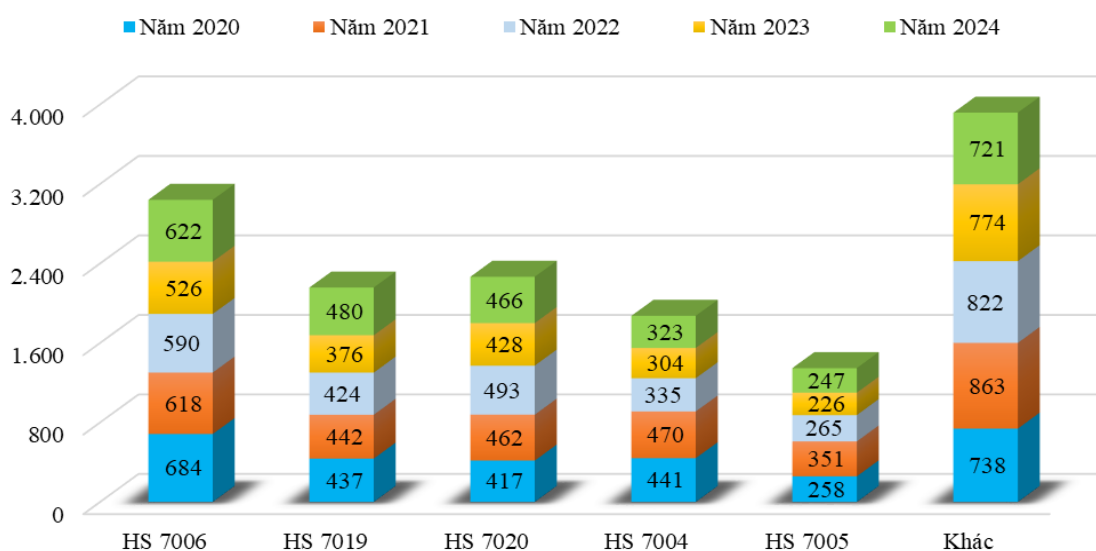
Về cơ cấu chủng loại

Giai đoạn 2020 - 2024, có sự chuyển dịch về cơ cấu sản phẩm thủy tinh xuất khẩu của Nhật Bản, từ các sản phẩm thông dụng sang các nhóm hàng có giá trị công nghệ cao, ứng dụng rộng trong xây dựng xanh, điện tử và tiêu dùng cao cấp. Các sản phẩm thủy tinh xuất khẩu của Nhật Bản bao gồm: tấm kính hoặc thanh kính, có hoặc không có chất hấp thụ, phản chiếu hoặc không phản chiếu (mã HS 7006);

Sợi thủy tinh, bao gồm: bông thủy tinh và các sản phẩm bằng len thủy tinh (trừ len khoáng sản và các sản phẩm bằng len) (mã HS 7019); Các sản phẩm bằng thủy tinh (mã HS 7020); Tấm kính, kéo hoặc thổi, có hoặc không có chất hấp thụ, phản chiếu hoặc không phản chiếu (mã HS 7004) và kính nổi hoặc kính được mài hoặc đánh bóng bề mặt, ở dạng tấm, có hoặc không có chất hấp thụ (mã HS 7005)...

Top 5 sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản xuất khẩu đạt kim ngạch cao trong giai đoạn 2020 – 2024

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Trong giai đoạn 2020 - 2024, kim ngạch xuất khẩu tấm kính hoặc thanh kính, có hoặc không có chất hấp thụ, phản chiếu hoặc không phản chiếu (mã HS 7006) của Nhật Bản giảm bình quân 2,4%/năm, từ 684,48 triệu USD vào năm 2020, xuống còn 622,14 triệu USD vào năm 2024. Tuy nhiên, trong quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu nhóm sản phẩm này tăng trở lại, tăng 35,8% so với cùng kỳ năm trước, đạt 170,84 triệu USD.

Trong giai đoạn này, kim ngạch xuất khẩu sợi thủy tinh, bao gồm: bông thủy tinh và

các sản phẩm bằng len thủy tinh (trừ len khoáng sản và các sản phẩm bằng len) (mã HS 7019) của Nhật Bản tăng bình quân 2,4%/năm, từ 436,75 triệu USD vào năm 2020, lên 479,51 triệu USD vào năm 2024. Xu hướng tăng trưởng tiếp tục diễn ra trong quý đầu tiên của năm 2025, mức tăng 15,2% so với quý I/2024, đạt 123,69 triệu USD.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu gạch lát nền bằng thủy tinh (HS 7016) có mức tăng trưởng cao trong quý I/2025, tăng tới 186% so với cùng kỳ năm trước.

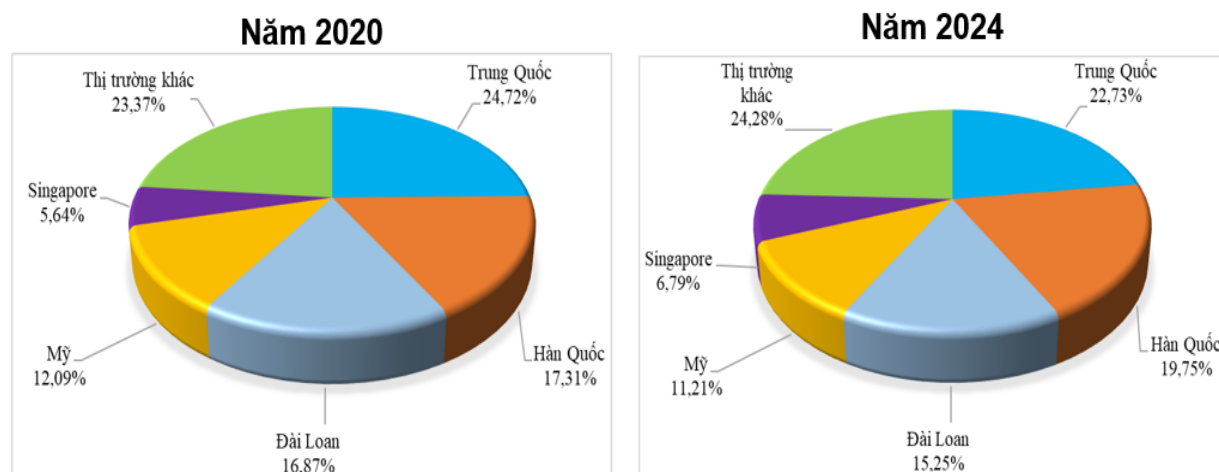
Về cơ cấu thị trường xuất khẩu

Trong giai đoạn 2020 - 2024, Nhật Bản xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh sang 170 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các thị trường xuất khẩu truyền thống thủy tinh và sản

phẩm thủy tinh của Nhật Bản gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, thị trường Đài Loan, Mỹ, Singapore, Thái Lan, Đức, thị trường Hồng Kông, Việt Nam, Malaysia, Ấn Độ, Anh...

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản

(% tỷ trọng tính theo kim ngạch)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Giai đoạn 2020 - 2024, Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu thủy tinh lớn nhất của Nhật Bản. Tuy nhiên, xuất khẩu sang Trung Quốc có xu hướng giảm đều qua các năm, từ mức 735,69 triệu USD năm 2020, xuống còn 649,74 triệu USD năm 2024, tương ứng mức giảm bình quân 3,1%/năm trong giai đoạn 2020-2024. Bước sang quý I/2025 xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh của Nhật Bản sang Trung Quốc tăng trở lại, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2024.

Ngược lại, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh của Nhật Bản sang Hàn Quốc lại tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2020 - 2024, tăng từ 515,14 triệu USD năm 2020, lên 564,58 triệu USD vào năm 2024, tăng trưởng bình quân 2,3%/năm. Đáng chú ý, trong quý I/2025, xuất khẩu sang Hàn Quốc tăng mạnh 27,8% so với cùng kỳ năm trước, khẳng định xu hướng tăng khá tích cực.

Trong khi, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh của Nhật Bản sang thị trường Đài Loan giảm trung bình 3,5%/năm trong giai đoạn 2020 - 2024. Tuy nhiên, quý I/2025 xuất khẩu sang thị trường này có tín hiệu hồi với mức tăng 30,5% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh của Nhật Bản sang Mỹ cũng giảm 2,9%/năm và tiếp tục giảm nhẹ 0,5% trong quý I/2025.

Việt Nam là thị trường xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn thứ 9 của Nhật Bản trong giai đoạn 2020 - 2024, tốc độ xuất khẩu sang Việt Nam tăng trưởng bình quân 4,1%/năm, từ mức 68,64 triệu USD năm 2020, lên mức 80,5 triệu USD năm 2024. Tuy nhiên, trong quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản sang Việt Nam lại giảm 7,3% so với quý I/2024, đạt 14,8 triệu USD.

20 thị trường xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn nhất của Nhật Bản
giai đoạn 2020 - 2024 và quý I/2025

(ĐVT: Triệu USD)

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2024 (%)	Quý I/2025	So với quý I/2024 (%)
Tổng	2.976	3.206	2.929	2.634	2.858	-1,0	722,46	16,1
Trung Quốc	735,69	697,82	676,57	559,87	649,74	-3,1	154,36	9,3
Hàn Quốc	515,15	561,26	494,71	473,46	564,59	2,3	156,14	27,8
Đài Loan	502,09	497,72	467,18	408,80	435,78	-3,5	119,48	30,5
Mỹ	359,70	366,97	370,71	304,85	320,35	-2,9	71,10	-0,5
Singapore	167,76	187,76	149,38	160,12	194,05	3,7	59,62	68,8
Thái Lan	87,85	116,03	102,58	108,08	102,30	3,9	23,99	7,9
Đức	89,27	91,69	103,80	96,23	94,98	1,6	23,06	-5,6
Hồng Kông	94,38	169,88	102,59	94,53	90,17	-1,1	15,65	-24
Việt Nam	68,65	78,90	72,40	65,18	80,51	4,1	14,81	-7,3
Malaysia	89,12	80,87	73,56	73,62	69,31	-6,1	17,56	2,8
Ấn Độ	23,29	45,14	61,75	58,35	41,43	15,5	16,92	150,2
Anh	24,63	31,68	22,50	21,87	27,19	2,5	6,47	5,2
Pháp	12,29	16,47	19,64	24,57	22,20	15,9	3,58	-44,3
Philippines	18,22	29,88	24,75	19,76	19,38	1,5	4,23	-0,6
Bỉ	31,84	38,32	27,07	22,30	18,54	-12,7	4,34	-14
Hà Lan	15,71	19,58	14,72	15,89	15,18	-0,8	3,62	-12,4
Indonesia	9,09	11,87	12,48	14,25	11,39	5,8	3,33	16,2
UAE	9,83	11,42	9,44	8,94	9,33	-1,3	2,50	52,3
Mexico	5,82	7,91	6,76	7,86	9,04	11,6	2,59	20,8
Canada	7,18	6,10	5,53	6,26	7,45	0,9	1,51	1,3

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế ITC

Triển vọng xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Nhật Bản và bài học kinh nghiệm

Ngành thủy tinh Nhật Bản hiện đang chiếm ưu thế trong các sản phẩm thủy tinh công nghệ cao như kính điện tử, kính quang học, kính xe ô tô cao cấp, quang học và kính cho thiết bị y tế. Xuất khẩu các sản phẩm này dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, đặc biệt khi nhu cầu về công nghệ màn hình cao cấp, xe điện, và thiết bị y tế hiện đại ngày càng tăng trên toàn cầu. Nhật Bản tập trung phát triển thị trường xuất khẩu vào các quốc gia phát triển như Mỹ, EU, Hàn Quốc..., nơi nhu cầu về thủy tinh công nghệ cao và các giải pháp kính tiết kiệm năng lượng tăng

nhANH. Đồng thời, Nhật Bản đang khai thác các thị trường mới nổi tại Ấn Độ và các nước ASEAN để mở rộng sản lượng xuất khẩu, đặc biệt trong phân khúc kính xây dựng và kính ô tô.

Việc ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến như kính siêu mỏng, kính cách nhiệt, kính điện sắc và kính tích hợp cảm biến đã giúp Nhật Bản tạo ra lợi thế cạnh tranh lớn trên thị trường quốc tế. Sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng cao giúp tăng cường hiệu quả kinh tế và khả năng bền vững trong dài hạn.

Một trong những chìa khóa thành công của ngành thủy tinh Nhật Bản là sự tập trung mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển (R&D). Công nghệ tiên tiến đã giúp Nhật Bản tạo ra các sản phẩm thủy tinh với tính năng vượt trội, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng quốc tế.

Thay vì cạnh tranh về giá thấp, Nhật Bản chọn hướng phát triển sản phẩm thủy tinh công nghệ cao, có tính năng đặc biệt và thân thiện môi trường. Điều này giúp tạo ra thị trường ngách với ít đối thủ cạnh tranh, đồng thời gia tăng lợi nhuận xuất khẩu.

Nhật Bản đã tận dụng các nguồn lực từ chuỗi cung ứng toàn cầu và dịch chuyển một phần sản xuất sang các nước có chi phí thấp hơn trong khu vực Đông Nam Á để giảm chi phí, đồng thời giữ lại phần lõi công nghệ cao trong nước. Điều này giúp

tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm xuất khẩu.

Việc chủ động thích ứng với các tiêu chuẩn môi trường, tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng và xu hướng phát triển năng lượng tái tạo đã giúp ngành thủy tinh Nhật Bản duy trì vị thế và đáp ứng yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt của thị trường toàn cầu.

Ngành thủy tinh Nhật Bản có triển vọng xuất khẩu rất khả quan, nhất là trong các phân khúc sản phẩm công nghệ cao, thân thiện môi trường và phục vụ các ngành công nghiệp hiện đại. Bài học từ Nhật Bản cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam, là cần tập trung vào đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm giá trị cao, tận dụng chuỗi cung ứng toàn cầu và thích ứng nhanh với xu hướng thị trường để nâng cao năng lực cạnh tranh và bền vững trong dài hạn.



Trung Quốc duy trì vị trí hàng đầu trong chuỗi CUNG ỨNG THỦY TINH TOÀN CẦU, cả về sản xuất lẫn xuất khẩu



Ngành sản xuất sản phẩm thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh tại Trung Quốc đã đạt được tốc độ tăng trưởng ấn tượng trong giai đoạn 2020 - 2025, với mức tăng trưởng hàng năm khoảng 4,4%. Sự tăng trưởng này cho thấy ngành công nghiệp thủy tinh đang phát triển mạnh mẽ và đóng góp quan trọng vào nền kinh tế Trung Quốc.

Sự tăng trưởng liên tục của nhu cầu từ các ngành công nghiệp hạ nguồn (như thực phẩm và đồ uống, dược phẩm, xây dựng, ô tô, điện tử,...) đối với các sản phẩm thủy tinh là yếu tố chính thúc đẩy tăng trưởng doanh thu của ngành. Các ngành công

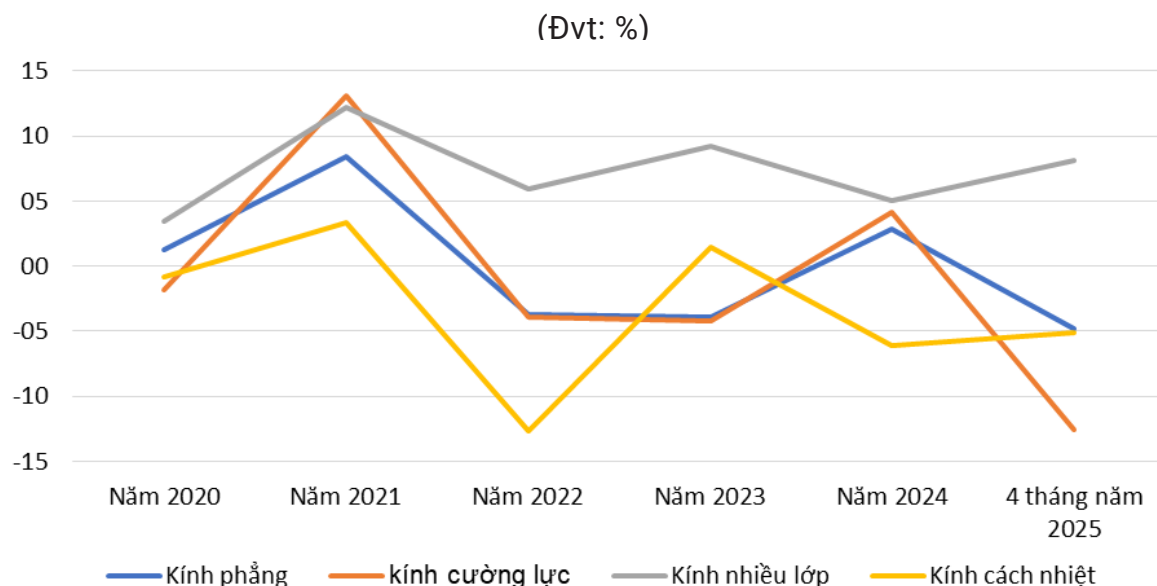
ngiệp hạ nguồn này sử dụng sản phẩm thủy tinh cho nhiều mục đích khác nhau, từ đóng gói, bảo quản, vận chuyển đến xây dựng, trang trí và sản xuất các thiết bị điện tử.

Theo dữ liệu từ Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc, sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc biến động đáng kể trong giai đoạn 2020-2024, trong đó, sản xuất kính nhiều lớp tăng trưởng mạnh nhất, tăng bình quân 5,0%/năm; sản xuất kính phẳng tăng 2,9%/năm; sản xuất kính cường lực tăng 4,2%/năm. Trái lại, sản xuất kính cách nhiệt của Trung Quốc giảm 6,1%/năm.

Trong 4 tháng đầu năm 2025, sản xuất các nhóm thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc biến động trái chiều so với cùng kỳ năm 2024, trong đó, chỉ có

sản xuất kính nhiều lớp tăng trưởng 8,1%, còn sản xuất kính cường lực giảm mạnh nhất 12,6%; sản xuất kính cách nhiệt giảm 5,1% và kính phẳng giảm 4,8%...

Tăng trưởng hàng năm trong sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc giai đoạn 2020-2024 và 4 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Cục thống kê Quốc gia Trung Quốc

Ngành sản xuất sản phẩm thủy tinh tại Trung Quốc đang trải qua một sự chuyển đổi sâu sắc, từ phương thức sản xuất thủ công, truyền thống sang sản xuất cơ giới hóa và thông minh, đưa Trung Quốc trở thành một trong những cơ sở sản xuất thủy tinh lớn nhất thế giới. Sự thay đổi này không chỉ đơn thuần là việc thay thế lao động bằng máy móc, mà còn là một cuộc cách mạng toàn diện trong quy trình sản xuất, quản lý và thiết kế sản phẩm, cụ thể:

Cơ giới hóa sản xuất: Để thay thế lao động thủ công, các nhà máy sản xuất thủy tinh Trung Quốc ngày càng áp dụng các dây chuyền sản xuất tự động hóa, robot công nghiệp và các thiết bị cơ giới hóa khác vào các công đoạn sản xuất. Cơ giới hóa giúp tăng tốc độ sản xuất, giảm thiểu sai sót và nâng cao năng suất tổng thể, cho phép các dây chuyền sản xuất hiện đại hoạt động liên tục 24/7, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường. Bên cạnh

đó, việc tự động hóa các công đoạn nặng nhọc, nguy hiểm giúp cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, giảm thiểu tai nạn lao động và các bệnh nghề nghiệp

Sản xuất thông minh: Các nhà máy thủy tinh Trung Quốc đang tích cực ứng dụng các công nghệ thông tin như Internet of Things (IoT), Big Data, Cloud Computing và Artificial Intelligence (AI) vào quản lý và điều hành sản xuất. Hệ thống IoT cho phép giám sát và điều khiển từ xa các thiết bị sản xuất, thu thập dữ liệu về hiệu suất, chất lượng và tiêu thụ năng lượng. Dữ liệu này được phân tích bằng các công cụ Big Data để tối ưu hóa quy trình sản xuất, dự đoán và ngăn ngừa sự cố. Các phần mềm quản lý doanh nghiệp (ERP) và hệ thống quản lý chuỗi cung ứng (SCM) giúp tự động hóa các quy trình quản lý, từ mua sắm nguyên vật liệu, quản lý kho hàng đến bán hàng và phân phối sản phẩm. Công nghệ AI còn được sử dụng để thiết kế các

sản phẩm thủy tinh mới với hình dáng, kích thước và tính năng tối ưu, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Việc chuyển đổi sang sản xuất cơ giới hóa và thông minh mang lại nhiều lợi ích thiết thực, giúp các nhà máy thủy tinh Trung Quốc nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Chất lượng sản phẩm được cải thiện đáng kể, chi phí sản xuất giảm, đồng thời khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường trở nên linh hoạt hơn. Hơn nữa, sản xuất thông minh mở ra cơ hội để các nhà máy sản xuất các sản phẩm thủy tinh có giá trị gia tăng cao hơn, đáp ứng yêu cầu khắt khe của các thị trường như hàng không vũ trụ, thiết bị y tế và linh kiện quang học. Ứng dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu chất thải cũng giúp các nhà máy thủy tinh giảm tác động đến môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi sang sản xuất cơ giới hóa và thông minh đặt ra những thách thức không nhỏ cho các nhà

máy thủy tinh tại Trung Quốc. Để thực hiện chuyển đổi này, đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư đáng kể vào máy móc, thiết bị hiện đại và công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, việc vận hành và bảo trì các hệ thống sản xuất tiên tiến này đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, bao gồm đội ngũ kỹ sư và công nhân lành nghề với trình độ chuyên môn sâu. Cuối cùng, việc thu thập và phân tích dữ liệu sản xuất đặt ra yêu cầu về các biện pháp bảo mật dữ liệu hiệu quả, nhằm ngăn ngừa rủi ro bị tấn công mạng và đánh cắp thông tin.

Nhìn chung, quá trình chuyển đổi từ sản xuất thủ công sang sản xuất cơ giới hóa và thông minh đang mang lại những thay đổi to lớn cho ngành sản xuất sản phẩm thủy tinh tại Trung Quốc. Mặc dù còn nhiều thách thức, nhưng với sự đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và nguồn nhân lực, Trung Quốc đang dần khẳng định vị thế là một cường quốc sản xuất, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh hàng đầu thế giới.

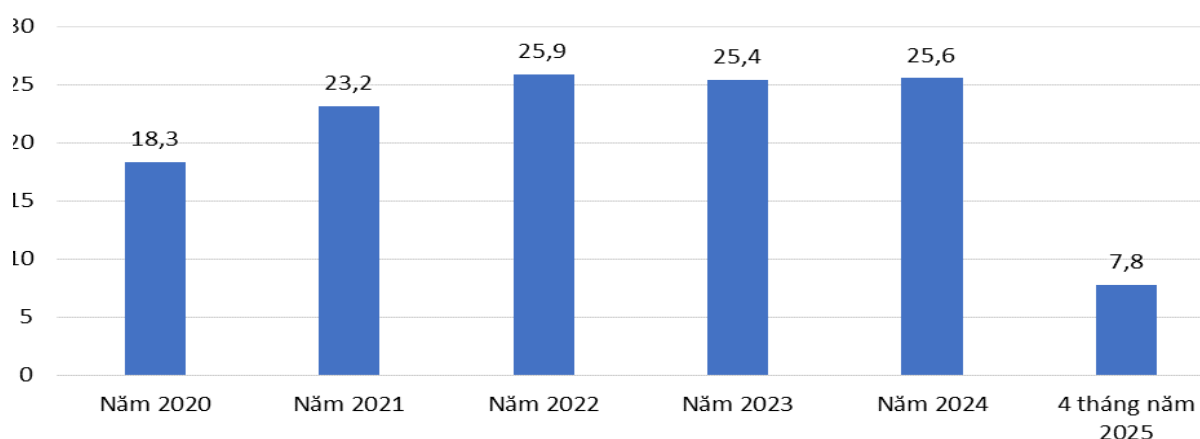
4 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc giảm

Theo dữ liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, giai đoạn 2020-2024, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc đã tăng trưởng liên tiếp trong những năm gần đây, dao động trong khoảng 18,3-25,5 tỷ USD/năm, có tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 8,6%/

năm và đạt mức cao nhất là 25,8 tỷ USD năm 2022.

Tính riêng trong 4 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc đạt 7,8 tỷ USD, giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2024.

Trị giá xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc năm 2020-2024 và 4 tháng đầu năm 2025 (Đvt: tỷ USD)



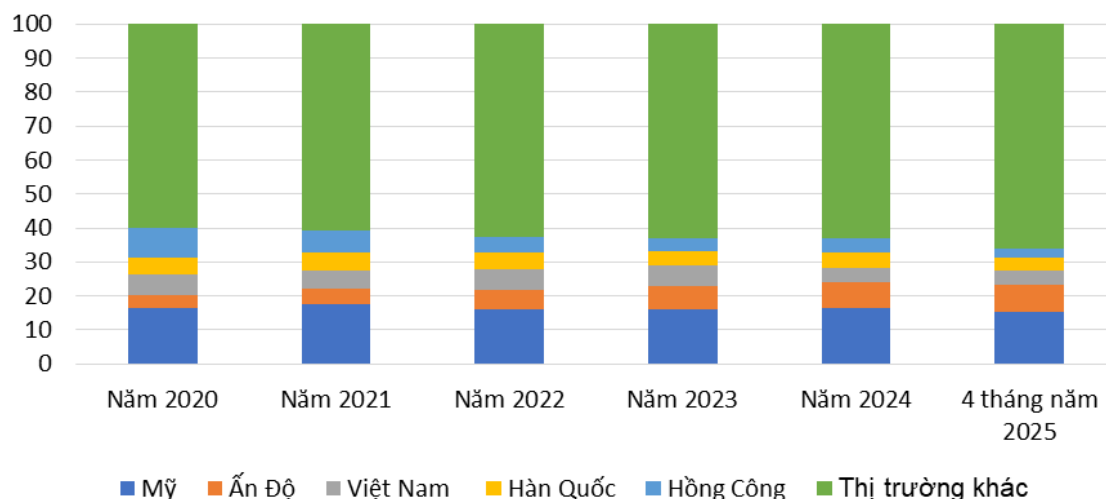
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

► NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Trong giai đoạn từ 2020 – 2024, Mỹ là thị trường xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn nhất của Trung Quốc, chiếm 15,5-16,3% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp theo là Ấn Độ và Việt Nam

với tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ tăng từ mức 4,0% năm 2020 lên 7,8% năm 2024; còn tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Việt Nam lại giảm từ mức 6,1% xuống 4%.

Tỷ trọng xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc sang các thị trường giai đoạn 2020-2024 và 4 tháng đầu năm 2025 (Đvt: %)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trong giai đoạn 2020-2024, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 8,6%/năm. Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) xuất khẩu sang một số thị trường tăng mạnh ở mức hai con số là Ấn Độ tăng 26,9%/năm; UAE tăng 23,9%/năm; Ả rập Xê út tăng 16,6%/năm; Mêhicô tăng 19,7%/năm; Braxin tăng 17,6%/năm; Indonesia tăng 18,6%/năm... Trong khi xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông giảm 9%/năm trong giai đoạn 2020-2024.

Tính riêng 4 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2024. Hầu hết, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang các thị trường lớn đều giảm từ một đến hai con số so với cùng kỳ năm 2024, chỉ có xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ tăng. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường lớn nhất là Mỹ giảm 9,2%, đạt 1,2 tỷ USD. Ngoài ra, xuất khẩu sang các thị trường lớn khác là Việt Nam, Hàn Quốc, Hồng Kông đều giảm ở mức hai con số so với cùng kỳ năm 2024.

Thị trường xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Trung Quốc giai đoạn 2020-2024 và 4 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Năm 2020 (triệu USD)	Năm 2024 (triệu USD)	Tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2020-2024 (%)	4 tháng đầu năm 2025 (triệu USD)	So với 4 tháng năm 2024 (%)
Tổng	18.340.507	25.547.611	8,6	7.763.083	-7,9
Mỹ	2.987.064	4.204.257	8,9	1.200.202	-9,2
Ấn Độ	731.846	1.900.739	26,9	608.748	6,7
Việt Nam	1.111.677	1.147.928	0,8	308.519	-36,6
Hàn Quốc	885.183	1.126.070	6,2	310.004	-18,3

► NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Thị trường	Năm 2020 (triệu USD)	Năm 2024 (triệu USD)	Tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2020-2024 (%)	4 tháng đầu năm 2025 (triệu USD)	So với 4 tháng năm 2024 (%)
Hồng Kông	1.602.622	1.100.618	-9,0	208.982	-50,4
UAE	342.375	805.797	23,9	237.048	-9,4
Nhật Bản	686.614	778.460	3,2	247.497	-5,0
Thái Lan	474.958	668.690	8,9	230.506	-7,9
Đức	523.093	665.276	6,2	207.603	-1,9
Arập Xêút	314.574	580.994	16,6	177.032	-1,8
Anh	496.367	569.621	3,5	167.235	-5,7
Mêhicô	267.999	550.729	19,7	142.078	-21,7
Malaysia	424.869	529.979	5,7	165.093	-17,8
Australia	460.980	505.971	2,4	154.197	-5,2
Braxin	262.513	502.591	17,6	149.789	-3,9
Canada	479.779	495.597	0,8	163.992	-0,3
Indonesia	246.370	486.787	18,6	176.864	11,3
Nga	284.971	448.477	12,0	131.313	-7,5
Thổ Nhĩ Kỳ	247.960	398.674	12,6	150.701	14,3
Hà Lan	232.159	362.432	11,8	122.983	14,9
Pháp	230.738	359.626	11,7	102.921	3,3
Singapore	270.314	352.754	6,9	117.201	-15,9
Đài Loan	250.062	344.780	8,4	107.441	-8,0
Tây Ban Nha	186.763	342.172	16,3	108.129	-4,4
Philippin	287.685	338.660	4,2	120.108	4,2
Ba Lan	167.230	321.693	17,8	108.002	2,4
Kazakhstan	69.511	319.386	46,4	87.512	-23,2
Italy	193.778	317.846	13,2	99.197	-7,3
Pakixtan	127.239	174.976	8,3	58.514	6,0
Angiêri	84.683	174.271	19,8	38.870	-19,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc

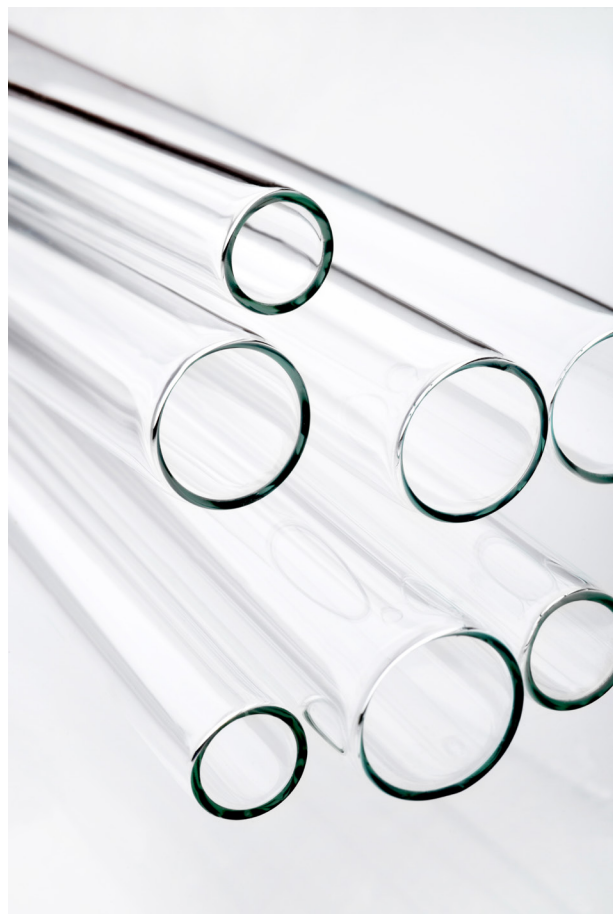
Trung Quốc duy trì vị trí hàng đầu trong chuỗi cung ứng thủy tinh và sản phẩm thủy tinh toàn cầu

Ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh Trung Quốc được đặc trưng sự đa dạng sản phẩm, phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Trong đó, sản phẩm thủy tinh đóng gói đóng vai trò quan trọng trong các ngành bao bì thực phẩm và đồ uống, chiếm ưu thế do khả năng tái chế và lợi thế bền vững, phù hợp với xu hướng toàn cầu hướng tới thân thiện với môi trường; Phân khúc kính phẳng, sản phẩm thường được sử dụng trong ngành xây dựng và

ô tô, cũng đóng góp đáng kể vào sự phát triển của thị trường, được thúc đẩy bởi quá trình đô thị hóa và phát triển cơ sở hạ tầng trên khắp Trung Quốc. Trong khi sản phẩm sợi thủy tinh thu hút sự chú ý trên thị trường vì đặc tính nhẹ và độ bền cao, hoàn hảo cho các ứng dụng trong ngành xây dựng, ô tô, điện.

Các yếu tố góp phần vào vị thế dẫn đầu của Trung Quốc trong chuỗi cung ứng thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh:

+ Nguồn lực và chi phí sản xuất cạnh tranh: Trung Quốc được thiên nhiên ưu đãi với nguồn tài nguyên dồi dào như cát, tro soda và đá vôi, những nguyên liệu thiết yếu cho ngành sản xuất thủy tinh. Lợi thế này cho phép các nhà sản xuất Trung Quốc tạo ra các sản phẩm thủy tinh chất lượng cao với chi phí sản xuất cạnh tranh, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của ngành.



+ Công nghệ tiên tiến và lực lượng lao động lành nghề: Ngành công nghiệp thủy tinh Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ sản xuất hiện đại, bao gồm các máy cắt laser chính xác, lò nung cán mỏng công nghệ cao và dây chuyền cách nhiệt tiên tiến. Cùng với đó, lực lượng lao

động lành nghề, được đào tạo bài bản đã góp phần đảm bảo chất lượng và độ tin cậy nhất quán của sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường toàn cầu.

+ Vị trí chiến lược và chuỗi cung ứng tích hợp: Vị trí địa lý chiến lược của Trung Quốc tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển và phân phối sản phẩm thủy tinh đến mọi nơi trên thế giới. Bên cạnh đó, chuỗi sản xuất và bán hàng tích hợp giúp giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh đáng kể cho các doanh nghiệp Trung Quốc.

+ Chính sách hỗ trợ và nhu cầu thị trường nội địa lớn: Chính phủ Trung Quốc luôn khuyến khích các doanh nghiệp và người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm thủy tinh, đặc biệt là các sản phẩm thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản đang phát triển mạnh mẽ và xu hướng xây dựng các tòa nhà tiết kiệm năng lượng đã tạo ra nhu cầu lớn về các loại kính chuyên dụng, thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành công nghiệp thủy tinh trong nước.

+ Ngành công nghiệp quang điện và khả năng tùy chỉnh linh hoạt: Vị thế dẫn đầu thế giới trong ngành công nghiệp quang điện đã tạo ra một thị trường rộng lớn cho các loại kính đặc biệt, mang lại cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp sản xuất thủy tinh Trung Quốc.

Ngoài ra, khả năng cung cấp các giải pháp tùy chỉnh linh hoạt, đáp ứng các yêu cầu thiết kế và hiệu suất cụ thể của khách hàng cũng là một yếu tố quan trọng giúp các doanh nghiệp Trung Quốc cạnh tranh thành công trên thị trường quốc tế.

Trong thời gian tới, ngành thủy tinh và sản phẩm thủy tinh Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ

Theo dự báo, thị trường thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh của Trung Quốc được dự báo sẽ tăng trưởng từ mức 40 tỷ USD vào năm 2024 lên 65 tỷ USD vào năm

2035, tăng trưởng bình quân 4,513%/năm trong giai đoạn này với các yếu tố thúc đẩy gồm:

+ Chuyển đổi công nghệ: Ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh Trung Quốc đang trải qua một sự thay đổi đáng kể theo hướng cơ giới hóa và quy trình sản xuất thông minh. Các công ty đang tích cực nâng cấp dây chuyền sản xuất và áp dụng tự động hóa, cùng với các kỹ thuật sản xuất tiên tiến, để thúc đẩy hiệu quả sản xuất nâng cao và chất lượng sản phẩm vượt trội. Sự chuyển đổi này nhấn mạnh một cam kết đối với sự đổi mới và hiện đại hóa trong ngành.



+ Chú trọng vào tính bền vững: Một xu hướng xác định trong ngành công nghiệp thủy tinh Trung Quốc là sự tập trung ngày càng tăng vào các sáng kiến xanh và phát thải carbon thấp.

Các nhà sản xuất đang thực hiện các khoản đầu tư chiến lược vào các quy trình sản xuất bền vững và khám phá các giải pháp thay thế năng lượng tái tạo. Cam kết này làm nổi bật nhận thức ngày càng tăng về trách nhiệm môi trường và một cách tiếp cận chủ động đối với việc giảm thiểu tác động sinh thái của ngành.

+ Mở rộng sự hiện diện quốc tế & Nhu cầu kính hiệu suất cao: Các doanh nghiệp thủy

tinh Trung Quốc đang tích cực mở rộng sự hiện diện quốc tế của mình để phục vụ nhu cầu nội địa và mở rộng phạm vi tiếp cận thông qua xuất khẩu. Đồng thời, có một nhu cầu ngày càng tăng đối với kính hiệu suất cao trên các lĩnh vực đa dạng như xây dựng, ô tô và điện tử. Sự gia tăng nhu cầu này được thúc đẩy bởi xu hướng đô thị hóa nhanh chóng và nhu cầu ngày càng tăng đối với vật liệu xây dựng bền vững và tiết kiệm năng lượng.

Tuy nhiên, ngành công nghiệp thủy tinh Trung Quốc cũng phải đối mặt với những thách thức khi thị trường thủy tinh toàn cầu đang trải qua những biến động do nhu cầu yếu và tình trạng dư thừa công suất, dẫn đến mức tồn kho cao và giảm giá. Ngành công nghiệp thủy tinh Trung Quốc cũng phụ thuộc nhiều vào thị trường bất động sản, vốn đang chịu áp lực, ảnh hưởng đến nhu cầu về sản phẩm từ kính. Hơn nữa, các nhà sản xuất đang phải đối mặt với chi phí ngày càng tăng liên quan đến khí đốt tự nhiên, nguyên liệu thô và việc tuân thủ các quy định về môi trường.

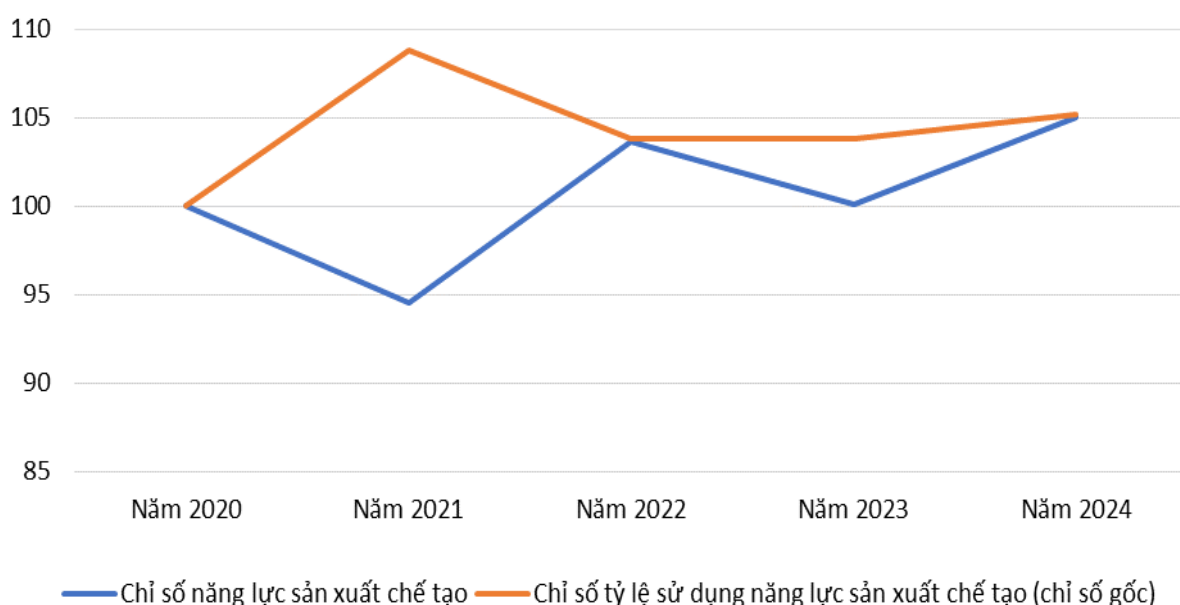
Mặc dù, ngành sản xuất thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh của Việt Nam còn rất khiêm tốn so với thị trường Trung Quốc nhưng ngành này của Việt Nam cũng sở hữu nhiều lợi thế cạnh tranh đáng kể. Việt Nam được đánh giá là thị trường tiềm năng cho ngành sản xuất bao bì thủy tinh nhờ nguồn lao động dồi dào, nguyên liệu phong phú và thị trường năng động. Ngành sản xuất thủy tinh Việt Nam đã và đang hội nhập quốc tế sâu rộng, thu hút đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ tiên tiến, thể hiện qua việc các doanh nghiệp đã đầu tư vào dây chuyền sản xuất hiện đại, tự động hóa cao. Sản phẩm thủy tinh ngày càng đa dạng, từ thủy tinh xây dựng, chai lọ, cốc chén đến các sản phẩm nghệ thuật, trang trí, thủy tinh kỹ thuật và công nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số, ngành công nghiệp thủy tinh Việt Nam đang tái cơ cấu theo hướng phát triển xanh, bền vững.

HÀN QUỐC NHẬP SIÊU THỦY TINH VÀ SẢN PHẨM THỦY TINH, MẶC DÙ LÀ QUỐC GIA CÓ NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN

Hàn Quốc là một trong những quốc gia châu Á có ngành công nghiệp sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh phát triển, với năng lực sản xuất hiện đại, công nghệ tiên tiến và chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế. Ngành sản xuất thủy tinh của Hàn Quốc bao gồm nhiều phân ngành như: thủy tinh xây dựng, thủy tinh gia dụng, thủy tinh kỹ thuật, thủy tinh quang học và thủy tinh dùng trong điện tử - công nghệ cao. Hàn Quốc sở hữu các doanh nghiệp lớn trong ngành như KCC Glass, Hankuk Glass Industries (HanGlas), LG Hausys và nhiều công ty nhỏ và vừa khác. Các doanh nghiệp

này áp dụng dây chuyền sản xuất hiện đại, tự động hóa cao, thân thiện với môi trường và tập trung vào năng suất cũng như chất lượng. Nhờ đó, ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Hàn Quốc đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong những năm gần đây. Số liệu thống kê của Cơ quan thống kê Hàn Quốc cho thấy, trong giai đoạn 2020 – 2024, năng lực sản xuất của ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh Hàn Quốc có xu hướng cải thiện và tỷ lệ sử dụng năng lực sản xuất thường cao hơn so với chỉ số năng lực cho thấy sự phát triển của ngành.

Chỉ số năng lực sản xuất và tỷ lệ sử dụng năng lực sản xuất của Hàn Quốc đối với ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh



Nguồn: Cơ quan thông kê Hàn Quốc

Năm cơ sở là 2020 – chỉ số 100

Các sản phẩm chính của ngành thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Hàn Quốc gồm:

+ Kính xây dựng: kính nổi, kính cường lực, kính phản quang, kính cách nhiệt, kính nhiều lớp,... được sử dụng rộng rãi trong xây dựng dân dụng và công nghiệp.

+ Thủy tinh gia dụng: chén, bát, ly, bình,... với thiết kế đa dạng, mẫu mã đẹp và an toàn cho sức khỏe.

+ Thủy tinh kỹ thuật và quang học: được sử dụng trong các ngành công nghiệp điện tử, viễn thông, ô tô, năng lượng mặt trời,...

+ Sản phẩm đặc biệt: gương, ống thủy tinh, sợi thủy tinh, vật liệu cách điện,...

Với ngành công nghiệp thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh ngày càng phát triển, tuy nhiên đại dịch Covid-19 và những bất

ổn của kinh tế thế giới những năm vừa qua có tác động đáng kể đến hoạt động xuất khẩu nhóm sản phẩm này của Hàn Quốc. Theo số liệu thống kê của ITC, năm 2024, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Hàn Quốc đạt 2,05 tỷ USD, tăng 8% so với năm 2023, sau khi giảm 8,2% trong năm 2023 và 6% trong năm 2022. Tính chung cả giai đoạn 2020 – 2024, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Hàn Quốc chỉ tăng trưởng bình quân 1,2%. Quý I/2025, kim ngạch xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Hàn Quốc giảm trở lại, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm trước, đạt 494,3 triệu USD.

Trong đó, Hàn Quốc chủ yếu xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh sang thị trường Trung Quốc với tỷ trọng 3 tháng đầu năm 2025 chiếm 53,6%. Các thị trường xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn tiếp theo của Hàn Quốc trong 3 tháng đầu năm 2025 gồm Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Việt Nam...

15 thị trường xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn nhất của Hàn Quốc giai đoạn 2020 – 2024

(ĐVT: Nghìn USD)

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2024 (%)
Tổng	1.979.276	2.196.190	2.064.940	1.895.870	2.047.625	1,2
Trung Quốc	644.441	854.955	936.613	919.873	1.038.066	13,3
Mỹ	173.564	18.333	225.079	200.963	245.916	262,5
Hồng Kông	454.056	381.173	257.434	21.767	153.427	116,2
Nhật Bản	18.106	196.072	164.934	143.934	148.834	239,4
Đài Loan	214.377	222.338	144.912	93.071	121.377	-9,1
Việt Nam	139.311	158.874	129.822	124.326	84.461	-10,1
Malaysia	16.205	17.968	12.211	13.131	31.404	31,4
Singapore	10.937	12.763	15.946	17.359	23.292	21,2
Ba Lan	6.164	9.079	15.851	18.367	18.677	34,9
Đức	15.423	22.605	21.606	16.766	18.368	7,3
Mêhicô	4.004	7.191	9.714	8.249	16.137	48,8
Australia	13.941	12.879	16.157	14.771	14.807	2,4
Ấn Độ	1.632	14.556	15.432	12.761	14.511	198,6
Indonesia	8.237	5.830	7.624	8.294	13.783	19,1
Hà Lan	1.618	3.022	6.989	12.203	11.158	71,0

Nguồn: ITC

15 thị trường xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn nhất của Hàn Quốc trong 3 tháng đầu năm 2025

(ĐVT: Nghìn USD)

Thị trường	3 tháng đầu năm 2025	So với 3 tháng đầu năm 2024 (%)	Tỷ trọng 3 tháng đầu năm 2025 (%)
Tổng	482.603	-2,4	100,0
Trung Quốc	258.838	12,4	53,6
Mỹ	55.003	-7,8	11,4
Hồng Kông	21.564	-66,0	4,5
Nhật Bản	35.244	-0,4	7,3
Đài Loan	26.377	19,1	5,5
Việt Nam	1.773	-92,9	0,4
Malaysia	13.807	213,9	2,9
Singapore	5.299	7,2	1,1
Ba Lan	3.172	-41,5	0,7
Đức	3.224	-38,5	0,7
Mêhicô	5.774	125,6	1,2
Úc	2.744	-31,9	0,6
Ấn Độ	3.521	2,6	0,7
Indonesia	2.242	-31,8	0,5
Hà Lan	2.457	-34,1	0,5

Nguồn: ITC

Hàn Quốc nhập siêu thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh

Mặc dù là quốc gia sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh, Hàn Quốc vẫn nhập khẩu mặt hàng này với kim ngạch trên 2 tỷ USD mỗi năm.

Theo số liệu từ ITC, kim ngạch nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Hàn Quốc tăng liên tục trong các năm 2021, 2022 và 2024. Tuy nhiên, đà tăng đã chững lại trong năm 2022 và 2023. Tính chung trong giai đoạn 2020- 2024, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Hàn Quốc đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 2,9%/năm. Trong 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Hàn Quốc đạt 625,01 triệu USD, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Hàn Quốc nhập khẩu thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh từ nhiều quốc gia và vùng

lãnh thổ, trong đó Trung Quốc và Nhật Bản là hai thị trường cung cấp chủ yếu, chiếm khoảng 63–67% tổng trị giá nhập khẩu mặt hàng này trong giai đoạn 2020–2024.

Đáng chú ý, thị phần của Trung Quốc tại thị trường Hàn Quốc liên tục tăng trong giai đoạn 2020–2023, từ 42% năm 2020 lên 45% trong năm 2022 và 2023. Tuy nhiên, sang năm 2024, thị phần này đã giảm xuống còn 43,3% và tiếp tục giảm còn 42,3% trong 3 tháng đầu năm 2025.

Ngược lại, thị phần của Nhật Bản giảm mạnh từ 25,8% năm 2020 xuống 18,6% vào năm 2022, nhưng đã phục hồi trở lại, đạt 22,4% trong năm 2024 và tăng lên 25,2% trong 3 tháng đầu năm 2025.

Việt Nam hiện là nguồn cung thủy tinh và sản phẩm thủy tinh đứng thứ 12 cho Hàn Quốc, với thị phần ổn định khoảng 0,7% mỗi năm. Năm 2023, thị phần của Việt Nam giảm xuống còn 0,6% – mức thấp nhất trong giai đoạn 2020–2023 – nhưng đã phục hồi, đạt 0,8% trong 3 tháng đầu năm 2025.

Trong 3 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Hàn Quốc từ nhiều thị trường giảm, nhưng một số thị trường ghi nhận mức tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm 2024 như: Nhật Bản tăng 16,2%, Mỹ tăng 12,8%, Việt Nam tăng 25,5% và Ấn Độ tăng 17,7%.

15 thị trường cung cấp thủy tinh và sản phẩm thủy tinh lớn nhất cho Hàn Quốc giai đoạn 2020-2024 và 3 tháng đầu năm 2025

(Đvt: nghìn USD)

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng BQ 2020-2024 (%)	3 tháng đầu năm 2025	So với 3 tháng đầu năm 2024 (%)
Tổng	2.322.418	2.905.709	2.866.669	2.523.578	2.604.263	2,9%	625.016	0,6
Trung Quốc	975.043	1.296.943	1.289.019	1.136.854	1.128.252	3,7%	264.680	1,7
Nhật Bản	600.130	623.642	534.221	482.346	582.342	-0,7%	157.553	16,2
Singapore	63.797	134.546	122.039	117.253	202.180	33,4%	34.408	-23,5
Mỹ	181.632	197.582	210.944	203.067	186.546	0,7%	36.861	12,8
Malaysia	129.447	204.101	243.419	159.471	116.413	-2,6%	27.392	-49,1
Đức	95.708	101.851	125.140	112.125	102.020	1,6%	25.335	0,9
Italia	47.566	54.315	58.727	65.500	53.296	2,9%	16.932	22,7
Đài Loan	64.497	78.130	56.740	47.278	52.304	-5,1%	18.036	70,8
Thái Lan	27.830	32.081	37.724	38.671	29.826	1,7%	9.752	18,0
Pháp	19.096	43.733	42.060	33.194	23.503	5,3%	6.668	9,9
Indonesia	14.341	19.077	21.280	22.555	20.498	9,3%	3.575	-34,1
Việt Nam	12.405	22.247	24.661	15.566	20.320	13,1%	5.098	25,5
Anh	13.338	15.394	21.848	18.143	17.707	7,3%	2.486	-60,0
Áo	12.023	9.112	10.201	10.895	11.611	-0,9%	2.506	15,3
Mêhicô	5.603	6.913	6.156	9.148	9.332	13,6%	2.532	18,8

Nguồn: ITC

Về chủng loại nhập khẩu:

Trong tổng kim ngạch nhập khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh vào Hàn Quốc, sợi thủy tinh là chủng loại chiếm tỷ trọng lớn nhất, dao động khoảng 19–21%. Tiếp theo là các loại kính an toàn, kính cường lực, kính nhiều lớp,...

Đáng chú ý, trong khi nhập khẩu sợi thủy tinh của Hàn Quốc duy trì ổn định trong giai đoạn 2020–2024, thì nhập khẩu nhóm thủy tinh gương kính (HS 7007) ghi nhận mức giảm đáng kể. Tỷ trọng nhập khẩu nhóm này đã giảm từ 16% năm 2020

xuống 9% năm 2024 và tăng nhẹ lên 9,2% trong 3 tháng đầu năm 2025.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2020–2024, Hàn Quốc tăng cường nhập khẩu sợi thủy tinh với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 13,6%/năm. Ngoài ra, nhập khẩu các sản phẩm bằng thủy tinh khác tăng 3%/năm, các sản phẩm kính nổi, kính mài tăng 5,7%/năm...Ở chiều ngược lại nhập khẩu các loại kính an toàn, kính nhiều lớp giảm 1,4%/năm và chủng loại gương kính bao gồm cả gương chiếu hậu giảm 11%/năm.

**Chủng loại thủy tinh và sản phẩm thủy tinh nhập khẩu vào Hàn Quốc
giai đoạn 2020-2024 và 3 tháng đầu năm 2025**

(Đvt: nghìn USD)

Mã HS	Chủng Loại	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
	Tổng	2.322.418	2.905.709	.866.669	2.523.578	2.604.263	625.016
7006	Sợi thủy tinh, bao gồm bông thủy tinh và các sản phẩm từ chúng (trừ bông khoáng và các sản phẩm từ bông khoáng).	330.695	444.639	443.893	447.185	551.697	122.807
7020	Kính an toàn, đã tôi cường lực hoặc kính nhiều lớp (trừ loại kính cách nhiệt nhiều lớp).	264.044	304.026	306.315	251.726	249.903	58.042
7007	Gương kính, có hoặc không có khung, bao gồm cả gương chiếu hậu (trừ gương quang học).	372.350	441.507	400.904	312.768	233.646	57.315
7009	Kính nổi và kính mài bề mặt hoặc đánh bóng, dạng tấm, có hoặc không phủ lớp hấp thụ, phản chiếu hay chống phản chiếu.	149.546	185.739	184.969	202.735	186.752	51.163
7005	Kính dạng tấm kéo hoặc thổi, có hoặc không phủ lớp hấp thụ, phản chiếu hoặc chống phản chiếu.	215.180	291.325	310.680	217.397	167.614	41.713
7004	Đồ dùng bằng thủy tinh dùng cho bàn ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh, văn phòng, trang trí nội thất hoặc các mục đích tương tự	96.139	160.764	108.273	94.751	164.342	40.960
7013	Bình lớn, chai lọ, bình cầu, lọ, hũ, ống nhỏ và các loại bao bì khác bằng thủy tinh.	118.248	160.313	162.484	139.107	145.827	28.476
7010	Thủy tinh dạng viên, que hoặc ống, chưa gia công (trừ các vi cầu thủy tinh có đường kính ≤ 1 mm).	67.724	93.472	95.300	93.595	107.115	25.021
7002	Hạt thủy tinh. ngọc trai nhân tạo. đá quý hoặc bán quý nhân tạo và các sản phẩm tương tự bằng thủy tinh.	79.533	86.919	99.657	95.339	81.715	18.714
7018	Dụng cụ thủy tinh dùng trong phòng thí nghiệm. y tế hoặc dược phẩm	51.596	56.857	55.095	51.253	60.074	18.927
7017	Kính đúc và kính cán. dạng tấm hoặc định hình. có hoặc không phủ lớp hấp thụ. phản chiếu...	40.555	41.907	46.939	51.707	56.338	11.591
7003	Dụng cụ báo hiệu và bộ phận quang học bằng thủy tinh. chưa được gia công quang học (trừ các loại dùng cho đồng hồ...).	22.341	32.295	31.801	18.901	15.655	4.266

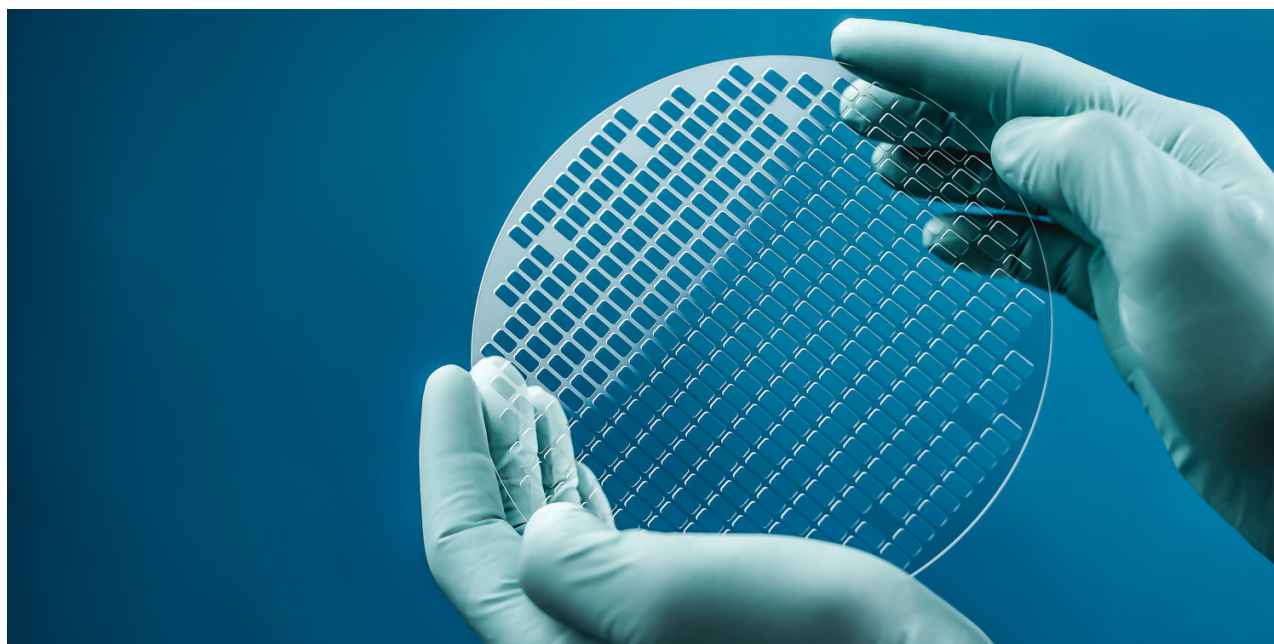
► NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Mã HS	Chủng Loại	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	3 tháng đầu năm 2025
7014	Đơn vị kính cách nhiệt nhiều lớp.	18.706	19.353	22.656	13.978	15.543	3.592
7008	Các khối lát, phiến, gạch và các sản phẩm khác từ thủy tinh ép hoặc đúc.	11.325	7.931	11.409	8.892	14.816	2.881
7016	Phế liệu và mảnh vụn thủy tinh	7.020	6.930	8.828	4.579	12.895	2.470
7001	Bao thủy tinh. bao gồm bóng đèn và ống	5.780	6.144	6.254	7.468	11.792	1.899
7011	Kính đồng hồ hoặc kính mắt và các loại kính tương tự	4.359	4.478	3.317	3.587	3.253	425
7015	Lõi thủy tinh cho bình giữ nhiệt hoặc các bình chân không khác	427	477	452	451	427	54
7019	Các sản phẩm bằng thủy tinh khác	466.850	560.632	567.442	508.157	524.860	134.699

Nguồn: ITC

Nhìn chung, nhu cầu đối với thủy tinh và sản phẩm thủy tinh tại Hàn Quốc dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, nhờ vào đà phát triển kinh tế, tiến bộ khoa học công nghệ và những xu hướng tiêu dùng mới. Đây là cơ hội thuận lợi cho các nhà xuất khẩu nước ngoài trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam. Để tận dụng tốt cơ hội, các nhà sản xuất và cung ứng cần chú trọng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới công nghệ và áp dụng các giải pháp sản xuất bền vững.

Việt Nam và Hàn Quốc đã ký nhiều FTA song phương và đa phương. Đây là yếu tố hỗ trợ cho thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh chất lượng, áp dụng công nghệ cao của Việt Nam tại thị trường này, nhất là trong lĩnh vực quỹ y tế và mỹ phẩm khi năng lượng nội địa đắt đỏ, Hàn Quốc có xu hướng nhập thủy tinh chế biến sẵn từ nước khác, thay vì sản xuất nội bộ tiêu tốn năng lượng cao, mở ra cơ hội cho nguồn cung bên ngoài. Việt Nam hiện xuất khẩu thủy tinh gia dụng, có tiềm năng khai thác triệt để thị trường Hàn Quốc.



Ngành sản xuất thủy tinh Malaysia dự báo sẽ TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH nhưng phân hóa theo phân khúc

Ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh ở Malaysia đóng vai trò hỗ trợ quan trọng cho nhiều ngành công nghiệp khác như: xây dựng, ô tô, bao bì thực phẩm - đồ uống, điện tử và thiết bị gia dụng. Malaysia hiện sản xuất nhiều loại sản phẩm từ thủy tinh như: Thủy tinh xây dựng gồm kính tấm (float glass), kính an toàn, kính cách nhiệt; bao bì thủy tinh gồm chai lọ dùng trong ngành thực phẩm, đồ uống, dược phẩm; sản phẩm gia dụng và trang trí gồm ly, cốc, bình, đồ trang trí nội thất; thủy tinh kỹ thuật dùng trong điện tử, thiết bị quang học và công nghiệp năng lượng mặt trời.

Malaysia có một số nhà máy sản xuất kính lớn như NSG Group (Nippon Sheet Glass), Xinyi Glass, AGC Glass Malaysia, đáp ứng được nhu cầu nội địa và xuất khẩu. Các nhà máy này tập trung chủ yếu ở các bang như Selangor, Johor, Kedah và Penang – nơi có hạ tầng công nghiệp phát triển.

Tuy vậy, ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu như cát silica chất lượng cao, soda ash (Na_2CO_3), dolomite.

Trong những năm gần đây, tình hình sản xuất ngành thủy tinh và sản phẩm thủy tinh có biến động đáng kể. Trong đó, sản xuất kính phẳng, kính màu hoặc kính có lớp phủ là lĩnh vực sản xuất chủ chốt của Malaysia. Tuy vậy, sản xuất các sản phẩm này đã chững lại trong 2 năm gần đây khi chỉ số sản xuất từ mức tăng 6,5% trong năm 2023, đã giảm 8,5% trong năm 2024 và giảm 7,6% trong quý 1/2025 so với cùng kỳ năm trước đó.

Ở chiều ngược lại, sản xuất các sản phẩm thủy tinh khác chưa được phân vào đầu của Malaysia đã tăng lên, từ mức giảm 5,2% trong năm 2023, đã tăng lên 22,9% trong năm 2024 và tiếp tục tăng trong quý 1/2025 so với cùng kỳ năm trước đó.

Nguyên nhân khiến sản xuất kính phẳng của Malaysia giảm trong những năm gần đây do các nguyên nhân chính như:

+ Nhu cầu trong nước suy yếu: Sự suy giảm trong ngành xây dựng, đặc biệt từ sau đại dịch, với số lượng dự án xây dựng mới giảm kéo theo nhu cầu sử dụng kính xây dựng (float glass, kính cách nhiệt, kính an toàn...) giảm. Tình trạng dư cung căn hộ, dự án treo và dòng vốn đầu tư chậm khiến nhu cầu kính xây dựng không tăng như kỳ vọng.

+ Ngành sản xuất nội địa gặp sự cạnh tranh gay gắt từ hàng nhập khẩu

Giá kính nhập khẩu rẻ từ Trung Quốc và Thái Lan khiến sản phẩm trong nước gặp khó khăn cạnh tranh về giá. Ngoài ra, các doanh nghiệp như Xinyi Glass (Trung Quốc) đã có nhà máy tại Malaysia nhưng chủ yếu để xuất khẩu sang nước thứ ba, làm cho sản lượng thực tế phục vụ nội địa giảm.

+ Chi phí đầu vào tăng cao

Giá năng lượng (điện và khí đốt) – yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong sản xuất kính – tăng mạnh trong giai đoạn 2022–2023. Ngoài ra, nguyên liệu chính như cát silica, soda ash, dolomite phần lớn phải nhập khẩu, làm tăng chi phí sản xuất và giảm lợi nhuận.

+ Chuyển hướng đầu tư sang kính giá trị cao
Nhiều nhà sản xuất trong nước và đầu tư FDI đang chuyển dịch sang sản phẩm kính công nghệ cao như: Kính năng lượng mặt

trời (solar glass), kính Low-E (tiết kiệm năng lượng), kính cách âm, cách nhiệt cao cấp. Do đó, sản lượng kính phẳng truyền thống bị cắt giảm để tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao hơn.

Chỉ số sản xuất thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh của Malaysia năm 2023-2024 và quý 1/2025

Lĩnh vực	Chỉ số/Tăng trưởng	Năm 2023	Năm 2024	Quý 1/2025
Sản xuất kính phẳng, bao gồm cả kính có dây, kính màu hoặc kính có lớp phủ	Chỉ số (điểm, năm cơ sở 2015)	131,1	120,0	110,3
	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)	6,5	-8,5	-7,6
Sản xuất các sản phẩm thủy tinh khác chưa được phân vào đâu	Chỉ số (năm cơ sở 2015)	97,9	120,4	109,1
	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)	-5,2	22,9	6,0

Nguồn: Cơ quan thống kê Malaysia

Trong thời gian tới, với những xu hướng mới của thị trường thủy tinh toàn cầu, ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia được đánh giá là tăng trưởng ổn định, nhưng phân hóa theo phân khúc, với nhiều cơ hội mở ra từ xu hướng công nghiệp, xây dựng xanh, năng lượng tái tạo và xuất khẩu.

Trong đó, nhiều yếu tố sẽ tác động đến tăng trưởng ngành sản xuất thủy tinh của Malaysia như: Chính sách hỗ trợ của Chính phủ Malaysia trong việc đẩy mạnh các dự án cơ sở hạ tầng công như MRT3, tuyến đường cao tốc, sân bay...; đẩy mạnh xây dựng xanh (green building) thông qua việc khuyến khích sử dụng kính tiết kiệm năng lượng, kính Low-E, kính phản xạ nhiệt...

Malaysia cũng định hướng phát triển năng lượng tái tạo và công nghệ. Trong đó có chính sách thúc đẩy điện mặt trời (Solar PV) làm tăng nhu cầu kính năng lượng mặt trời. Ngoài ra, Malaysia cũng đẩy mạnh phát triển ngành công nghệ cao (bán dẫn, điện tử) kéo theo nhu cầu thủy tinh kỹ thuật (để thủy tinh hoặc nền thủy tinh, kính trưng bày...).

Tại Malaysia, việc thay thế bao bì nhựa bằng bao bì thủy tinh trong ngành thực phẩm – đồ uống, dược phẩm cũng đang tăng nhanh. Cùng với đó, các thương hiệu quốc tế yêu cầu nhà cung cấp đáp ứng tiêu chuẩn ESG, mở ra cơ hội cho thủy tinh tái chế và bao bì bền vững của Malaysia.

Tình hình xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025

Malaysia là một trong những trung tâm sản xuất kính của ASEAN. Theo dữ liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia có nhiều biến động trong 5 năm gần đây, trong đó, xuất khẩu tăng liên tiếp trong giai đoạn 2020-2022 nhờ nhu cầu tăng mạnh từ các nước phát triển, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 19,5%/năm.

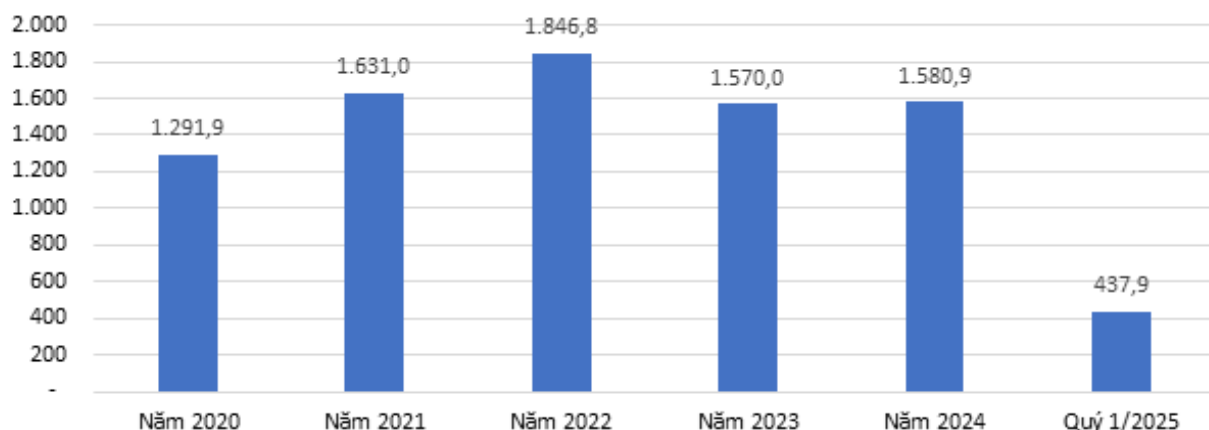
Tuy vậy, xuất khẩu mặt hàng này của Malaysia đã chậm lại trong năm 2023

và 2024 do một loạt yếu tố như kinh tế toàn cầu suy giảm, giá nguyên liệu tăng và nhu cầu xây dựng chậm lại ở nhiều thị trường xuất khẩu chính. Tính chung trong giai đoạn 2020-2024, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia tăng trưởng bình quân 5,2%/năm.

Trong quý 1/2025, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia đạt 437,8 triệu USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2024.

Trị giá xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025

(Đvt: triệu USD)



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Về thị trường:

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia trong giai đoạn 2020-2024 đã có sự chuyển dịch đáng kể. Trong đó, nếu như Hàn Quốc là thị trường xuất khẩu chủ yếu mặt hàng này của Malaysia trong giai đoạn 2020-2023, chiếm tỷ trọng từ 11-14% tổng trị giá xuất khẩu, thì năm 2024, tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường này giảm xuống còn 7,66% và tiếp tục giảm xuống mức 3,97%

trong quý 1/2025. Thay vào đó, Malaysia tăng xuất khẩu sang thị trường Mỹ, với tỷ trọng đạt 6,87% trong năm 2020 (đứng ở vị trí thứ 6), thì tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường này đã tăng lên 12,62% năm 2024 – trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia, và tiếp tục tăng trong quý 1/2025, đạt 15,68%.

Top 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025 (Đvt: % tính theo trị giá xuất khẩu)

Thị trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Quý 1/2025
Tổng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Mỹ	6,87	6,59	8,77	7,16	12,62	15,68
Ấn Độ	8,23	8,53	12,57	9,94	8,47	23,15
Hàn Quốc	11,46	14,14	14,24	11,78	7,66	3,97
Việt Nam	7,01	3,31	5,84	6,11	7,12	6,09
Trung Quốc	17,52	14,57	6,70	6,15	7,06	5,01
Nhật Bản	11,27	7,50	5,21	6,33	6,71	5,74
Thổ Nhĩ Kỳ	1,83	3,80	5,64	7,95	6,23	5,12
Thái Lan	3,74	4,17	5,00	4,91	5,43	3,48
Australia	1,25	1,90	4,00	4,47	4,82	5,37
Singapore	5,62	5,26	5,22	6,27	4,52	4,09

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Đáng chú ý, xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia sang thị trường Ấn Độ cũng có sự chuyển dịch đáng kể, từ mức chiếm 8,23% tỷ trọng năm 2020 tăng lên mức 12,57% năm 2022, mặc dù tỷ trọng xuất khẩu đã giảm trong những năm sau đó, nhưng đã tăng vọt lên mức 23,15% trong quý 1/2025 – trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia.

Xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia sang các thị trường trong giai đoạn 2020-2024 có nhiều biến động, trong đó, xuất khẩu sang nhiều thị trường đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm ở mức hai con số như Mỹ, Thổ Nhĩ Kỳ, Thái Lan, Australia... Ở chiều ngược lại, xuất khẩu sang một số thị trường giảm như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản...

Tăng trưởng xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia sang một số thị trường giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025

Thị trường	Năm 2020 (nghìn USD)	Năm 2024 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quán giai đoạn 2020-2024 (%)	Quý 1/2025 (nghìn USD)	So với quý 1/2024 (%)
Tổng	1.291.895	1.580.926	5,2	437.876	8,5
Mỹ	88.695	199.477	22,5	68.644	55,8
Ấn Độ	106.293	133.965	6,0	101.350	240,9
Hàn Quốc	147.988	121.037	-4,9	17.391	-50,6
Việt Nam	90.617	112.585	5,6	26.682	2,2
Trung Quốc	226.301	111.575	-16,2	21.949	-32,7
Nhật Bản	145.561	106.088	-7,6	25.123	-14,3
Thổ Nhĩ Kỳ	23.588	98.559	43,0	22.421	4,5
Thái Lan	48.334	85.798	15,4	15.256	-40,3
Australia	16.115	76.128	47,4	23.531	38,4
Singapore	72.607	71.462	-0,4	17.929	2,1
Đức	46.399	62.596	7,8	16.019	-14,6
Campuchia	14.266	47.004	34,7	2.768	-72,9
Italia	21.529	41.746	18,0	10.264	-5,5
Indonesia	34.118	39.042	3,4	8.066	4,7
Đài Loan	42.245	34.572	-4,9	8.788	17,7
Mexico	14.456	33.426	23,3	5.945	-40,3

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Về chủng loại

Malaysia xuất khẩu chủ yếu các chủng loại thủy tinh và sản phẩm thủy tinh như: Kính an toàn, kính an toàn nhiều lớp, cường lực (trừ kính cách nhiệt nhiều lớp); sợi thủy tinh, bao gồm bông thủy tinh và các sản phẩm từ sợi thủy tinh (trừ bông khoáng và các sản phẩm từ sợi thủy tinh; kính nổi và kính mài hoặc đánh bóng bề mặt, dạng tấm, có hoặc không có chất hấp thụ; tấm hoặc kính dạng thanh, có hoặc không có

chất hấp thụ, phản xạ hoặc không phản xạ, chiếm 86,24% tổng trị giá xuất khẩu. Trong đó, kính an toàn, kính an toàn nhiều lớp, cường lực (trừ kính cách nhiệt nhiều lớp) vừa là chủng loại có trị giá xuất khẩu cao nhất, vừa là chủng loại có tỷ trọng xuất khẩu tăng đáng kể trong giai đoạn 2020-2024, từ mức 19,05% năm 2020 lên 25,84% năm 2024, và tiếp tục tăng vọt lên mức 37,89% trong quý 1/2025.

► NGÀNH THỦY TINH THẾ GIỚI

Tính chung trong giai đoạn 2020-2024, Malaysia đã đẩy mạnh xuất khẩu chủng loại kính an toàn, kính an toàn nhiều lớp, cường lực (trừ kính cách nhiệt nhiều lớp), với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân hàng năm là 13,5%/năm. Ngoài ra, Malaysia cũng đẩy mạnh xuất khẩu gương thủy tinh, có hoặc không có khung, bao gồm gương chiếu hậu (trừ gương quang học, quang học, đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 57,9%/năm trong giai đoạn này.

**Chủng loại thủy tinh và sản phẩm thủy tinh xuất khẩu của Malaysia
giai đoạn 2020-2024 và quý 1/2025**

HS	Chủng loại	Năm 2020 (nghìn USD)	Năm 2024 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020- 2024 (%)	Quý 1/2025 (nghìn USD)	So với quý 1/2024 (%)
	Tổng	1.291.895	1.580.926	5,2	437.876	8,5
'7007	Kính an toàn, kính an toàn nhiều lớp, cường lực (trừ kính cách nhiệt nhiều lớp)	246.144	408.466	13,5	165.912	80,8
'7019	Sợi thủy tinh, bao gồm bông thủy tinh và các sản phẩm từ sợi thủy tinh (trừ bông khoáng và các sản phẩm từ sợi thủy tinh	419.937	402.602	-1,0	94.309	-19,0
'7005	Kính nổi và kính mài hoặc đánh bóng bề mặt, dạng tấm, có hoặc không có chất hấp thụ	277.288	401.642	9,7	92.885	-12,7
'7006	Tấm hoặc kính dạng thanh, có hoặc không có chất hấp thụ, phản xạ hoặc không phản xạ	150.973	150.607	-0,1	36.302	-1,4
'7014	Đồ thủy tinh báo hiệu và các thành phần quang học bằng thủy tinh, không gia công quang học (trừ đồng hồ hoặc ...	47.012	65.463	8,6	11.975	-36,0
'7002	Thủy tinh dạng viên bi, thanh hoặc ống, không gia công (trừ vi cầu thủy tinh có đường kính <= 1 mm, thủy tinh ...	44.268	39.742	-2,7	11.193	11,5
'7009	Gương thủy tinh, có hoặc không có khung, bao gồm gương chiếu hậu (trừ gương quang học, quang học ...	4.187	26.052	57,9	5.823	-11,2
'7013	Đồ thủy tinh dùng để bàn, bếp, nhà vệ sinh, văn phòng, trang trí nội thất hoặc các mục đích tương tự ...	24.857	25.274	0,4	5.413	2,0
'7010	Bình thủy tinh, chai, bình, lọ, ống thủy tinh và các loại đồ đựng khác bằng thủy tinh	18.426	21.026	3,4	2.584	-47,6
'7020	Các mặt hàng bằng thủy tinh chưa phân loại vào đâu	38.387	12.766	-24,1	4.574	366,3

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Đánh giá tiềm năng, lợi thế ngành thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia, so sánh với Việt Nam

Có thể thấy, ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia tương đối phát triển trong khoảng 10 năm trở lại đây, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất kính.

Trong thời gian tới, ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia được dự báo sẽ tăng trưởng ổn định nhờ các cơ hội mở ra từ xu hướng xu hướng công nghiệp, xây dựng xanh, năng lượng tái tạo và xuất khẩu. Trong đó, Malaysia sẽ tập trung vào phát triển các sản phẩm kính như kính năng lượng mặt trời, thủy tinh kỹ thuật, các loại thủy tinh trái ché...

Về xuất khẩu, nhờ có nền tảng xuất khẩu mạnh những năm gần đây, sẽ là động lực để Malaysia đẩy mạnh xuất khẩu thủy tinh và sản phẩm thủy tinh thời gian tới, trong

đó Malaysia sẽ tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm thủy tinh như kính an toàn, kính an toàn nhiều lớp, kính cường lực; kính nổi và kính mài hoặc đánh bóng bề mặt, dạng tấm, có hoặc không có chất hấp thụ; gương thủy tinh. Các thị trường xuất khẩu chính vẫn là các thị trường như Mỹ, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Thái Lan, Australia.

Như vậy, so sánh lợi thế giữa ngành sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh của Malaysia với Việt Nam thấy rằng, Việt Nam có lợi thế về nguồn nguyên liệu, chi phí sản xuất rẻ, tiềm năng phát triển lớn trong khi đó, Malaysia vượt trội hơn về công nghệ, xuất khẩu và năng lực kỹ thuật, đã xây dựng được vị thế trên thị trường quốc tế. Trong tương lai, nếu Việt Nam tiếp tục đầu tư công nghệ, nâng cao tay nghề và chuỗi giá trị, thì hoàn toàn có thể vượt Malaysia trong ngành thủy tinh.



Ấn Độ áp dụng thuế chống bán phá giá đối với kính cường lực tráng và không tráng có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Việt Nam và Trung Quốc

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, Cục Thuế - Bộ Tài chính Ấn Độ đã ban hành Quyết định số 11/2025-Hải quan (ADD) về việc áp dụng thuế chống bán phá giá đối với kính cường lực tráng và không tráng có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Việt Nam và Trung Quốc nhập khẩu vào Ấn Độ trên cơ sở kết quả điều tra sơ bộ của Tổng Cục Phòng vệ Thương mại đã được công bố tại Thông báo số 6/29/2023-DGTR ngày 10/02/2025. Thuế áp dụng sẽ nằm trong khoảng từ 570 USD/tấn đến 664 USD/tấn.

Ngày 10 tháng 5 năm 2025, Cục Thuế - Bộ Tài chính Ấn Độ đã ban hành Quyết định số 03/2025-Hải quan (CVD) về việc áp dụng thuế chống trợ cấp đối với kính cường lực tráng và không tráng có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Việt Nam và Trung Quốc nhập khẩu vào Ấn Độ trên cơ sở kết quả điều tra sơ bộ của Tổng Cục Phòng vệ Thương mại đã được công bố tại Thông báo số 6/32/2023-DGTR ngày 11/02/2025. Thuế áp dụng sẽ nằm trong khoảng từ 593 USD/tấn đến 664 USD/tấn.

Bộ Công Thương nhận được yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp CBPG đối với kính nổi không màu nhập khẩu từ Indonesia và Malaysia

Ngày 6/6/2025, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công thương đã tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với kính nổi không màu có xuất xứ từ Indonesia và Malaysia. Bên yêu cầu là đại diện các nhà sản xuất trong nước.

Theo các doanh nghiệp, sự đổ bộ của kính nổi không màu nhập khẩu bán phá giá trong suốt một thời gian dài đã và đang gây khó khăn cho lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ kính nổi khiến các doanh nghiệp nội địa khó tiêu thụ hàng hóa, phải dừng hoặc sản xuất cầm chừng.

Trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Phòng vệ thương mại sẽ tiến hành thẩm định hồ sơ để trình Bộ trưởng Bộ Công thương xem xét tiến hành điều tra hoặc không điều tra vụ việc liên quan đến kính nổi nhập khẩu.